LÃ BẤT VI

LÃ THỊ XUÂN THU

PHAN VĂN CÁC

Dịch



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LÃ THỊ XUÂN THU

LÃ BẤT VI

LÃ THỊ XUÂN THU

Phan Văn Các *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc đang có trong tay bản dịch Lã thị Xuân thu, một pho sách cổ đặc sắc của thời Tiên Tần Trung Quốc.

Theo Sử kí, Lã Bất Vi *truyện thì Lã thị Xuân thu ra đời là do Lã Bất Vi khi làm thừa tướng nước Tần "nghĩ rằng mạnh như nước Tần mà kém cạnh người thì hổ thẹn", "Ngụy có Tín Lăng Quân, Sở có Xuân Thân Quân, Triệu có Bình Nguyên Quân, Tề có Mạnh Thường Quân, đều chiêu hiền đãi sĩ, thết nuôi tân khách, bèn "cũng chiêu vời kẻ sĩ, đãi ngộ rất hậu, thực khách có đến ba ngàn người". Mà "thời bấy giờ chư hầu có nhiều biện sĩ, như bọn Tuân Khanh, viết sách công bố trong thiên hạ". Lã Bất Vi bèn sai các thực khách của mình viết ra những điều nghe biết, tập hợp lại làm thành "Bát lãm" và "Lục luận", "Thập nhị kỉ" cộng hơn hai mươi vạn chữ, coi là có đủ "thiên địa vạn vật cổ kim chi sự", đặt tên là* Lã thị Xuân thu, *và "đặt ở cổng chợ Hàm Dương, treo ngàn lạng vàng trên đó, mời du sĩ tân khách chư hầu ai thêm bớt được một chữ thì thưởng ngàn lạng vàng."*[1]

Thực khách của họ Lã có đến ba ngàn người, dĩ nhiên

---

(1) Nguyên văn "Bố Hàm Dương thị môn, huyền thiên kim kì thượng, diên chư hầu du sĩ tân khách hữu năng tăng tổn nhất tự giả dữ thiên kim".

không chung một trường phái học thuật, biên soạn một bộ sách khổng lồ như vậy, ta có thể hình dung công việc cực kì khó khăn phức tạp, và nội dung đa dạng, không nhất quán là điều dễ hiểu. Ngay Hán thư Nghệ văn chí *đã coi đó là tác phẩm tiêu biểu của "tạp gia", đánh giá rằng về học thuật, sách ấy "kiêm Nho Mặc, hợp Danh Pháp (gồm cả Nho gia lẫn Mặc gia, ghép cả Danh gia với Pháp gia).*

Ở thời hiện đại, Hầu Ngoại Lư cho đó là khởi nguồn của Tạp gia, là sự nhào trộn "kiêm thính tạp học" không có tinh thần sáng tạo. Nhiều học giả chỉ thừa nhận giá trị sử liệu của nó mà thôi.

Nhưng nhà sử học Phùng Hữu Lan cho rằng: "sách này không đặt tên Lã Tử, *mà đặt tên là* Lã thị Xuân thu, *hẳn là Văn Tín Hầu vốn đã coi sách của mình là sử,* Sử kí *nói rằng Lã Bất Vi coi sách của mình chứa đủ muôn vật trong trời đất cùng mọi việc xưa nay, đặt tên là* Lã thị Xuân thu *cũng đã coi đó là sử.* Tựa Niên biểu mười hai chư hầu *trong* Sử kí *đặt ngang hàng* Lã thị Xuân thu *với* Tả thị Xuân thu *và* Ngu thị Xuân thu, *chứng tỏ Sử Công cũng coi sách đó là sử rồi. "Bởi thế sách ấy ghi chép các thuyết của tiên triết để lại, cựu văn cổ sử dẫu chỉ một câu một chữ cũng là đáng quý, cho nên sách này tuy không phải sách quan trọng trong "Tử bộ", nhưng quả là kho báu của sử gia vậy". Nhâm Kế Dũ cũng cho rằng "Xuân thu đã được phát triển thành tên gọi chung của cổ sử, tác giả của* Lã thị Xuân thu *muốn bao quát sự biến cổ kim, tự coi là sử điển, nên tự mình đặt tên là Xuân thu". Ông còn cho rằng* Lã thị Xuân thu *là "sự mở đầu của lịch sử triết học Tần Hán", "đã khởi phát tư trào Đạo gia khoảng giao*

thời Tần Hán, đã thúc đẩy sự phát triển của triết học duy vật Hán sơ". Nghiên cứu kĩ Lã thị Xuân thu, *chúng tôi cho rằng các học giả thời nay như hai ông Phùng Nhâm mới thực sự đã vứt bỏ được thiên kiến. Sách họ Lã có nội hàm tư tưởng rộng lớn, quyết không phải là sự nhào nặn xào xáo đơn thuần hay sự liệt kê sử liệu, mà là thu thập sở trường của các nhà tổng hợp lại hình thành nên một hệ thống đặc biệt mà chỉ thời đại đặc thù sắp thực hiện cuộc đại nhất thống phong kiến mới có được, quả là một bộ trước tác cực kì quan trọng để nghiên cứu lịch sử và triết học Tiên Tần. Xét về văn học, văn chương có thể nói là lưu loát và cô đọng gọt giũa luận chứng mạch lạc rõ ràng, cũng đáng gọi là điển phạm, địa vị lịch sử của nó đáng được coi trọng.*

Giá trị của Lã thị Xuân thu *chủ yếu biểu hiện ở mấy mặt sau:*

1. Giá trị học thuật

Thu thập rộng rãi, tổng hợp sở trường của các nhà. Sách này chẳng phải một mình họ Lã soạn ra, mà là họ Lã với quyền vị thừa tướng nước Tần, sai thực khách ai nấy viết hết những gì họ nghe biết mà thành. Các vị thực khách đại biểu cho đủ loại trường phái học thuật tư tưởng tất nhiên biết kết hợp với tinh thần thời đại và đặc điểm tình hình lúc đó mà đưa ra những bài viết tiêu biểu được cho trường phái tư tưởng học thuật của mình. Thêm nữa, viết theo một dàn ý cương mục đã định, cương mục đó đã có tôn chỉ và định hướng rõ rệt, việc tuyển chọn các bài viết chắc là rất nghiêm ngặt. Rất rõ ràng, đây không phải là một tập luận văn, mà là một bộ chuyên khảo Lã thị Xuân thu, *thành một hệ thống tư tưởng thống nhất*

hẩn hoi.

Thiên Bất nhị *nói rằng: Lão Đan quý "nhu", Khổng Tử quý "nhân", Mặc Địch quý "khiêm", Quan Doãn quý "thanh", Tử Liệt Tử quý "hư", Trần Biền quý "tề", Dương Sinh quý "kỉ", Tôn Tẫn quý "thế", Vương Liêu quý "tiên", Nhi Lương quý "hậu", mười người ấy đều là hào sĩ trong thiên hạ.*

Lã thị Xuân thu *đã khái quát rất cô đọng chỗ mạnh của Chư tử, mỗi nhà chỉ dùng một chữ.*

Thiên Dụng chúng *nói rằng: Mọi vật vốn không có chỗ dài, không có cái gì không có chỗ ngắn. Con người ta cũng vậy. Cho nên người khác học thì mượn lấy chỗ dài chỗ mạnh của người khác để bù vào chỗ ngắn chỗ yếu của mình,... Dẫu là Kiệt Trụ cũng còn có điều khả úy khả thủ, huống chi là các bậc hiền giả?*

Lã thị Xuân thu *đã tiếp nhận sở trường của mọi nhà với một tấm lòng như vậy. Đó là thái độ "trạch thiện nhi tòng" (chọn cái hay mà theo), vì thế nó chọn hình thức chủ yếu là kế thừa và phát huy, chứ không có thái độ hẹp hòi độc tôn một nhà, vùi dập những nhà khác. Phải nói đó là một thái độ rất đáng quý.*

Suốt toàn bộ sách, trong cả 160 thiên đã thể hiện quan điểm học thuật của Chư tử, trong đó chủ yếu có: Lão Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Nho gia, Âm dương gia, Pháp gia, Binh gia, Nông gia v.v...

Lã thị Xuân thu *nhiều thiên đề cập đến Lão Tử, trình bày quan điểm của Lão Tử. "Đạo" của lão Tử, còn gọi là "Nhất" hoặc "Thái nhất" là khái niệm cao nhất của triết học Lão Tử. Lão Tử cho rằng đạo Trời vô vi,* Lã thị Xuân thu, *thiên* Khứ tư *nói: "Thiên vô tư phúc dã, địa vô tư tái*

dã, nhật nguyệt vô tư chúc dã, tứ thời vô tư hành dã" (Trời chẳng che riêng, đất chẳng chở riêng, mặt trời mặt trăng chẳng soi riêng, bốn mùa chẳng vận hành riêng cho ai cả). Lão Tử, chương 25 nói: Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên (Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo noi theo Tự nhiên) Thiên Tự ý *trong* Lã thị Xuân thu *viết: "Thường đắc học Hoàng Đế chi sở dĩ hối Chuyên Hu hĩ, viên hữu đại hoàn tại thượng, đại củ tại hạ, nhữ năng pháp chi, vi dân phụ mẫu, cái văn cổ chi thanh thế, thị pháp thiên địa" (Từng được học điều mà Hoàng Đế đã dùng để dạy bảo Chuyên Hu: có Trời ở trên, có đất ở dưới, người bắt chước được Trời đất thì người sẽ có được thiên hạ mà cai trị (làm cha mẹ) dân. Ta nghe rằng đời thanh bình thuở xưa chính là do bắt chước Trời đất mà có).*

Thiên Tri đô *lại cải tạo quan điểm vô vi của Lão Tử thành ra "nhân nhi bất vi" (chỉ khéo nương theo thế mà hướng đi chứ không tạo tác) thiên* Chấp nhất *nói phải "nhân tính nhiệm vật" (sử dụng mọi vật theo bản tính của chúng). Thiên* Quý công *nói: "Thiên địa đại hĩ, sinh nhi phất tử, thành nhi phất hữu" (Trời đất thật lớn lao, sinh ra người ta mà không nhận lấy làm con mình, tác thành muôn vật mà không chiếm làm sở hữu của mình) và "Đại tượng bất trác, đại bào bất đậu, đại dũng bất đấu, đại binh bất khấu" (Người thợ giỏi không tự mình đẽo, người đầu bếp giỏi không tự mình bày mâm bát, người đại dũng không tự mình ra trận mà chiến đấu, quân đội của bậc vương giả không làm hại dân lành) Thiên* Tự ý *nói: "Tư thị sử mục manh, tư thính sử nhĩ*

long, tư lự sử tâm cuồng" (Xem mà mang theo tư ý thì khiến mắt mù, nghe mà mang theo tư ý thì khiến tai điếc, nghĩ mà mang theo tư ý thì khiến tâm trí điên cuồng). Thiên Quân thủ *nói: "Cố viết nhật bất xuất hộ nhi tri thiên hạ, bất khuy ư dũ nhi tri thiên đạo, kì xuất di viễn, kì tri di thiểu" (Cho nên nói rằng không ra khỏi cửa mà biết được việc trong thiên hạ, không nhòm ra cửa sổ mà biết được đạo Trời, Còn đi ra càng xa thì hiểu biết lại càng ít) còn các mệnh đề "chí trí khí trí, chí nhân vong nhân, chí đức bất đức, chí ngôn khử ngôn, chí vi vô vi" (Trí tuệ lớn nhất là vứt bỏ trí tuệ, nhân nghĩa lớn nhất là quên nhân nghĩa đi, đức lớn nhất là không cần đức, ngôn ngữ hay nhất là vứt bỏ ngôn ngữ, làm hay nhất là không làm gì cả) "Đại trí bất hình, đại khí vãn thành, đại âm hi thanh" (Trí lớn chẳng hiển hiện, người làm việc lớn thì thành công muộn, âm nhạc hay thì ít tiếng) "cố họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục" (trong họa có điểm tựa của phúc, trong phúc có chỗ ẩn náu của họa) trong các thiên* Nhiệm số, Tinh dụ, Lạc thành, Chế lạc *thì đều bắt nguồn trực tiếp ở Lão Tử, cả đến giọng điệu ngữ khí cũng giống như của Lão Tử. Nhưng* Lã thị Xuân thu *chẳng những không học cách tị thế (lánh đời) của Lão Tử, mà trái lại còn tích cực "Nhập thế" (lăn xả vào cuộc đời).*

Lã thị Xuân thu *có nhiều thiên trực tiếp thoát thai từ* Trang Tử. *Nhiều sự việc được ghi lại đều bắt nguồn từ Trang Tử. Các thiên* Quý Công, Quý sinh, Đáng vụ, Thành liêm, Thận nhân, Tất kỉ, Quan thế, Li tục, Thần vi *đã dẫn lại nhiều mẩu chuyện trong* Trang Tử. *Thí dụ như Quản Tử ốm nặng, Hoàn Công cùng bàn về đại thần ủy*

thác việc nước, Vương Tử Sưu không chịu làm vua, Vua Lỗ cầu Nhan Hạp không được, Đạo Chích bàn về "trộm cũng có đạo", chuyện Bá Di - Thúc Tề, Khổng Tử lâm vào thế cùng ở Trần Thái v..v... Thiên Hoàn đạo *nói "Thiên đạo hoàn, Địa đạo phương, thánh vương pháp chi, sở dĩ lập thượng hạ. Hà dĩ thuyết Thiên đạo chi hoàn dã? Tinh khí nhất thượng nhất hạ, hoàn chu phục thủy, vô sở kê lưu, cố viết thiên đạo hoàn. Hà dĩ thuyết địa đạo chi phương dã, Vạn vật thù loại thù hình, giai hữu phân chức, bất năng tương vi, cố viết địa đạo phương" (Đạo Trời thì tròn, đạo Đất thì vuông, Thánh vương bắt chước đó, mà đặt ra trên dưới vua tôi. Vì sao nói đạo Trời thì tròn? Khí âm thì đi lên , khí dương thì đi xuống, hết vòng thì quay lại từ đầu, vận hành không ngừng nghỉ, cho nên nói đạo Trời tròn. Vì sao nói đạo Đất thì vuông? Vạn vật khác loại, khác hình, vật nào có chức phận nấy, không thể kiêm nhiệm làm thay cho nhau, cho nên nói đạo Đất vuông) là trực tiếp lấy từ thiên* Tại hựu *của* Trang Tử *"Thiên đạo vận nhi vô sở tích, cố vạn vật thành".*

Thiên Tại hựu *sách* Trang tử *nói: "Chủ giả thiên đạo dã, thần giả nhân đạo dã" (Chúa là đạo Trời, bề tôi là đạo người) thì* Hoàn đạo *trong* Lã thị Xuân thu *nói: "Chủ chấp hoàn, thần xử phương, phương hoàn bất dịch, kì quốc nãi vương" (Vua giữ tròn, tôi ở vuông, vuông tròn không đổi thì nước phú cường)*

Thiên Quý đáng *nói: "Tính giả vạn vật chi bản dã, bất khả trường, bất khả đoản, nhân kì cố nhiên nhi nhiên chi, thử thiên địa chi số dã" (Tính là gốc của muôn vật, không thể nối dài ra, không thể cắt ngắn đi, chỉ có thể thực hiện nó theo hình trạng nó vốn có, đó là phép tắc*

định sẵn (cái số) của trời đất), có khác chi là phiên bản của tư tưởng "Bĩ chính chính giả, bất thất kì tính mệnh chi tình", "trường giả bất vi hữu dư, đoản giả bất vi bất túc", "cố tính trường phi sở đoạn, tính đoản phi khả tục" (Dùng chính lí của tự nhiên mà giữ đúng cái tính mệnh của tự nhiên thì mới không làm mất đi cái tình thực vốn có của tính mệnh; ngón dài không thấy là thừa, ngón ngắn không thấy là thiếu; cho nên cái mà bản tính là dài thì không thể cắt bớt, cái mà bản tính là ngắn cũng không thể nối dài ra) trong Trang Tử Biền mẫu.

*Còn "Vô vi dã nhi hậu an kì tính mệnh chi tình. Cố quý dĩ thân ư vị thiên hạ, tắc khả dĩ thác thiên hạ"(*Trang Tử Tri hựu *vô vi mà sau đó tính mệnh của mình được yên. Cho nên người mà quý thân mình hơn việc trị vì thiên hạ thì có thể phó thác cả thiên hạ) với "Nhân tính nhiệm vật nhi mạc bất nghi đáng", "Vi quốc chi bản tại ư vi thân" (*Lã thị Xuân thu Chấp nhất *Theo bản tính của muôn vật mà dùng chung thì chẳng có gì không thích nghi thỏa đáng; cái gốc của việc trị nước là ở chỗ trau giồi bản thân); hay là tư tưởng "Thượng tất vô vi nhi dụng thiên hạ, hạ tất hữu vi vi thiên hạ dụng, thử bất dịch chi đạo dã" (*Trang Tử Thiên đạo*: Đấng quân thượng ắt phải vô vi để trị vì thiên hạ, kẻ thần hạ ắt phải hữu vi để phục dịch thiên hạ, đó là đạo lí không bao giờ thay đổi) với "Nhân giả quân thuật dã, vi giả thần đạo dã" (*Lã thị Xuân thu Nhiệm số *Nương theo là cái thuật của vua, làm việc là cái đạo của kẻ bề tôi) sao mà giống nhau đến thế.* Trang Tử Liệt ngự khấu *nói xét người có "cửu trưng" thì* Luận nhân *của* Lã thị Xuân thu *có "bát quan lục nghiệm" (tám điều xem xét và sáu điều kiểm nghiệm)*

hay "lục thích tứ ấn" (sáu hạng thân thích, bốn loại bênh che) Ta có thể nhận thấy khá đậm ảnh hưởng học thuyết của Trang Tử trong rất nhiều thiên chương của Lã thị Xuân thu *như vậy.*

Thiên Đáng nhiễm *trong* Lã thị Xuân thu *trực tiếp bắt nguồn từ* Mặc Tử Sở nhiễm. *Và trong các thiên* Thính ngôn, Li tục, Dụng dân, Thích uy *thì* Lã thị Xuân thu *đã phát huy tư tưởng "ái lợi chi vi đạo" và chủ trương "kiêm ái" của Mặc gia. Các thiên* Đáng nhiễm, Tri sĩ, Thẩm kỉ, Cẩn thính, Bản vị, Nghĩa thưởng, Tiên thức, Quan thế *đã nhiều lần luận chứng cho chủ trương "sát hiền dụng hiền" (xét người hiền, dùng người hiền), và "dĩ hiền giả vi sư, bất luận quý tiện" (tôn người hiền làm thầy, không kể sang hèn) v..v... còn* Luận uy, Cao nghĩa, Vô nghĩa *v..v... thì đã phát triển chữ "nghĩa" rất được Mặc gia sùng chuộng thành "lợi nhân" "cứu nguy" "công chính" "hữu tín dự" (làm lợi cho người, cứu kẻ nguy, công bằng chính trực và có chữ tín), coi "nghĩa" là quy phạm tối cao của hành vi đạo đức. Các thiên* Tiết táng, An tử *thì phát huy và đề cao chủ trương tiết táng của Mặc Tử, nhưng gạt bỏ phần tư tưởng của Mặc Tử về quỷ thần.*

Học thuyết tam cương ngũ thường, đạo hiếu, lòng tôn sư, lí luận và quan điểm về âm nhạc của Nho gia cũng thấy thể hiện trong sách của họ Lã. Thiên Xử phương *viết. "Phàm vi trị tất tiên định phận. Quân quân thần thần phụ phụ tử tử, phu phu phụ phụ lục giả đáng vị", "đồng dị chi phân, quý tiện chi biện, trưởng thiếu chi nghĩa", "trị loạn chi kỉ dã" (Phàm cai trị quốc gia thì nhất định phải định rõ danh phận trước hết. Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ, sáu*

hạng đó phải ai đúng vị trí nấy, phân biệt đồng với dị, sang với hèn, lớn với bé, đó là then chốt của tình trạng trị hay loạn (của đất nước)). Thiên Hiếu hạnh *cho rằng: "Phàm vi thiên hạ, trị quốc gia, tất vụ bản nhi hậu mạt. Sở vị bản giả, phi canh vân chủng thực chi vị, vụ kì nhân dã. Vụ kì nhân, phi bần nhi phú chi, quả nhi chúng nhi, vụ kì bản dã. Vụ bản mạc quý hồ hiếu... Phù hiếu, tam hoàng ngũ đế chi bản vụ, nhi vạn sự chi kỉ dã" (Phàm cai quản thiên hạ, trị vì quốc gia, tất phải chú trọng cái gốc trước mà cái ngọn sau. Nói cái gốc, chẳng phải là nói đến cày bừa trồng trọt, mà là chú trọng con người vậy. Chú trọng con người, chẳng phải là nghèo thì làm cho họ giàu lên, ít thì làm cho họ đông lên, mà là chú trọng cái gốc của con người, chú trọng cái gốc, chẳng gì quý hơn đạo hiếu. Đạo hiếu là việc gốc của tam hoàng ngũ đế là then chốt của mọi việc vậy). Các lập luận trên đây đều trùng khớp với lập luận trong kinh điển Nho gia* Lễ kí. *Lã thị Xuân thu có 7 thiên bàn về nhạc là* Đại nhạc, Xỉ nhạc, Thích âm, Cổ nhạc, Âm luật, Âm sơ, Chế lạc, *thì nhận thức cho rằng âm nhạc có chức năng giáo hóa được trình bày xuyên suốt 7 thiên đó chính là chủ trương và lí luận của Nho gia. Còn* Vu đồ, Tôn sư, Khuyến học *thì rõ ràng là sự phát huy tư tưởng giáo dục của Nho gia.*

Học thuyết âm dương ngũ hành của Trâu Diễn đến cuối thời Chiến Quốc đã phát triển nhanh chóng. Quan điểm của học thuyết này là trên cơ sở đi sâu quan sát "âm dương tiêu tức" mà rút ra lí luận "ngũ đức chung thủy", lấy âm dương tiêu trưởng để thuyết minh sự luân phiên bốn mùa đắp đổi, ngũ hành tương sinh tương khắc, cùng với thuyết "thiên khiển thiên thụy" (trời quở trách, trời

ban phúc). Những quan điểm này đều xuyên suốt từ đầu đến cuối Lã thị Xuân thu. *Cả 12 kỉ, đầu mỗi kỉ đều lấy hai khí âm dương để giải thích sự biến đổi, lấy ngũ hành, ngũ sắc, ngũ âm, ngũ phương, ngũ tự tương phối với âm dương, và đòi hỏi chính lệnh phải tương phối với bốn mùa, cho rằng nếu không tương phối thì sẽ gây ra tai dị.*

Thiên Ứng đồng *nói: "Phàm đế vương nhi tương hưng dã, thiên tất tiên hiện tường hồ hạ dân. Hoàng Đế chi thời, thiên tiên hiện đại dẫn đại lâu, Hoàng Đế viết 'Thổ khí tướng', thổ khí thắng, cố kì sắc thượng hoàng, kì sự đắc thổ. Cập Vũ chi thời, thiên tiên hiện thảo mộc thu đông bất sát. Vũ viết 'Mộc khí thắng', mộc khí thắng, cố kì sắc thượng thanh, kì sự tắc mộc. Cập Thang chi thời. thiên tiên hiện kim nhẫn sinh ư chủng, Thang viết 'Kim khí thắng', Kim khí thắng, cố kì sắc thượng bạch, kí sự tắc kim. Cập Văn Vương chi thời, thiên tiên hiện hỏa, xích ô hàm ngư đan thư tập vu Chu xã, Văn Vương viết 'Hỏa khí thắng', hỏa khí thắng, cố kì sắc thượng xích, kì sự tắc hỏa. Đại hỏa giả tất tương thủy, thiên thả hiện thủy khí thắng, thủy khí thắng, cố kì sắc thượng hắc, kì sự tắc thủy. Thủy khí chí nhi bất tri, số bị, tương tỉ vu thổ" (Phàm khi nghiệp đế vương sắp hưng thịnh, thì trời đều hiện điềm lành báo trước cho dân. Thời Hoàng Đế, trời đã cho hiện con giun to, con dế lớn. Hoàng Đế nói 'Khí thổ thắng'. Khí thổ thắng cho nên màu sắc chuộng màu vàng, việc biểu hiện tất ở đất. Đến Thời Vũ, trời hiện ra cảnh tượng cỏ cây đến cuối thu sang đông vẫn chẳng điêu tàn, Vũ nói đó là 'Khí mộc thắng'. Khí mộc thắng, cho nên màu sắc chuộng xanh, việc biểu hiện ra ở cây. Đến thời Thang, trời để cho dao vàng xuất hiện ở*

trong nước. Vua Thang nói 'Khí kim thắng'. Khí kim thắng cho nên màu sắc chuộng trắng, vật biểu hiện ra trên vàng. Đến thời Văn Vương, trời cho hiện lửa trước, cho quạ đỏ ngậm thư son tụ tập ở xã chỉ nước Chu, Văn Vương nói 'Khí hỏa thắng'. Khí hỏa thắng, thì màu sắc chuộng đỏ, việc biểu hiện trên lửa. Thay thế lửa chắc chắn là nước, trời sẽ hiện trước ra 'khí thủy thắng' Khí thủy thắng, cho nên màu sắc chuộng đen, việc biểu hiện ra trên nước. Khí thủy đến rồi mà không biết, số trời đã đủ, nếu không hưởng ứng, thì sẽ dời sang đức thổ). Không chỉ có học thuyết thiên khiển thiên thụy, mà còn dùng "ngũ hành tương sinh tương thắng để khuyến dụ Tần vương lợi dụng số trời" chịu mệnh làm vua mà cải chế dịch sắc (thay chế độ, đổi sắc màu), lấy đức của nước mà ứng với điều đó, nếu không thì ý trời sẽ thuộc về người khác. Rõ ràng có khác chi là sự thuyết minh cho câu "Ngũ đức chuyển di, trị các hữu nghi, nhi phù ứng nhược tư" (năm đức chuyển dời, mỗi đức đều thích hợp cho một thời trị, mà phù ứng đến như vậy).

Ngoài ra lời Pháp gia, lời Binh gia, lời Nông gia cũng đều được Lã thị Xuân thu *thâu nhận, trong đó lời Nông gia lấy thiên* Thượng nông *làm cương lĩnh, biểu hiện chủ trương trọng nông. Nhưng bản thân họ Lã là thương nhân, vì thế ông ta chắc chắn không thể duy nông ức thương như Thương Ưởng, mà là nhất nông nhì thương. Tư tưởng này được thực thi thành chính sách thì rõ ràng có lợi cho sự phát triển cả xã hội.*

Xét chung quan điểm học thuật của Lã thị Xuân thu, *chúng tôi cho rằng đúng như lời tựa của bản Cao Dụ chú giải đã nói: "Bất Vi đã tập hợp những điều sở văn của*

Nho giả, nhưng sách này chủ trương lấy đạo đức làm mục tiêu, lấy vô vi làm cương kỉ, lấy trung nghĩa làm phẩm thức, lấy công bằng cởi mở làm chuẩn mực, như phối hợp cả Mạnh Kha, Tôn Khanh với Hoài Nam, Dương Hùng vậy".

Có nghĩa là trong sách của họ Lã, "đạo đức" và "vô vi" là nội dung "trung nghĩa" và "công bằng cởi mở" là hình thức. Về điểm này, bản thân họ Lã cũng đã nhìn nhận như vậy trong "Tự ý" (lời tựa) của mình.

2. Giá trị tư tưởng

Đối với quan điểm tư tưởng của các nhà, Lã thị Xuân thu *không hề vơ cào vơ cấu, mà trái lại cố gắng gạn lọc gạt bỏ hết những chỗ mâu thuẫn của họ, rồi tổng hợp lại hình thành nên hệ thống của mình.*

Lã thị Xuân thu *cho rằng "Vạn vật sở xuất, tạo ư Thái nhất, hóa ư âm dương" (Vạn vật bắt đầu từ Thái nhất, do âm dương biến hóa mà sinh thành -* Đại nhạc*) Sao gọi là "Thái nhất"? "Thái nhất" tức là "đạo". "Đạo" là cái nhìn không thấy; nghe không được, không thể miêu tả. "Đạo dã giả, chí tinh dã, bất khả vi hình, bất khả vi danh, cưỡng vi chi, vị chi 'Thái nhất', vũ trụ chi hỗn độn trạng thái vi 'nhất', nhân kì cửu viễn, cố xưng 'Thái nhất'" (Đạo là chí tinh, không thể hình dung, không thể đặt tên, nếu miễn cưỡng đặt tên thì gọi là 'Thái nhất' trạng thái hỗn độn của vũ trụ là 'nhất', vì nó dài lâu, nên gọi là 'Thái nhất'"); Hỗn độn sơ khai, sinh ra Trời và Đất. Trời Đất lại sinh âm dương, âm dương tác động lẫn nhau sản sinh muôn vật. Trong các thiên* Đại nhạc, Tri phận, Tận số, Tiên kỉ, Xỉ nhạc, Hoàn đạo, Công danh, Luận nhân, Bản sinh, Quý đáng, Đáng thưởng *đều nói đến bản tính của*

vạn vật và quy luật của chúng. Lã thị Xuân thu *thừa nhận tính tất yếu khách quan của Trời Đất muôn vật, cho rằng nó không có ý chí, hoàn toàn không có màu sắc thần bí, đó chính là vũ trụ quan biểu hiện trong* Lã thị Xuân thu. *Thiên* Quý nhân *nêu ra khái niệm "nhân", có nghĩa là muốn nhận thức được tự nhiên, muốn nắm được quy luật của nó, muốn lợi dụng quy luật tự nhiên để cải tạo hoàn cảnh, đó chính là chuẩn mực "pháp thiên địa" trong quan hệ giữa Trời và Người. Thế nhưng, trong vấn đề "thiên nhân cảm ứng" thì nó chưa thoát khỏi khuôn sáo cũ, đã giữ lại học thuyết "ngũ đức chung thủy tường thụy tai dị". Nhưng thiên* Chế lạc *nói: "Kiến tường nhi vi bất thiện tắc phúc bất chí", 'kiến yêu nhi vi thiện tắc họa bất chí", việc làm của người có thể thay đổi được mệnh trời. Ý tác giả muốn khuyên người ta bỏ ác theo thiện, nhưng nhân tố chủ quan của con người có thể có tác dụng tích cực trước Trời, con người vẫn dường như có những ý nghĩa tích cực vì tư tưởng "thiên hữu thuật".*

Về nhận thức luận, Lã thị Xuân thu *cũng có kiến giải độc đáo. Thiên* Tôn sư *nói: "Huống chi Trời sinh ra người ta, cho người ta có hai lỗ tai có thể nghe, nếu không học thì sức nghe chẳng bằng người điếc,... là để đạt tới thiên tính" . Con người có các khí quan nhận thức và cảm biết sự vật, đó chỉ là một điều kiện để nhận thức thế giới. Học tập mới là con đường để để thu được tri thức, học tập có thể khiến người ta thu được ích lợi và đạt được thiên tính.*

Bản tính và quy luật của sự vật là có thể nhận biết, cho nên muốn biết nó như thế nào và biết vì sao nó như vậy, tìm "nhân" biết "hóa", tìm được quy luật và dùng nó

để chỉ đạo nhận thức của mình. Thiên Sát kim *nói: "Hữu đạo chi sĩ, quý dĩ cận tri viễn, dĩ kim tri cổ, dĩ ích sở kiến, tri sở bất kiến" (Kẻ sĩ có đạo, đáng quý là ở chỗ có thể dựa vào vật gần mà biết được vật xa, dựa vào nay mà biết được xưa, để tăng thêm những gì mình nhìn thấy được, và hiểu được những gì mình chưa từng nhìn thấy)*

Thiên Tri hóa *nói: "Phàm trí chi quý, quý tri hóa dã. Nhân chủ chi hoặc tắc bất nhiên, hóa vị chí tắc bất tri, hóa dĩ chí, tuy tri chi dữ vật tri nhất quán dã". (Phàm sự đáng quý của trí tuệ, đáng quý ở chỗ có thể xét biết sự phát triển biến hóa của sự vật. Những kẻ hồ đồ trong đám vua chúa thì không thế, khi sự biến hóa chưa đến thì mờ mịt chẳng hay biết gì, sau khi sự biến hóa đã xuất hiện, dẫu có biết nhưng vì quá muộn nên cũng chẳng khác gì không biết). Chỉ có từ biểu tướng đến bản chất, từ đặc thù đến phổ biến, người ta mới có thể ít mắc sai lầm.*

Về phương pháp nhận thức, Lã thị Xuân thu *cố gắng để gạt bỏ tính chủ quan và tính phiến diện. Các thiên* Khứ vưu, Khứ quả *đều lấy các câu chuyện ngờ người ăn trộm búa và mục hạ vô nhân để giáo dục con người ta gạt bỏ tính chủ quan và tính phiến diện trong phương pháp tư tưởng.*

Lã thị Xuân thu *chủ trương xét danh để tìm lấy cái thực, danh thực tương đương, chủ trương vận dụng đúng đắn phương pháp tư duy lôgic, phê phán quỷ biện, chủ trương phân rõ đúng sai. Thiên* Trọng kỉ *nói: "Thị kì sở vị phi, phi kì sở vị thị, thử chi vị đại hoặc" (Khẳng định điều người ấy coi là sai, phủ định điều người ấy coi là đúng, đó là điều lầm lẫn lớn) Thiên* Li vị *nói: "Biện nhi bất đáng lí tắc ngụy, trí nhi bất đáng lí tắc trá" và "Lí do*

giả, thị phi chi tông dã". (Khéo biện luận nhưng không hợp lí thì giả dối, thông minh nhưng không hợp lí thì xảo trá. Sự lí, là căn bản để phân định phải trái).

Lã thị Xuân thu *còn chủ trương "sát" (xét), chẳng những sát kim (xét nay), còn phải sát vi (xét những điều kín đáo), vừa phải sát truyền (xét những lời đồn) vừa phải sát hiền (xét những người giỏi), chẳng những sát nghi (xét những điều ngờ) càng phải sát bất nghi (xét những điều không ngờ vực) Thiên* Hữu độ *nói: "Nhân chi trí bất hôn hồ kì sở dĩ tri, nhi hôn hồ kì sở vị tri" (Trí tuệ của người ta không hồ đồ về những điều mình đã biết, mà hồ đồ ở những điều mình chưa biết). Thiên* Cẩn thính *nói: "Nhân chủ chi tính, mạc quá ư sở nghi, nhi quá ư kì sở bất nghi; bất quá ư sở bất tri, nhi quá ư kì sở dĩ tri. Cố tuy bất nghi, tuy dĩ tri, tất sát chi dĩ pháp, quỳ chi dĩ lượng, nghiệm chi dĩ số. Nhược thử, tắc thị phi vô sở thất, nhi cử thố vô sở quá hĩ" (Mối lo của bậc nhân chủ vẫn không phải là sai lầm trong những vấn đề ông ta nghi ngờ, mà chính là sai ngay ở những việc mà ông ta hoàn toàn nắm chắc không chút nghi ngờ. Không sai ở những việc ông ta không biết, mà lại sai ngay ở những việc ông ta đã biết. Cho nên, dẫu đã biết, vẫn phải dùng pháp chế để thẩm sát lại, dùng độ lượng để đo lường nó, dùng số thuật để nghiệm chứng nó. Như vậy thì sẽ tránh khỏi sự nhầm lẫn phải trái và xử lí không xác đáng). Phương pháp nhận thức đó chắc chắn là chính xác và hữu hiệu.*

Phạm trù tư tưởng đề cập đến trong Lã thị Xuân thu *cực kì rộng lớn. Người ta đã luận giải cả về tình dục, bày tỏ cả kiến giải về nhân tính luận. Như thiên* Tình dục *nói: "Thánh nhân chi sở dị giả, đắc kì tình dã" (Thánh*

nhân khác với người ta ở chỗ giữ được mức độ trong cái tình của mình) Thiên Quý đáng: *"Hiền bất tiếu chi sở dục dữ nhân đồng. Nghiêu Thuấn U Lệ giai nhiên, sở dĩ vi chi dị". (Vua hiền hay vua bất tiếu thì dục vọng của họ cũng giống như người khác, dù là Nghiêu Thuấn hay Chu U Vương, Chu Lệ Vương thì cũng đều như vậy, chỉ có cách làm của họ để thực hiện dục vọng là khác nhau mà thôi). Tình dục của con người ta chính đáng và hợp lí nhưng phải vừa độ và phải thỏa mãn bằng phương pháp chính đáng, vì thế* Lã thị Xuân thu *chủ trương tình dục lấy toàn sinh làm tiêu chuẩn, lấy hợp với tình người làm tiêu chuẩn (Tri tiếp), và phải coi trọng chính nghĩa đạo đức. Thiên* Quý sinh *chủ trương: "Toàn sinh vi thượng, khuy sinh thứ chi, tử thứ chi, bách sinh vi hạ" (Bảo toàn sự sống là trên hết, để cho sự sống bị hao tổn là kém một bậc, chết (mà giữ được chí) kém hơn một bậc nữa, còn sống bị bức bách (một cách hèn hạ nhục nhã) là thấp nhất.) "Bách sinh" còn thua cả chết là bởi vì phải chịu nhục về tinh thần thì còn khốn khổ khó chịu hơn cả sự thiếu thốn về vật chất. Nhận thức của* Lã thị Xuân thu *về cái chết cũng khá là khoa học và tiến bộ. Không thừa nhận quỷ thần và mệnh trời, thiên* Bản sinh *viết: "Thủy sinh chi giả, thiên dã; dưỡng thành chi giả, nhân dã" (Kẻ thoạt tiên sinh ra vạn vật là Trời, kẻ dưỡng thành vạn vật là người). Con người sản sinh ra từ giới tự nhiên, nhưng trưởng thành trong xã hội. Không tin ở trường sinh bất lão mà tin rằng sống chết là quy luật tự nhiên, các thiên* Tiết táng *và* Tận số *đều chủ trương thông qua dưỡng sinh để hưởng hết tuổi trời. "trường dã giả phi đoản nhi tục chi dã, tất kì số dã" (Trường thọ phải đâu là*

sự tiếp tục của đoản mệnh, mà chính là không yểu chiết, hưởng hết cái số của mình vốn có). Thiên Tiết táng *còn nói: "Hiếu tử chi trọng kì thân dã, từ thân chi ái kì tử dã, thống ư cơ cốt tính dã. Sở trọng sở ái, tử nhi khí chi câu hác, nhân tình bất nhẫn vi dã, cố hữu táng tử chi nghĩa" (Người hiếu tử kính trọng cha mẹ mình, cha mẹ yêu thương con cái, đều khắc cốt minh tâm, đó là thiên tính. Đối với những người mà mình kính trọng yêu thương, nay chết đi mà đem vứt xác nơi ngòi rãnh thì trong lòng quả thật không nỡ. Cho nên có việc tẫn táng người chết vậy). Chôn cất chẳng phải vì người chết còn có tri giác mà là vì người sống, vì nhu cầu tình cảm của những người thân đang sống. Điều này rõ ràng khác hẳn với nhận thức "hữu quỷ luận". Quan niệm của* Lã thị Xuân thu *về sống chết là tương đối khoa học.*

Lã thị Xuân thu *hết sức coi trọng dưỡng sinh, dưỡng sinh là cốt để toàn sinh. Tổng quát các thiên* Tiên kỉ, Tình dục, Bản sinh, Tận số *nêu lên quan điểm: lao và dục đều phải có tiết chế, bất kể ăn mặc, ở đi đều không được quá mức. Tinh thần phải lành mạnh, thể phách phải vận động, khai tắc thông khiếu, hóa trệ khử uất, như vậy thì tinh khí, huyết mạch, mới lưu thông, mới có thể thân cường thể kiện để hưởng tận tuổi trời. Điểm này cũng khác với học thuyết Lão Trang sau đó.*

Ngoài ra, Lã thị Xuân thu *còn có tinh thần không né tránh kiêng sợ việc phê phán các vua đương triều.*

3. Giá trị chính trị xã hội

Lã Bất Vi đã tổ chức một tập thể sáng tác khá lớn, qua quá trình biên soạn nghiêm túc, hình thành nên một tác phẩm hoàn chỉnh, hoàn toàn không chỉ là để tranh hùng

với bốn vị quân tử của các nước Triệu, Sở,Ngụy, Tề, và cũng không chỉ là trước tác của văn nhân để ganh đua cái danh với Tuân Khanh và những người khác. Sách viết xong đem treo lên cửa. Hàm Dương treo thưởng nghìn vàng cho ai thêm bớt được một chữ, cũng không thể chỉ là khoe khoang quyền thế, mà phải nói là còn có một tầng ý nghĩa sâu xa trong đó. Lã Bất Vi đã có thể đầu cơ Tử Sở như một món hàng hiếm, bỏ của ra mua thừa tự cho, dã tâm chính trị phải nói rất lớn. Bản thân họ Lã từ một gã con buôn ngồi lên ghế thừa tướng, đã cống hiến không ít cho các hành động quân sự của nước Tần thôn tính lục quốc, kể cũng là một chính trị gia lão luyện thành đạt. Bây giờ đối với một đế quốc phong kiến sắp đại nhất thống; ông ta muốn dùng pho sách này để công bố mô hình thiết kế của mình, nói theo ngôn ngữ ngày nay thì quả cũng là có "tầm nhìn xa", một mặt thúc đẩy cục diện thống nhất, mặt khác để trình bày cả một hệ phương án cai trị. Treo sách cổng chợ, hứa thưởng ngàn vàng một chữ cũng là rất phù hợp với tính cách của họ Lã, vừa danh vừa lợi, vừa có dã tâm chính trị vừa không đổi tính cách con buôn. Hiệu quả thực của việc làm ấy là đã nghiệm chứng uy thế của mình, đồng thời cũng là một "mốt" quảng cáo cực kì hấp dẫn cho cuốn sách, khuếch đại tiếng tăm của họ Lã và của Lã thị Xuân thu.

Chúng tôi cho rằng Lã thị Xuân thu *không phải là một tập vựng biên tư liệu, mà là cả một hệ thống lí luận và phương pháp quản lí hoàn chỉnh, đã tổng kết kinh nghiệm thống trị tư tưởng của giai cấp thống trị Tiên Tần, tìm ra cả một loạt biện pháp quản lí khá hoàn bị cho cục diện đại nhất thống sắp tới. Là một người quyền*

cao uy trọng ra vào nơi cung cấm với tư cách "trọng phụ", Lã Bất Vi lao tâm khổ tứ cho cuốn sách chắc không phải để tranh hơn thua một lúc, mà chính là dục vọng và dã tâm chính trị mới khiến cho ông ta muốn tác động đến Tần vương Chính, trên thực tế là con đẻ của ông ta.

Ta có thể phần nào thấy được điều đó qua nội dung sách. Lã thị Xuân thu *cho rằng có thể phế vua nhưng không thể phế đạo làm vua. Thiên* Thị quân lãm *viết "Cố quân thần chi nghĩa bất khả bất minh dã. Tự thượng thế dĩ lai, thiên hạ vong quốc đa hĩ, nhi quân đạo bất phế giả, thiên hạ chi lợi dã. Cố phế kì phi quân, nhi lập kì hành quân đạo giả" nghĩa là: Cái nghĩa vua tôi không thể không làm cho rõ. Từ thượng cổ đến nay, các nước bị diệt vong trong thiên hạ đã nhiều rồi, song nguyên tắc quân chủ thì không hề phế bỏ, ấy là vì thiên hạ coi là có lợi. Bởi thế phế truất những kẻ không xứng đáng là vua, mà lập người thi hành được đạo làm vua.*

Về việc cai trị quốc gia, Lã thị Xuân thu *có một loạt quan điểm: Muốn xã hội yên trị và hưng thịnh, trước hết phải "hành quân đạo" (thi hành đạo làm vua) "Quân đạo hà như. Lợi nhi vật lợi" Vua phải làm lợi cho dân, lợi cho thiên hạ, chứ không được làm lợi cho mình. Nghĩa là chỉ có thuận lòng dân thì mới có thể thực hiện được "trị thế" (đời bình trị). Vũ Vương sở dĩ thắng được Ân chính là nhờ thuận lòng dân (*Quý nhân*). Phải dùng người hiền tài. Các thiên* Cầu nhân, Quan thế, Tiên thức *làm đều nhấn mạnh tầm quan trọng của tuyển hiền nhiệm năng" (chọn người hiền tài, dùng người có năng lực) "Đắc hiền nhân, quốc vô bất an, danh vô bất vinh", "cố hiền chủ đắc hiền giả nhi dân đắc, dân đắc nhi thành đắc, thành đắc*

nhi địa đắc" (Có được người hiền thì nước nhất định yên, danh nhất định vinh, cho nên vua hiền mà có được người hiền thì sẽ được dân, được dân thì sẽ được thành, được thành thì sẽ được đất).

Lại phải chế định phép trị nước. Thiên Sát kim *nói: "Trị quốc vô pháp tắc loạn, thủ pháp nhi phất biến tắc bội, bội loạn bất khả trì quốc" (Nước trị mà không có pháp lệnh thì loạn, khư khư giữ lấy pháp lệnh đã có mà không thay đổi thì sai lầm. Sai lầm loạn lạc thì không thể giữ được nước lâu bền)*

Lại phải nắm vững thời cơ (thiên thời) đồng thời phải nỗ lực chủ quan (nhân sự). các thiên Thủ thời, Trường công, Thận nhân, Tất kỉ, Ngộ hợp *đều tập trung trình bày quan điểm này. Như "Thuấn ngộ ư Nghiêu, Thiên dã; Thuấn canh ư Lịch Sơn, đào ư Hà tần, điếu ư Lôi Trạch, thiên hạ duyệt chi, tú sĩ tòng chi, nhân dã" (Thuấn được tri ngộ bởi Nghiêu, là số trời vậy. Còn Thuấn đi cày ở Lịch Sơn, làm gốm ở bờ sông Hoàng Hà, đi câu cá ở Lôi Trạch, mà người trong thiên hạ đều thích, kẻ sĩ ưu tú đều theo về, thì đó là việc làm của con người, là sự nỗ lực của cá nhân Thuấn vậy* - Thận nhân*). "Thí chi nhược lương nông, biện thổ địa chi nghi, cẩn canh nậu chi sự, vị tất thu dã", "nhiên nhi thu giả, tất thử nhân dã" (Ví như nhà nông giỏi, chọn được đất đai thích hợp, cày sâu bừa kĩ, song chưa chắc đã được thu hoạch,song người có thu hoạch ắt phải là người đó* - Trường công*). Điều kiện khách quan thì có tính ngẫu nhiên, song nỗ lực chủ quan thì không thể thiếu được. Các kiến giải đó ở thời Tần đang thực hiện công cuộc đại nhất thống cũng như sau khi đã diệt xong lục quốc đều rất có ý nghĩa.* Lã thị Xuân thu *còn chú*

trương vua thì nên "nhân nhi vô vi", còn bề tôi thì phải "phấn lực nhi vi" (cố sức mà làm), tức là "nhân giả quân thuật dã, vi giả thần đạo dã" (dựa là thuật làm vua, làm là đạo làm tôi - Nhiệm số*). Vua thì phải dùng người, còn bề tôi thì bị người dùng.*

Lại chủ trương một nền chính trị tiến bộ, cởi mở. Thiên Đạt uất *nói: "Trị xuyên giả quyết chi sử đạo, trị dân giả tuyên chi sử ngôn" (Trị con sông thì khơi dòng cho nước chảy, trị người dân thì nên gợi ý cho họ nói ra) Phải mở rộng đường ngôn luận, vua chọn lời nói phải mà theo. Chủ trương* Thượng nông, *coi trọng nông nghiệp, đồng thời chú ý cả phát triển các nghề công thương. Chủ trương "tôn sư dưỡng sĩ" "Quốc tuy tiểu, kì thực túc dĩ tự thiên hạ chi hiền giả, kì xa túc dĩ thặng thiên hạ chi hiền giả, kì tài túc dĩ lễ thiên hạ chi hiền giả, dữ thiên hạ chi hiền giả vi đồ, thử Văn Vương chi sở dĩ vượng dã" nghĩa là: Nước dẫu nhỏ nhưng lương thực thực phẩm cũng đủ để nuôi người hiền trong thiên hạ ăn, xe cộ đủ để cho người hiền trong thiên hạ đi, của cải cũng đủ để kính đãi người hiền trong thiên hạ, kết giao với người hiền trong thiên hạ. Đó chính là nguyên nhân khiến cho Văn Vương có thể xưng vương vậy. -* Báo canh. *"Cổ chi thánh vương, vị hữu bất tôn sư giả dã" (Thánh vương xưa, chẳng có ai là không tôn kính thầy). Các thiên* Tôn sư, Vu đồ, Cẩn thính, Sĩ tiết, Tri sĩ *đều nhiều lần nói điều này.*

Sắp xếp liệt kê một loạt chủ trương như vậy, chúng ta kinh ngạc nhận ra đó là cả một hệ thống nguyên tắc cai trị thiên hạ.

Tần Thủy Hoàng đã thi hành chính sách hà khắc tàn bạo để đến nỗi một đế quốc phong kiến lớn mạnh như

vậy chỉ sau hai đời đã diệt vong, chứ nếu theo đường lối của Lã thị Xuân thu *thì có lẽ tình hình đã đổi khác.*

Có thể nói giá trị chính trị của Lã thị Xuân thu *chắc chắn không kém gì giá trị tư tưởng và giá trị học thuật.*

Đối với Lã thị Xuân thu, *có những học giả đã vì họ Lã xuất thân con buôn mà coi thường. Tuy nhiên, không thể không thừa nhận rằng hơn hai mươi vạn chữ của sách ấy "chứa đủ mọi việc của trời đất vạn vật cổ kim" Sách chia ra* thập nhị kỉ, bát lãm, và lục luận. Thập nhị kỉ *sắp xếp theo mười hai tháng bốn mùa, mỗi kỉ có một thiên kỉ thủ (thiên đầu của kỉ) và bốn tử thiên (thiên con) là năm thiên, cộng là sáu mươi thiên. Sau* kỉ *có một thiên* Tự ý, *là lời tựa của kỉ.* Bát lãm *mỗi lãm có tám luận văn, lấy thiên đầu làm tên lãm, riêng Hữu thủy lãm thiếu một thiên, cộng sáu mươi ba thiên.* Lục luận *mỗi luận có sáu thiên, tất cả ba mươi sáu thiên. Trọn bộ sách có một trăm sáu mươi thiên.*

Nhìn trên bố cục kết cấu, Lã thị Xuân thu *tỏ ra rất chặt chẽ, lớp lang cân đối. Nội dung nhất quán, các thiên liên quan với nhau. Ba phần lớn là* kỉ, lãm, luận, *mỗi phần chia ra thành những thiên con, từ những góc độ những mệnh đề khác nhau có lệ chứng có luận giải, trình bày các kiến giải các chủ trương, rất rạch ròi, mạch lạc, tất cả làm thành một hệ thống, có một sợi chỉ xuyên suốt từ đầu đến cuối.*

Mười hai kỉ *sắp xếp theo trình tự bốn mùa, mỗi mùa có ba kỉ: mạnh, trọng, quý. Kỉ thủ là nguyệt lệnh của tháng. Xuân chủ sinh, hạ chủ trưởng, thu chủ thu, đông chủ tàng. Các thiên mùa xuân đều nói về dưỡng sinh. Các thiên mùa hạ nói về "trồng người", về giáo hóa, đều*

là chuyện sinh trưởng, lớn mạnh. Mùa thu nói dụng binh, dụng hình, và nói về lẽ dụng hiền thì hơn dụng binh. Mùa đông người nghỉ ngơi, lương thực cất giấu, thì nói về tử táng, và liên hệ thời tiết rét buốt với khí tiết phẩm chất con người.

Tám lãm *thì làm đầu là* Hữu thủy *bàn về trời đất có sự khởi đầu. Sáu thiên dưới đó bàn các vấn đề sử dụng hiền tài, thuận ứng lòng dân và trị loạn họa phúc.* Hiếu hạnh lãm *bàn về hiếu hạnh là gốc, vừa là căn bản làm người, vừa là phương sách trị nước, bảy thiên dưới đó đều triển khai quanh đức hạnh của người quân tử.* Thận đại lãm *bàn về cường quốc (làm cho nước mạnh) và phương lược trị nước dùng binh.* Tiên thức lãm *bàn về kẻ sĩ có đạo phải có con mắt nhìn xa, về phương pháp tìm kiếm những tri thức chính xác.* Thẩm phân lãm *bàn về đạo làm vua, bảy thiên dưới đó trình bày về thuật làm vua.* Thẩm ứng lãm *nói làm vua phải thận trọng trong nói năng, các thiên dưới đó bàn về sát biện tương quan (xem xét và biện luận liên quan với nhau)* Li dục lãm *bàn về vương giả nên tìm kiếm các cao sĩ lánh đời để tôn làm thầy, dưới đó bàn về xem xét kẻ sĩ, sử dụng chúng dân.* Thị quân lãm *bàn về "quân đạo bất khả phế" (đạo vua không thể bỏ), dưới đó trình bày về đạo làm vua.*

Luận *chia làm sáu:* Khai xuân luận *từ "Xuân chủ sinh" dẫn đến vương giả phải dày đức chứa thiện, cứu người chết hoãn gia hình, năm thiên dưới đó hoặc bàn về "thượng hiền" (quý chuộng người hiền), hoặc bàn về "dưỡng sinh", hoặc bàn về "ái dân" (yêu dân), đều gắn với "xuân chủ sinh".* Thận hành luận *bàn về cách xử thế của quân tử và tiểu nhân, năm thiên dưới đó bàn về cách xử thế phải*

nên hợp lí theo nghĩa, khéo phân biệt thật giả. Quý trực luận *bàn về người quân tử nên quý sự thẳng thắn, các thiên dưới đó bàn về đạo "tiến gián" (dâng lời can gan), "nạp gián" (tiếp thu lời can gián) và "cự gián" (cự tuyệt lời can gián).* Bất cẩu luận *bàn về người quân tử thì hành vi không cẩu thả, đáng nghĩa trúng lí là gốc.* Tự thuận lãm *bàn về việc phân biệt thật giả dưới đó có hai thiên* Biệt loại *và* Hữu độ *bàn về chủ đề này, còn lại ba thiên khác thì bàn về thuật trị nước của vua hiền.* Sĩ dung luận *bàn về tiết tháo khí phách của người quốc sĩ. Ở đây có thiên* Vụ đại *giống như các thiên* Hữu thủy lãm *và* Dụ đại, *còn lại bốn thiên bàn về "nông vi bản". Ở thời bấy giờ, tổ chức được mấy ngàn người để viết nên một bộ sách như thế thật là hiếm có, dĩ nhiên trong đó cũng có những chỗ khiên cưỡng chắp vá hoặc trùng lặp.*

Về thời điểm ra đời của tác phẩm, xưa nay vẫn có tranh luận.

Tư Mã Thiên trong Sử kí Thái sử công tự tự *(Lời tựa do chính Thái sử công viết) có nói "Bất Vi Thục thiên, thế truyền lã lãm" cho nên Phương Hiếu Nhũ trong* Tốn chí trai tập độc Lã thị Xuân thu *nói: "Thái sử công cho rằng Bất Vi dời vào Thục rồi làm ra* Lã lãm. *Bất Vi đã bị ngờ mới bỏ nước, hơn một năm sau thì uống thuốc độc tự tử, làm sao có được tân khách, còn thì giờ đâu mà viết sách? Sử lại nói Bất Vi làm xong sách treo ở chợ Hàm Dương, treo một ngàn lạng vàng trên đó, ai chữa được một chữ sẽ thưởng. Bất Vi đã vào Thục thì làm sao treo sách ở Hàm Dương? Xét như vậy thì ắt là làm khi giữ chức Thừa tướng, Thái sử công nhầm vậy". Kì thực nói như vậy là oan cho Thái sử công. Ông đâu có kết luận gì*

về thời điểm hoàn thành Lã thị Xuân thu? *Ông chỉ nói sau khi Bất Vi sang Thục, thì đời "lưu truyền"* Lã lãm. *Chính họ Lã nói trong* Tự ý: *"Duy Tần bát niên, tuế tại thôn than, thu, Giáp tí sóc, sóc chi nhật, hương nhân thỉnh vấn* Thập nhị kỉ" *(năm thứ tám nhà Tần, Thái tuế ở phương vị sao Thân, mùa thu, ngày sóc tháng Giáp tí, có người quân tử hỏi về tình hình* Thập nhị kỉ*) Có thể thấy vào khoảng năm 239 trước công nguyên, vào năm Tần bát niên "khi Bất Vi làm thừa tướng thì* Thập nhị kỉ *đã hoàn thành. Mới gần đây, Từ Phục Quan trong* Lưỡng Hán tư tưởng sử *cho rằng bản sơ thảo* Lã thị Xuân thu *hoàn thành vào năm Tần Chính bát niên, nhưng việc bổ xuyết thì phải sau khi Tần Chính thống nhất thiên hạ. Lí do là trong* Lã thị Xuân thu. An tử *có câu "Triệu, Ngụy, Hàn giai vong hĩ" (Triệu, Ngụy, Hàn đều đã diệt vong), thì hẳn là phải viết sau Tần Chính nhị thập lục niên. Tác giả Trần Kì Du mới đây viết: "Sách của họ Lã hoàn thành vào năm thứ tám nhà Tần là do chính Lã Bất Vi nói, không thể phủ định được... Nhưng Tư Mã Thiên là sử gia lớn,* Sử kí *được coi là thực lục, những gì chép trong đó đều có căn cứ. Theo tôi,* Thập nhị kỉ *quả là hoàn thành vào Tần bát niên tức Thủy Hoàng lục niên, còn* Bát lãm, Lục luận *thì hoàn thành sau khi vào Thục. Lời của Tư Mã Thiên không sai". Ông còn cho rằng, thiên* Tự ý *đặt sau* Thập nhị kỉ *là một bằng chứng nói lên rằng* Tự ý *chỉ là lời tựa của* Thập nhị kỉ, *không bao gồm Lãm, Luận, mà nội dung cũng chỉ có Thập nhị kỉ. Có thể thấy rằng Tần bát niên chỉ hoàn thành* Thập nhị kỉ, *sau khi vào Thục chỉ viết Lãm, Luận, chứ không phải toàn bộ* Lã thị Xuân thu. *Ở đây lại đề cập đến vấn đề trình tự kỉ,*

lãm, luận, cũng là một vấn đề còn tranh cãi xung quanh cuốn sách của họ Lã.

Sử kí Lã Bất Vi truyện *nói rằng: "Lã Bất Vi bèn sai môn khách ghi lại những điều sở văn sở học của họ, bàn bạc làm thành tám* lãm, *sáu* luận, *mười hai* kỉ, *hơn hai mươi vạn chữ, cho là gồm đủ mọi việc trên trời dưới đất vạn vật cổ kim, đặt tên là* Lã thị Xuân thu" *Để* Bát lãm *trước rồi đến* Lục luận, *sau cùng là* Thập nhị kỉ, *gọi chung là* Lã lãm. *Cao Dụ đời Đông Hán là người đầu tiên chú giải* Lã thị Xuân thu, *đã viết trong* Lã thị Xuân thu tự: *"Bất Vi nãi tập nho giả, sử trước kì sở văn, vi thập nhị kỉ, bát lãm, lục luận, hợp thập dư vạn ngôn" (Bất Vi bèn tập hợp các học trò, sai viết ra những gì họ nghe được, thành mười hai kỉ, tám lãm, sáu luận, tất cả hơn mươi vạn chữ). Cao Dụ là bậc đại nho đời Đông Hán, hẳn đã cẩn trọng khi xếp thứ tự như vậy, song những lập luận các nhà nêu ra như đã nói ở trên cũng đều có căn cứ nhất định. Vấn đề tạm gác lại ở đó.*

Lã thị Xuân thu chú *của Cao Dụ đời Đông Hán là bản chú giải sớm nhất của sách này. Tất Nguyên đời Thanh có* Lã thị Xuân thu tân hiệu chính. *Năm 1933 có* Lã thị Xuân thu tập thích *của Hứa Duy Duật và năm 1984 lại có* Lã thị Xuân thu hiệu thích *của Trần Kì Du. bản dịch này dựa trên bản* Chư tử tập thành *của Thế giới thư cục tức là bản Cao Dụ chú giải, Tất Nguyên hiệu đính, và có tham khảo bản Hứa Duy Duật. Sách họ Lã "thu thập vừa rộng vừa tinh, tập hợp nghĩa lí sâu xa của bách gia thời Tiên Tần" (Hứa Duy Duật: "La võng tinh bác, hội Tiên Tần chi diệu nghĩa) Dịch chú một pho sách như vậy thật không đơn giản chút nào.*

Mặc dù đã tra cứu cẩn thận, làm việc thận trọng nghiêm túc, người dịch khó lòng tránh được sai sót. Vả lại Lã thị Xuân thu *tuy xưa nay không được xếp vào hàng kinh điển, bởi lẽ suốt mấy ngàn năm văn hiến Trung Hoa độc tôn Nho học, mà sách này bị coi là sách Tạp gia. Một số bản dành cho các nhà nghiên cứu chúng tôi cho in kèm nguyên văn chữ Hán để độc giả tiện kiểm tra khi sử dụng. Sách in thành ba tập: tập I:* Kỉ, *tập II:* Lãm, *tập III:* Luận.

Kính mong độc giả chỉ giáo.

Hà Nội, Xuân Kỉ Mão 1999
PHAN VĂN CÁC

I MẠNH XUÂN KỈ - BẢN SINH - TRỌNG KỈ - QUÝ CÔNG - KHỬ TƯ

MẠNH XUÂN KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng đầu xuân: Mặt Trời ở vị trí sao Doanh thất. Buổi chiều hôm, sao Sâm ở phương chính Nam, sáng sớm sao Vĩ ở phương chính Nam. Mặt trời tháng này ở phương Giáp Ất (phương đông). Vị đế vương tương ứng với tháng này là Thái Cao thị (dựa vào Mộc đức mà xưng vương), vị thần đối ứng tháng này là Mộc thần Câu mang, động vật tiêu biểu của tháng này là loài có

Chú thích: Thập nhị kỉ *chính là thiên* Nguyệt lệnh *trong sách* Lễ kí, *mười hai tháng sắp xếp làm mười hai thiên, sau mỗi thiên đều chen thêm bốn thiên khác. Bốn kỉ xuân hạ thu đông, xuân nói về sinh, hạ nói về trưởng, thu nói về thu (hoạch), đông nói về cất giấu. Bốn thiên phụ vào mỗi kỉ cũng đều phối hợp theo trình tự xuân sinh, hạ trưởng, thu thu, đông tàng mà trình bày các quan điểm về phép tồn sinh, thể thích mà tăng trưởng, vạn vật thu gom, chết đích đáng; chết có giá trị. Bản mẫu của thiên đầu mỗi kỉ trong thập nhị kỉ và Hạ tiểu chính đều là sách nông lưu hành trong dân gian. Mạnh xuân là tháng đầu trong lịch nhà Hạ, tức tháng Giêng. Đây là thiên Mạnh xuân, không phải kỉ, các "kỉ" ở sau đều như vậy.*

vảy; thanh âm tháng này lấy âm giốc (một trong ngũ âm) làm tiêu biểu, âm luật tháng này phù hợp với Thái Thốc (một trong lục luật). Con số đối ứng với tháng này là 8 (số của Thiếu dương), vị đối ứng của tháng này là vị chua; mùi đối ứng của tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này là ở cửa, lúc tế tự trước hết phải dâng "tì". Gió đông làm tan giá, những động vật đang ngủ đông bắt đầu tỉnh dậy. Cá từ dưới đáy nổi lên mặt nước, xương sống nó đội băng. Loài rái ra ăn cá, chim hồng chim nhạn bay lên bắc. Thiên tử ở trong phòng phía bắc ở bên trái nhà Minh đường(tỏ ý thuận ứng với thiên thời), ngồi xe (trang sức hình chim) loan, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe có cờ xanh, thiên tử mặc áo xanh, đeo ngọc xanh (thuận ứng với Mộc sắc), ăn hạt mạch và thịt dê. Đồ vật tế tự đều chạm trổ thưa mà thoáng.

Tháng này lập xuân. Ba ngày trước tiết lập xuân, quan thái sử yết kiến thiên tử mà nói rằng: "Ngày ấy ngày kia lập xuân, thịnh đức của Trời là ở Mộc (phương đông)" Thiên tử bèn trai giới. Ngày lập xuân, thiên tử thân hành dẫn tam công cửu khanh chư hầu đại phu ra cõi đông giao (ngoại thành phía đông) đón xuân. Về cung, ban tứ tước vị và bổng lộc cho tam công cửu khanh chư hầu đại phu tại triều đường. Lệnh cho thừa tướng thi hành rộng rãi đức giáo, tuyên đọc lệnh cấm. Làm điều thiện, gia điều ân, thấu đến trăm họ. Việc thi hành nhân chính chẳng có gì là không thích hợp. Thiên tử lại ra lệnh cho quan thái sử vâng giữ pháp điển để quan sát sự vận hành của mặt trời mặt trăng và các tinh tú trên bầu trời. Hai vị quan cùng túc trực, không

được để sai sót, không để cho việc ghi chép độ số vận hành của nhật nguyệt tinh tú xảy điều nhầm lẫn. Suốt từ đầu đến cuối đều phải làm như vậy.

Tháng này, vào ngày đầu Thiên tử khấn cầu với Thượng đế xin cho ngũ cốc phong đăng, lại chọn ngày lành, thiên tử thân hành kéo xe chở cày bừa đến đặt giữa các võ sĩ mặc giáp trụ với người xà ích, dẫn đầu tam công cửu khanh chư hầu đại phu tự mình cày tịch điền của Thượng đế. Thiên tử đẩy cày ba lượt, tam công đẩy năm lượt, khanh chư hầu đại phu đẩy chín lượt. Trở về, uống rượu ở tổ miếu. Tam công cửu khanh chư hầu đại phu đều vâng mệnh hầu rượu. Đó gọi là "lao tửu".

Tháng này khí trên trời lắng xuống, khí dưới đất bay lên, đất trời giao hòa, cây cỏ nảy mầm. Vương ban bố việc nhà nông, lệnh cho chức điền xá (chức lại nhỏ trông coi đồng ruộng) ra ngoại thành phía đông, sửa sang bờ ruộng, chỉnh đốn mương máng cùng các lối đi, xem xét kĩ lưỡng các gò cao đống thấp đất trũng bãi lầy, tùy theo thế đất mà dạy dân trồng ngũ cốc cho thích hợp. Thiên tử thân hành chăm lo nông sự, đã ban lệnh cấy cày, định trước chuẩn mực, nên nhà nông chẳng có điều nghi hoặc.

Tháng này, lệnh cho quan nhạc chính dẫn con em các công khanh vào học, tập tành vũ nhạc. Sắm sửa điển lễ tế tự, hạ lệnh tế cúng sơn lâm xuyên trạch (rừng núi sông đầm). Các vật hi sinh tế tự không được dùng giống cái. Cấm chỉ đẵn cây, không được phá tổ (các loài chim), không được giết chim non thú nhỏ, không được giết hươu con và chim đang ấp trứng. Không được

hội họp đông người (tụ tập sức lao động), không được đắp xây thành quách. Vùi lấp cho kín các thi thể hài cốt.

Tháng này không được hưng binh dấy việc can qua. Hưng binh tất có tai ương do Trời đem lại. Việc binh nhung không được dấy lên, việc can qua không được tự phía ta khởi sự. Không được làm biến đổi đạo sinh hóa của Trời, không được dứt bỏ lẽ sinh thành của Đất, không được làm rối loạn cương kỉ của người.

Tháng mạnh xuân này nếu xảy ra thời lệnh mùa hè, thì gió mưa chẳng thuận theo thời, cỏ cây sớm bị héo khô, đất nước sẽ sinh tai biến, nếu xảy ra thời lệnh mùa thu, thì dân chúng mắc vòng dịch bệnh, gió mưa dông bão tơi bời, cây dại cỏ hoang rậm rịt, nếu xảy ra thời lệnh mùa đông, thì úng lụt tan hoang, sương dày tuyết nặng, mọi thứ hoa màu gieo từ sớm đều không thu hoạch.

BẢN SINH

Thiên thứ hai nói rằng:

Kẻ thoạt tiên sinh ra vạn vật là Trời; kẻ dưỡng thành vạn vật là người. Có thể thuận dưỡng vạn vật do Trời

---

Chú thích: *Thiên này trình bày yếu quyết dưỡng sinh mà các âm dương gia thường nói. Phối hợp với đại ý của thiên* Xuân sinh *lắm.*

sinh ra mà không đi ngược lại chúng, đó là thiên tử. Thiên tử hành động là để bảo toàn nguyên tắc của sự sống và thiên tính. Chính vì vậy mà đặt ra quan lại. Đặt ra quan lại là để bảo toàn sự sống và thiên tính. Những tên vua ngu tối đời nay đặt nhiều quan lại nhưng lại làm nguy hại sự sống và thiên tính, như thế là đã đánh mất ý nghĩa của việc đặt ra quan lại. Thí như huấn luyện quân đội, là cốt để phòng ngừa giặc ngoại xâm, nhưng nay huấn luyện quân đội lại để tự mình đánh nhau, như thế là đã đánh mất ý nghĩa của việc huấn luyện quân đội rồi.

Bản tính của nước là trong, nhưng do đất làm cho nó đục, cho nên nước không được trong. Thiên tính của người ta là có thể trường thọ, nhưng do vật dục quấy nhiễu, cho nên người ta không được trường thọ. Vật, vốn là dùng để dưỡng sinh dưỡng tính, chứ phải đâu dùng tính để dưỡng vật. Người đời nay không hiểu biết sự lí, phần nhiều hi sinh thiên tính của mình để theo đuổi vật dục, đó là không hiểu được lẽ bên nào khinh bên nào trọng. Không biết lẽ khinh trọng, cho nên đã xem khinh tính mệnh mà xem trọng vật, lấy cái khinh làm trọng, lấy cái trọng làm khinh vậy. Như vậy thì hễ làm việc gì cũng thất bại. Làm vua với nhận thức như vậy, thì sẽ càn rỡ; làm bề tôi với nhận thức như vậy thì sẽ phạm thượng tác loạn; làm con với nhận thức như vậy thì sẽ ngông cuồng rồ dại. Ba tình trạng đó, trong nước nếu mắc phải một thì cũng đủ để tất yếu diệt vong không mong gì thoát khỏi.

Bây giờ có tiếng nhạc nơi đây, tai nghe tiếng ấy

tất vui, nhưng nếu nghe rồi mà tai bị điếc, thì nhất định đừng nghe. Có sắc đẹp ở đây, mắt nhìn sắc ấy tất vui, nhưng nếu nhìn xong mà mắt bị mù, thì nhất định đừng nhìn. Có vị ngon ở đây, ăn vào tất thích miệng, nhưng nếu ăn xong mà miệng thành câm, thì nhất định đừng ăn. Bởi thế cho nên, bậc thánh nhân đối với thanh sắc mùi vị bao giờ cũng theo nguyên tắc phàm có lợi cho sự sống thì lấy, có hại cho sự sống thì bỏ, đó chính là cái đạo giữ toàn tính mệnh vậy. Những kẻ phú quý trên đời này phần nhiều nhận thức hồ đồ đối với thanh sắc mùi vị, ngày đêm theo đuổi những thứ ấy, nếu may mà vớ được thì khó lòng tự kiềm chế, khó lòng tự kiềm chế thì sinh mệnh và thiên tính sao có thể khỏi tổn thương được?.

Muôn người giương cung cùng nhắm bắn một bia, thì cái bia ấy chẳng thể nào không bị bắn trúng. Muôn vật tốt đẹp cùng dụ dỗ mê hoặc con người, nếu như dùng nó để làm tổn hại nhân tính và sinh mệnh, thì nhân tính và sinh mệnh chẳng thể nào không bị tổn thương; còn nếu như dùng nó để làm tiện lợi cho nhân tính và sinh mệnh, thì sinh mệnh chẳng thể không trường cửu. Cho nên bậc thánh nhân lợi dụng vạn vật để bảo toàn sinh mệnh và thiên tính của mình. Mà bảo toàn sinh mệnh và thiên tính thì tinh thần được điều hòa, mắt được sáng, tai được tinh, mũi được nhanh, mồm được nhạy, ba trăm sáu mươi khớp xương đều linh hoạt thông suốt. Những người được như vậy, thì dù không nói cũng được người ta tin dùng, dù không mưu tính cũng được đâu vào đấy, dù không lo nghĩ cũng đạt được kết quả, tinh thần

cũng thông đạt khắp trời đất, bao trùm cả vũ trụ, nên cũng như trời và đất, chẳng sự vật nào là không bao chứa dung nạp, ở ngôi trên thì làm thiên tử mà không kiêu căng, ở vị thấp thì làm kẻ thất phu mà không phiền muộn. Đó chính gọi là con người toàn đức.

Giàu sang mà không hiểu được đạo lý, giàu sang ấy lại thành ra mối họa hoạn, thì chẳng bằng cứ nghèo hèn. Nghèo hèn mà mong được có mọi vật thì thật khó, dẫu có muốn vượt lễ cũng biết dựa vào đâu? Ra cửa thì đi xe to, về nhà thì đi xe nhỏ, cốt nhờ dựa vào xe to xe nhỏ cho mình được nhàn dật, đó chính là cái nguyên nhân khiến cho chân cẳng bị yếu liệt. Thịt béo rượu nồng, là cốt dùng rượu và thịt để cho mình cường tráng nhưng thật ra phải gọi đó là những thứ "ăn uống vào cho thối ruột". Nhan sắc mĩ miều răng trắng nõn nà, cùng âm thanh réo rắt của nước Trịnh nước Vệ cốt dùng để có được lạc thú, song thật ra phải gọi đó là "đồ búa rìu đẽo chặt tính mệnh". Ba thứ vật tai hại đó đều do phú quý đem lại, cho nên người xưa có những người không chịu nhận lấy phú quý chính là vì họ coi trọng sinh mệnh, họ chẳng phải xem khinh phú quý để cầu lấy cái danh hão, mà là theo đuổi cái thực là bảo toàn sinh mệnh và thiên tính. Luận thuyết này không thể không xem xét kỹ.

TRỌNG KỈ

Thiên thứ ba nói rằng:

Người thợ tài ba của vua Nghiêu tên là Thùy, là người khéo tay nhất thiên hạ. Ấy vậy mà người ta không yêu quý ngón tay của Thùy, mà chỉ yêu quý ngón tay của mình, bởi vì ngón tay của mình là do mình sử dụng làm lợi cho mình. Người ta không yêu quý mĩ ngọc ở Côn Sơn và dạ minh châu ở Giang Hán, mà yêu quý viên ngọc tầm thường và hạt châu méo mó của mình, bởi vì chúng do mình sử dụng làm lợi cho mình.

Giờ đây, cuộc đời ta do ta sở hữu, mà làm lợi cho ta rất lớn. Bàn về quý tiện (sang hèn), thì dẫu được phong làm thiên tử, cũng chẳng so được với sinh mệnh của ta; bàn về khinh trọng (nặng nhẹ), dẫu giàu có được cả thiên hạ, cũng chẳng thể đánh đổi với sinh mệnh của ta; bàn về an nguy; thì một khi đánh mất, sinh mệnh chẳng bao giờ có lại được nữa. Với ba điều đó, người hữu đạo luôn luôn cẩn thận. Cũng có trường hợp cẩn thận với ba điều đó mà trái lại vẫn bị tổn hại, là bởi vì chưa thật sự thông đạt cái chân tình thực trạng của sinh mệnh. Không thông đạt được chân tình thực trạng của sinh mệnh, thì cẩn thận cũng phỏng có ích gì? điều đó có khác nào người nhạc sư mù rất đỗi yêu con nhưng lại cho con kê đầu lên chiếc gối nhồi cám đến nỗi mất mù; Có khác nào người bố điếc nuôi con, giữa cơn sấm

---

Chú thích: *Thiên này trình bày thuyết an thời xử thuận (sống thuận theo thời thế) cũng là lời các âm dương gia bàn về đạo dưỡng sinh.*

sét bế con ra cửa ngóng trông. Như vậy thậm chí còn nghiêm trọng hơn cả người không biết cẩn thận. Người không biết cẩn thận thì chẳng phân biệt được sống chết mất còn. Điều người ấy coi là đúng chưa chắc đã đúng, điều người ấy coi là sai chưa chắc đã sai, khẳng định điều người ấy coi là sai, phủ định điều người ấy coi là đúng, đó là điều lầm lẫn lớn. Người như vậy sẽ bị trời giáng họa. Cứ như vậy mà xử lí việc của mình, thì nhất định phải chết, nhất định gặp tai ương. Cứ như vậy mà xử lí việc nước, thì nhất định nước sẽ bị tàn phá, nhất định sẽ diệt vong. Tai ương chết chóc tàn phá diệt vong ấy đâu phải tự đến, mà chính là do hồ đồ lầm lẫn chuốc lấy. Tuổi thọ dài cũng thường là như vậy. Cho nên người có đạo, chẳng chú trọng khảo sát xem kết quả ra sao, mà chú trọng xem xét cái nguyên nhân đã dẫn tới kết quả ấy là như thế nào. Kết quả ấy xảy đến chẳng phải là không thể nào ngăn cấm nó. Điều này không thể không đi sâu để biết rõ.

Giả dụ bắt đại lực sĩ Ô Hoạch kéo thật nhanh cái đuôi con trâu, thì đuôi trâu đứt, sức lực của Ô Hoạch cũng dốc ra hết, mà trâu vẫn không đi, là bởi vì đi ngược với ý nguyện của nó. Còn nếu như để cho một đứa trẻ kéo cái vòng trên mũi con trâu, thì con trâu sẽ đi theo ý muốn của đứa trẻ, đó là bởi đã thuận theo thiên tính của con trâu. Các bậc nhân chủ và quý nhân trên đời, bất kể là hiền tài hay kém cỏi, chẳng có ai là không muốn trường sinh bất lão, nhưng lại ngày này sang ngày khác cứ làm trái với đạo trường sinh, dẫu muốn trường sinh lắm, nhưng muốn thì có ích gì? Phàm người có sinh mệnh trường cửu thì đều là sống thuận

theo thiên tính của mình. Bất sinh mệnh của mình không thuận theo thiên tính, đó chính là tình dục. Thế cho nền thánh nhân nhất định khống chế tình dục của mình cho vừa phải.

Nhà to thì mát mẻ, nhiều bóng râm· Đài cao thì nắng dọi nhiều. Bị cớm nắng nhiều thì tê mỏi, dọi nắng nhiều thì héo khô, chân cẳng đều sinh tật bệnh. Đó là những chứng bệnh do âm dương không cân bằng vừa phải. Bởi thế cho nên, các bậc tiên vương không ở nhà to, không xây đài cao, không ăn nhiều sơn hào hải vị, không mặc quá dày quá ấm. Mặc dày mặc ấm quá thì mạch lí không thông, mạch lí không thông thì khí huyết sẽ ngưng trệ. Sơn hào hải vị ăn nhiều quá thì dạ dày sẽ quá đầy, dạ dầy đầy thì khiến cho ruột và dạ dầy quá nặng mà ăn không ngon miệng, mà bụng trướng đầy ăn không ngon miệng thì sẽ khiến khí mạch ung bế. Cứ như vậy thì làm sao có thể trường sinh được? Thánh nhân ngày trước kiến tạo ao vườn uyển ngự, đủ để vui chơi hoạt động mà thôi; kiến tạo cung thất đài tạ miễn sao tránh được khô và không bị ướt là đủ; làm ra xe cộ quần áo miễn sao cho thân thể thoải mái và giữ được ấm là đủ. Ngày trước làm thức ăn và rượu, nước uống, miễn sao khẩu vị thích hợp đủ để no bụng là được rồi. Truy cầu âm nhạc và mỹ sắc, cũng miễn sao khiến tính tình an nhàn thoải mái, tự mình vui vẻ là đủ rồi. Năm trường hợp đó đều là cách các thánh vương dùng để dưỡng tính, chứ không phải bởi vì sùng thượng tiết kiệm ghét sự lãng phí, thích hợp với tính tình mà thôi chứ không cầu quá độ.

QUÝ CÔNG

Thiên thứ tư nói rằng:

Thánh vương xưa trị vì thiên hạ, nhất định là phải để chữ công lên trước. Công tâm thì thiên hạ ắt được bình hòa. Bình hòa là do công tâm mà có. Đã từng tìm đọc các điều ghi chép thời thượng cổ, có rất nhiều người đã thu được cả thiên hạ; họ có được thiên hạ đều là do ở công tâm. Còn để mất thiên hạ thì nhất định chỉ do lòng thiên tư. Phàm vua được làm vua, thì đều nhờ ở công tâm. Cho nên thiên *Hồng Phạm* nói rằng: "Vô thiên vô đảng, vương đạo đãng đãng; vô thiên vô phả, tân vương chi nghĩa; vô hoặc tác hảo, tuân vương chi đạo; vô hoặc tác ố, tuân vương chi lộ". Nghĩa là: "Không thiên tư,không bè cánh, đạo làm vua rộng mở thênh thênh; không thiên tư, không lệch lạc, tuân theo chính nghĩa của tiên vương; không sủng ái thiên tư, tuân theo phép tắc của tiên vương; không thù oán thiên tư, tuân theo đạo trị nước của tiên vương".

Thiên hạ chẳng phải thiên hạ của một người nào, mà là thiên hạ của mọi người trong thiên hạ. Âm dương tương hòa thì không chỉ sinh trưởng một loài; cam lộ và cập thời vũ (mưa đúng lúc) thì chẳng thiên tư cho một vật; đấng nhân chủ của muôn dân thì chẳng yêu riêng một người nào. Trước lúc ra đi, Bá Cầm đã

Chú thích: *Đây là lập luận của học phái Y Doãn. Gia pháp của học phái Y Doãn là "Lợi nhi vật lợi" (hãy một lòng mưu lợi cho trăm họ, chứ đừng chiếm lấy tư lợi từ trăm họ)*

thỉnh giáo Chu Công làm thế nào để trị vì nước Lỗ, Chu Công đã trả lời rằng: "Lợi nhi vật lợi dã" nghĩa là "hãy một lòng mưu lợi cho trăm họ, chứ đừng chiếm lấy tư lợi từ trăm họ". Nước Sở có người đánh mất cây cung mà chẳng lo đi tìm về. Nói: "Kinh nhân di chi, kinh nhân đắc chi hựu hà sách yên?" nghĩa là : "Một người nước Sở mất cung thì một người khác nước Sở được cung, việc gì mà phải đi tìm". Khổng Tử nghe vậy bảo: "Bỏ chữ *Kinh* (nước Sở) đi thì được đấy!" Lão Đam nghe chuyện đó bảo: "Bỏ chữ *nhân* (người) đi là được". Lão Đam đã đạt tới cực điểm của chữ *công*. Trời đất lớn lao sinh ra muôn dân mà chẳng coi đó là con của mình, làm nên muôn vật, mà chẳng coi muôn vật là tư hữu của riêng mình. Muôn vật đều mang ân trạch của trời đất đều được hưởng lợi ích của trời đất, mà chẳng ai biết lợi ích ấy từ đâu tới. Đó là đạo đức của Tam hoàng, Ngũ đế vậy.

Quản Trọng ốm nặng, Tề Hoàn Công đến thăm và nói: "Trọng phụ ốm nặng, mọi người đều không tránh né nói đến điều gở nữa (mọi người đều biết Quản Trọng không qua khỏi), quả nhân biết kí thác xã tắc cho ai đây?" Quản Trọng thưa rằng: "Trước đây thần đã tận lực kiệt trí, mà vẫn chưa biết xử lí việc đó ra sao, nay bệnh nặng nguy kịch chỉ trong sớm tối, thần biết nói gì được?" Hoàn Công nói: "Đây là đại sự của quốc gia, quả nhân xin được nghe Trọng phụ dạy bảo". Quản Trọng cung kính nhận lời, rồi nói: "Chúa công định dùng ai làm thừa tướng?" Hoàn Công nói: "Bão Thúc Nha được chăng?" Quản Trọng thưa: "Không được, hạ thần thân thiết với Bão Thúc Nha. Bão Thúc Nha là người thanh

liêm chính trực, thấy người nào không như mình thì chẳng muốn gần, nghe biết lỗi lầm của ai thì nhớ mãi suốt đời không quên".

- "Nếu không thì Thấp Bằng được chăng?"

- "Con người Thấp Bằng là thế này: ghi nhớ các hiền nhân đời trước mà học theo, với kẻ không giống mình thì cũng không khắt khe, thường lấy việc đức hạnh mình không được như Hoàng Đế làm điều xấu hổ, lại biết xót thương kẻ không bằng mình. Với quốc gia đại sự, biết nắm việc chính, còn những việc nhỏ thì chẳng cần hỏi đến. Với những việc ngoài phạm vi của mình thì chẳng cần biết đến; với mọi người, có chỗ nhìn không thấu, nhưng nếu không quá khắt khe thì Thấp Bằng có thể dùng được."

- "Thừa tướng, là chức quan to; làm quan to, không nên xét hết mọi việc nhỏ nhặt, không nên ham những điều khôn vặt. Cho nên nói rằng: Người thợ cả không tự mình cầm rìu đẽo gọt, người đầu bếp giỏi không tự mình bày mâm bát, bậc đại dũng không thân chinh ra trận đánh nhau, quân đội của bậc vương giả không làm hại dân. Tề Hoàn Công thực hành chữ công mà bỏ điều tư oán, biết dùng Quản Trọng mà trở thành người đứng đầu ngũ bá; Tề Hoàn Công thực hành chữ tư bênh che cho người mình sủng ái dùng kẻ xiểm nịnh là Thụ Đao mà đến nỗi chết rồi thân xác thối rữa dòi bọ bò ra vẫn chưa được chôn.

Người ta lúc trẻ thơ thì ngu dại, lớn lên thì có trí khôn. Cho nên có trí khôn mà lại hành động theo tình riêng, thì chẳng bằng ngu dại mà giữ được công tâm. Ngày ngày say bét mà muốn trang phục chỉnh tề, lòng

ham tư lợi mà muốn giữ công tâm, tham lam tàn ác mà muốn nên nghiệp vương, thì đến Đế Thuấn cũng không làm nổi (nữa là người thường!)

KHỬ TƯ

Thiên thứ năm nói rằng:

Trời chẳng vì lợi riêng mà che muôn vật; đất chẳng vì lợi riêng mà chở muôn loài; nhật nguyệt chẳng vì lợi riêng mà tỏa sáng; bốn mùa chẳng vì lợi riêng mà vận hành; Trời, đất, nhật nguyệt, bốn mùa, đều vận hành theo cái đức (bản tính) của mình mà khiến muôn vật muôn loài được sinh trưởng.

Hoàng đế nói rằng: "Thanh âm cấm không được quá nặng, nữ sắc cấm không được quá độ, y phục cấm không được vượt lễ, mùi cấm không được quá nồng, vị cấm không được quá mạnh, cung thất cấm không được quá xa xỉ"

Nghiêu có mười người con trai, mà Nghiêu không truyền thiên hạ cho con lại truyền cho Thuấn; Thuấn có chín người con trai mà Thuấn không truyền ngôi cho con lại truyền ngôi cho Vũ, đó là chí công vậy.

Tấn Bình Công hỏi Kì Hoàng Dương rằng: "Huyện

Chú thích: *Thiên này ca ngợi đạo chí công vô tư của Mặc gia. Mặc gia cho rằng hại người lợi mình chính là nguồn gốc của mọi điều loạn. Đây là lời của học phái Mặc gia.*

Nam Dương khuyết chức huyện lệnh, ai có thể giữ được chức đó để trị dân?" Kì Hoàng Dương thưa rằng: "Giải Hồ có thể giữ được chức đó!" Tấn Bình Công lại hỏi: "Giải Hồ chẳng phải là kẻ thù địch của nhà ngươi sao?" Kì Hoàng Dương thưa: "Chúa công chỉ hỏi ai có thể giữ chân huyện lệnh Nam Dương, chứ có hỏi đến kẻ thù của hạ thần đâu". Tấn Bình Công khen: "Tốt lắm!" Bèn dùng Giải Hồ. Mọi người trong nước đều khen là phải. Một thời gian sau, Tấn Bình Công lại hỏi Kì Hoàng Dương: "Quốc gia đang khuyết chức đô úy, ai có thể đảm đương chức ấy?" Kì Hoàng Dương thưa rằng: "Ngọ có thể đảm đương chức ấy". Tấn Bình Công lại hỏi: "Ngọ chẳng phải là con của ngươi đó sao?" Kì Hoàng Dương thưa: "Chúa công chỉ hỏi ai đảm đương được chức đô úy, chứ có hỏi đến con của hạ thần đâu." Tấn Bình Công khen: "Tốt lắm", đoạn dùng Ngọ làm chân đô úy. Người trong nước đều khen là phải. Khổng Tử nghe chuyện nói rằng: "Rất phải đó, lập luận của Kì Hoàng Dương. Tiến cử nhân tài, chẳng hề vì người ấy là kẻ thù mà dìm đi, cũng chẳng vì người ấy là con trai mình mà tránh tiếng". Kì Hoàng Dương có thể gọi là chí công vậy.

Học phái Mặc Tử có một bậc đại học giả là Phúc Thôn sống ở nước Tần. Con ông ta giết người. Tần Huệ Vương nói: "Tiên sinh tuổi đã cao mà chẳng còn đứa con nào khác, quả nhân đã hạ lệnh cho kẻ lại không được giết nó. Về việc này xin tiên sinh hãy nghe lời quả nhân!" Phúc thưa: "Phép của Mặc gia đã định, sát nhân giả tử, thương nhân giả hình (kẻ giết người phải tội chết, kẻ làm người khác bị thương phải chịu nhục

hình). Đó là để ngăn cấm giết và sát thương người khác. Ngăn cấm sát thương là đại nghĩa của thiên hạ. Vương dẫu có gia ân cho con trai hạ thần, hạ lệnh cho các quan tha không giết nó, song hạ thần chẳng thể nào không thực hiện phép lớn của Mặc gia." Ông ta không nghe theo Huệ Vương, cứ giết chết con mình. Con, ai mà chẳng yêu dấu, nén nỗi đau riêng để thực hành đại nghĩa, bậc đại học giả của Mặc gia thật đáng gọi là chí công vô tư vậy.

Nhà bếp điều hòa ngũ vị mà không dám ăn vụng thì mới làm được đầu bếp. Nếu như ai đầu bếp nấu nướng cơm canh mà lại ăn vụng thì không thể cho làm đầu bếp được. Bậc quân chủ xưng bá xưng vương cũng vậy. Giết kẻ bạo ngược chứ không theo tình riêng, phân phong cho các bậc hiền giả trong thiên hạ cho nên mới có thể làm được vương bá. Nếu như bậc quân chủ xưng vương xưng bá mà lẽ ra giết kẻ bạo ngược lại theo tình riêng tha không giết, thì cũng không làm nên nghiệp bá nghiệp vương được.

II TRỌNG XUÂN KỈ - QUÝ SINH - TÌNH DỤC - ĐÁNG NHIỄM - CÔNG DANH

TRỌNG XUÂN KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng thứ hai của mùa xuân: Mặt trời ở vị trí của sao Khuê. Buổi chiều hôm sao Hồ ở phương chính nam, sáng sớm sao Kiến ở phương chính nam. Mặt trời tháng này ở phương đông (Giáp ất); vị đế vương đối ứng với tháng này là Thái Cao, vị thần tương ứng tháng này là Câu Mang, động vật tiêu biểu tháng này là loài có vẩy; thanh âm tháng này lấy âm giốc làm tiêu biểu, âm luật tháng này phù hợp với Giáp chung (một trong lục luật). Con số đối ứng với tháng này là 8. Vị đối ứng của tháng này là vị chua; mùi đối ứng của tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này là ở cửa, lúc tế tự trước hết phải dâng "tì". Bắt đầu có nước mưa, đào, mận ra hoa. Sẻ vàng bắt đầu hót, chim ưng đã biến thành chim gáy. Thiên tử ở trong phòng trung ương của nhà hướng đông, ngồi xe (trang sức hình chim) loan, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe cắm cờ xanh, mặc áo xanh, đeo ngọc xanh, ăn hạt mạch và thịt dê. Đồ vật tế tự đều chạm trổ thưa mà thoáng.

Tháng này, khiến chồi non yên ổn, nuôi nấng trẻ thơ, chăm thương trẻ côi cút. Chọn ngày lành, sai người tế tự hậu thổ thần Xã để cầu thóc lúa cho dân. Lệnh cho ngục quan (quan coi ngục) xá miễn những người tội nhẹ, giảm ngục tù, bỏ gông cùm xiềng xích. Cấm giết chóc cướp đoạt. Chấm dứt kiện tụng.

Tháng này, chim én (huyền điểu) bay về. Đem cỗ thái lao (vật tế gồm đủ tam sinh: bò, dê, lợn) dâng tế Cao Môi (cầu sinh con). Thiên tử thân hành đi tế lễ, hậu phi dẫn cửu tần hầu hạ, đem các vật phẩm thiên tử đeo trên mình, mang cả bao đựng cung, đặt cung tên lên trên trước mặt Cao Môi để cầu xin sinh con trai.

Tháng này, ngày đêm dài bằng nhau. Sấm bắt đầu vang, bắt đầu có chớp. Các động vật ngủ đông bắt đầu cựa quậy và ra khỏi cửa. Ba ngày trước khi có sấm, khua rung mõ vàng để nhắc nhở trăm họ, báo cho họ rằng sắp có sấm. Đồng thời ra lệnh cho họ: "Sấm sắp nổ vang, nếu không kiểm điểm giữ gìn hành vi của mình, sinh được con trai thì cũng tàn tật, lại còn chắc chắn có tai biến dị thường". Ngày và đêm dài bằng nhau. Hiệu chỉnh thước đo, đấu thạch đong lường, thùng đấu, quả cân và cái gạt đấu gạt hộc (đong thóc gạo)

Tháng này, người cày ruộng ít khi ở nhà. Sửa chữa cửa ngõ. Sắm sửa đầy đủ đồ cúng tế tẩm miếu. Không được hưng binh (gây việc binh đao) để khỏi phương hại công việc nhà nông.

Tháng này không được tát cạn sông hồ ao đầm. Không được đốt rừng. Thiên tử dâng lễ dê non rồi xin mở lấy băng (những tảng băng cất giữ kho), rồi đem dê non và băng hiến dâng lên tẩm miếu. Ngày thượng đinh, thiên

tử sai quan nhạc chính dẫn con em các nhà công khanh học tập vũ nhạc, tung các dải lụa màu. Thiên tử dẫn đầu tam công cửu khanh và chư hầu, đích thân đi xét tình hình chấp hành các việc. Ngày trung đinh, lại lệnh cho quan nhạc chính vào học cung rèn tập nhạc lí.

Tháng này, trong tế tự không dùng hi sinh, mà dùng ngọc khuê, ngọc bích, da thú và tiền thay đồ tế lễ.

Tiết trọng xuân nếu xảy ra thời lệnh mùa thu, thì đất nước này sẽ có lụt to, nhiều đợt khí lạnh và có giặc giã xâm lăng. Nếu xảy ra thời lệnh mùa đông, thì khi dương không đủ, lúa mạch không chín, dân gian xảy ra nhiều cướp bóc. Nếu xảy ra thời lệnh mùa hè thì trong nước sẽ đại hạn, khí ấm đến sớm, côn trùng phá hại mùa màng.

QUÝ SINH

Thiên thứ hai nói rằng:

Điều thánh nhân suy nghĩ sâu xa về thiên hạ, không có gì quý hơn sự sống. Tai, mắt, mũi, miệng đều để phục dịch cho sự sống. Tai mặc dù muốn nghe mọi âm thanh, mắt mặc dù muốn xem mọi màu sắc, mũi mặc

Chú thích: *Thiên này chủ trương "toàn sinh vi thượng, khuy sinh thứ chi, tử thứ chi, bách sinh vi hạ". Đó là cốt lõi, là quan điểm tư tưởng của toàn thiên, là tôn chỉ của học thuyết Tử Hoa Tử. Đây là lời của trường phái Tử Hoa Tử.*

dù muốn ngửi mọi mùi thơm, miệng mặc dù muốn nếm mọi vị ngon, nhưng nếu là có hại cho sự sống thì chúng sẽ đều thôi. Bốn khí quan ấy dẫu là không muốn, hễ có lợi cho sự sống, ắt làm. Xem đó thì biết, tai mắt mũi miệng chẳng thể tự tiện hành động theo ý muốn riêng, mà nhất định có sự chế ước. Khác nào các quan chức, chẳng thể hành động theo ý riêng mình mà phải chịu sự chế định của quân vương. Đó chính là cái thuật quý trọng sự sống vậy.

Nghiêu đem thiên hạ nhường cho Tí Châu Chi Phụ, Tí Châu Chi Phụ thưa: "Cho tôi làm thiên tử thì cũng tạm được. Tuy vậy, tôi lại đang mắc bệnh u uất, cần phải chữa trị, chẳng có thì giờ rỗi để lo trị vì thiên hạ". Thiên hạ là việc trọng đại mà còn chẳng để việc thiên hạ phương hại đến sự sống của mình, chứ huống chi là vật khác? Chỉ có người không chịu để cho vật báu là thiên hạ làm hại đến sự sống của mình, thì mới có thể đem thiên hạ phó thác cho.

Người nước Việt đã giết ba đời vua. Vương Tử Sưu lo sợ, bỏ trốn vào Đan huyệt. Nước Việt không có vua, tìm không thấy Vương Tử Sưu, bèn theo dấu vết mà tìm đến Đan huyệt. Vương Tử Sưu không chịu ra, người nước Việt bèn đốt cỏ ngải mà hun cho Vương Tử Sưu phải ra. Người nước Việt đón Vương Tử Sưu lên vương xa. Vương Tử Sưu cầm lấy sợi dây trèo lên xe, ngửa mặt lên trời mà gào thét rằng: "Hỡi ngôi Vua! Sao cứ một mực chẳng chịu buông tha ta?" Vương Tử Sưu chẳng phải ghét việc làm vua, mà chính là ghét mối tai họa do việc làm vua đem lại. Người như Vương Tử Sưu, có thể nói là không để (ngôi vua) một nước làm hại đến sự

sống của mình. Vì thế, đó chính là lí do khiến người nước Việt muốn được có ông ta làm vua vậy.

Vua nước Lỗ nghe nói Nhan Hạp là người đắc đạo, bèn sai người đem tiền và lụa đến trước cho ông ta. Nhan Hạp đứng trong ngõ xóm, mặc áo thô bằng vải đay, tự mình chăn bò. Sứ thần của vua Lỗ đến, Nhan Hạp tự mình đối đáp với sứ thần. Sứ hỏi: "Đấy là nhà Nhan Hạp phải không?" Nhan Hạp đáp: "Đây là nhà Nhan Hạp". Sứ đưa tiền và lụa cho Nhan Hạp. Nhan Hạp nói: "E rằng vì nghe sai để sứ giả mắc tội, chẳng bằng để thẩm xét cho rõ ràng đã". Sứ giả quay về hỏi rõ đầu đuôi, trở lại tìm Nhan Hạp thì không thấy đâu nữa. Cho nên nói rằng những người như Nhan Hạp, chẳng phải ghét sự giàu sang, mà là vì quý trọng sự sống của mình mà từ chối giàu sang. Các bậc vua chúa đời nay, thường lấy sự giàu sang mà hợm mình trước những người đắc đạo, không biết mình biết người, chẳng đáng buồn lắm sao!

Cho nên nói rằng: Chân lí của đạo là để giữ mình; còn thừa lại, thì dùng để cai trị quốc gia; còn lại mảy may bụi cát mới dùng để trị vì thiên hạ. Từ đó có thể thấy rằng, công nghiệp của đế vương chỉ là việc thừa lại sau khi đã làm nên nhân cách của thánh nhân, chứ không phải cách làm để bảo toàn tính mệnh của mình. Người quân tử thế tục ngày nay chạy theo vật dục mà để sự sống của mình bị đe dọa, thì hỏi anh ta sao có thể làm nên trò gì?

Phàm động tác của thánh nhân, nhất định phải thẩm xét kĩ càng mục đích việc làm để làm gì cũng như thủ đoạn áp dụng phải như thế nào. Về việc này, người

ngày nay lại đem viên ngọc châu giá trị liên thành ra để bắn con chim bay trên trời cao ngàn nhận. Người đời ắt chê cười anh ta, là vì sao vậy? Là vì anh ta đã đem cái vật trọng ra để đi tìm kiếm cái vật có giá trị rất nhẹ rất nhỏ. Mà sự sống đâu chỉ có quý như viên ngọc châu của Tùy hầu.

Tử Hoa Tử nói: "Toàn sinh vi thượng, khuy sinh thứ chi, tử thứ chi, bách sinh vi hạ" (nghĩa là: Bảo toàn sự sống là trên hết, để cho sự sống bị hao tổn là kém một bậc, chết (mà giữ được chí) kém hơn một bậc nữa, còn sống bị bức bách (một cách hèn hạ nhục nhã) là thấp nhất) Cho nên, gọi bằng "tôn sinh", có nghĩa là bảo toàn sự sống của mình. Gọi bằng "bảo toàn sự sống" có nghĩa là "lục dục" (sáu thứ ham muốn) phải vừa mức. Gọi bằng "khuy sinh" (tổn hại sự sống), thì "lục dục" chỉ được một phần nào,"khuy sinh" thì mỏng manh lắm nếu so với "tôn sinh". Tổn hại càng nhiều, thì sự tôn sùng càng mỏng manh. Gọi bằng "chết" là không có tri giác, trở về với trạng thái khi chưa sinh ra. Gọi bằng "bách sinh" (sống bị bức bách), thì "lục dục" chẳng được thích nghi, chỉ được những điều cực xấu là khuất phục và sỉ nhục. Điều khuất nhục không có gì lớn hơn bất nghĩa. Bởi vậy bất nghĩa mà sống là "bách sinh" (sống bức bách). Sống bức bách không chỉ là bất nghĩa, mà còn không bằng cả cái chết. Làm sao biết được như vậy? Tai nghe thấy điều mình ghét thì chẳng bằng không nghe, mắt nhìn thấy cái mình ghét thì chẳng bằng không nhìn thấy. Bởi thế có sấm thì bịt tai, có chớp thì nhắm mắt, cũng là cùng một cái lí đó. Đại phàm lục dục, đều biết được điều nó ghét nhất là gì,

song lại không thể không cảm nhận, vậy thì chẳng bằng không có tri giác. Không có tri giác tức là chết, cho nên "bách sinh" không bằng chết. Thích ăn thịt không có nghĩa là ăn cả thịt chuột chết thối rữa; thích uống rượu không có nghĩa là uống cả rượu mất mùi biến chất; quý trọng sự sống không có nghĩa là quý cả cái sống bức bách nhục nhã hèn hạ.

TÌNH DỤC

Thiên thứ ba nói rằng:

Trời sinh ra con người, cho nó có lòng tham, có dục vọng. Có dục vọng thì có tình dục, có tình dục thì phải nên có tiết chế. Thánh nhân dùng tiết chế để khống chế dục vọng, chứ không thực hiện tình dục của mình vượt quá hạn độ. Dục vọng của tai là nghe được ngũ âm, dục vọng của mắt là nhìn thấy ngũ sắc, dục vọng của miệng là được nếm ngũ vị, đó đều là thường tình. Ba thứ đó, bất luận là người cao quý hay kẻ thấp hèn, người thông minh hay kẻ ngu muội, bậc hiền nhân hay kẻ bất tiếu đều giống nhau. Dẫu là Thần Nông, Hoàng Đế thì về điều đó cũng chẳng khác gì vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương cả. Thánh nhân sở dĩ khác với

---

Chú thích: *Thiên này bàn về tiết chế tình dục. Tình dục phải xuất phát từ "quý sinh" (quý trọng sự sống) thì sự sống mới lâu dài, thân thể mới an khang. Đó là luận điểm của Trường phái Tử Hoa Tử.*

người thường, chính là ở chỗ thánh nhân không vượt quá hạn độ được tiết chế. Hành động xuất phát từ quý trọng sự sống thì khiến cho tình dục được đúng mức; hành động không xuất phát từ quý trọng sự sống thì đánh mất cái tình không vượt quá giới hạn. Hai sự đó chính là cái gốc của sự sinh tử, tồn vong vậy.

Kẻ quân vương tầm thường thiếu tình, cho nên hễ hành động là bại vong. Tai không được nghe đủ, mắt không được nhìn chán, miệng không được ăn đầy, toàn thân sưng phù thối rữa, gân cốt trầm trệ, huyết mạch ủng tắc, cửu khiếu trống không, tà vạy bất chính, thì dẫu có là ông Bành Tổ cũng khó lòng thành được cái công trường thọ, huống chi là những kẻ quân vương tầm thường thiếu tình kia. Đại phàm những kẻ quân vương tầm thường, hễ cái gì không có được thì coi là quý báu; hễ cái gì không thỏa mãn được thì coi là bảo bối để cố mà săn đuổi, rõ ràng là đánh mất cái gốc của sự sống. Người dân oán giận và sàm báng, coi là kẻ đại cừu thù. Tâm khí thì hay biến đổi thất thường; ỷ thế kiêu căng, ham điều trí xảo, bụng chứa đầy những điều gian trá lừa lọc, đạo đức nhân nghĩa thì coi là việc nhẹ, lợi lộc gian tà thì coi là cấp thiết, đến khi lâm cảnh khốn cùng, dẫu về sau có hối hận thì làm sao còn kịp? Thân cận kẻ xảo nịnh, xa lánh người đoan trực, đó là mối nguy lớn của quốc gia. Dẫu ăn năn về những lỗi lầm khi trước thì cũng chẳng còn cách nào cứu vãn. Nghe đến sự nguy vong thì hoang mang sợ hãi, chứ chẳng biết nguồn gốc do đâu. Bách bệnh nộ phát (một trăm thứ bệnh dồn dập nảy sinh), tai họa nguy loạn xảy ra liên tiếp. Làm vua như thế thì thật là mối lo lớn

cho sự sống của bản thân mình. Tai chẳng vui nghe ngũ âm, mắt chẳng thích nhìn ngũ sắc, miệng chẳng muốn nếm mùi vị, như vậy thì sống có khác gì với chết.

Những người đắc đạo thời xưa, sống lâu trường thọ, mọi thứ thanh sắc mùi vị đều được hưởng thụ lâu dài, là cớ làm sao? Là bởi họ sớm định luận (cái phép tiết dục trường sinh). Sớm định luận thì sớm biết quý trọng giữ gìn, sớm biết quý trọng giữ gìn thì tinh lực không suy kiệt. Mùa thu sớm lạnh thì mùa đông ắt ấm áp; mùa xuân mưa nhiều thì mùa hạ ắt khô hạn. Trời đất còn chẳng được hưởng toàn, huống chi là loài người? Người cũng giống như Trời đất muôn vật hình dẫu khác nhau, song tình vẫn là một. Bởi thế, cổ nhân sửa trị thân mình và cai trị thiên hạ, đều nhất định học theo Trời đất. Người nâng chén càng đông thì rượu càng mau cạn. Muôn vật càng nhiều thứ tiêu hao sự sống quý giá, thì sự sống quý giá sẽ càng chóng tiêu hao cùng kiệt. Không chỉ muôn vật bên ngoài làm tiêu hao sự sống, mà con người còn tự làm hao tổn sự sống của mình cho người thiên hạ, mà trước sau chẳng hề tự biết. Công nghiệp dẫu có được thành tựu ở ngoài, song ở trong thì sự sống hao tổn. Tai chẳng có thể được nghe, mắt chẳng có thể được nhìn, miệng chẳng có thể được ăn, trong bụng ngổn ngang rối bời, sinh ra nói năng càn rỡ, lúc kề cái chết thì kinh hoàng hoảng loạn, chẳng biết làm gì. Dụng tâm đến nông nỗi ấy, há chẳng đáng đau buồn lắm sao!

Những kẻ thờ phụng quân vương ở trên đời này đều cho rằng Tôn Thúc Ngao gặp được Sở Trang Vương là điều may mắn (cho ông ta). Nhưng từ phía những người

nắm được đạo lí mà luận bàn điều đó thì chẳng phải như vậy, mà đó chính là điều may mắn cho cả nước Sở. Sở Trang Vương ham thích rong chơi săn bắn, cưỡi ngựa bắn cung, thỏa thích vui say, dồn hết mọi sự vất vả trong nước cùng mọi mối lo lắng về các nước chư hầu lên mình Tôn Thúc Ngao. Tôn Thúc Ngao ngày đêm không nghỉ, không hề nghĩ đến sự gìn giữ sinh mệnh của mình, nên mới khiến cho công tích của Sở Trang Vương ghi vào sử sách, truyền đến đời sau được.

ĐÁNG NHIỄM

Thiên thứ tư nói rằng:

Mặc Tử nhìn thấy người ta nhuộm tơ mà than rằng: "Nhuộm vào nước xanh thì thành xanh, nhuộm vào nước vàng thì thành vàng, thay màu nước nhuộm, thì màu tơ sẽ đổi. Nhuộm năm lần nước khác nhau thì thành năm màu khác nhau". Bởi vậy mà nhuộm màu chẳng thể không thận trọng.

Chẳng riêng gì nhuộm tơ, mà cả quốc gia cũng có chuyện "nhuộm". Thuấn nhuộm bởi Hứa Do và Bá Dương, Vũ nhuộm bởi Cao Dao và Bá Ích, Thang nhuộm bởi Y Doãn và Trọng Hủy, Võ (Chu Công Vương) nhuộm bởi Thái Công Vọng và Chu Công Đán. Bốn vị vua ấy được nhuộm màu thích đáng tốt đẹp, nên mới làm vương

---

Chú thích: *Thiên này là do các nhà hậu học của phái Mặc gia viết ra.*

thiên hạ, lập làm thiên tử, công danh tỏa trùm khắp trời đất. Những bậc nhân nghĩa hiển hách toàn thiên hạ thảy đều ca ngợi đức tốt của bốn vị vua ấy. Còn Hạ Kiệt nhuộm bởi Can Tân và Kì Chủng Nhung. Ân Trụ nhuộm bởi Sùng Hầu và Ác Lai, Chu Lệ Vương nhuộm bởi Quắc Công Trường Phủ và Vinh Di Chung, Chu U Vương nhuộm bởi Quắc Công Cổ và Tế Công Đôn; bốn vua này nhuộm không tốt nên quốc phá thân vong (nước tan mình chết), bị người thiên hạ sỉ nhục. Những kẻ nhục nhã bất nghĩa khắp trong thiên hạ tất gọi bằng tên bốn vị vua này. Tề Hoàn Công nhuộm bởi Quản Trọng và Bão Thúc Nha, Tấn Văn Công nhuộm bởi Cữu Phạm và Khích Yển, Sở Trang Vương nhuộm bởi Tôn Thúc Ngao và Thẩm Doãn Chưng, Ngô Vương Hạp Lư nhuộm bởi Ngũ Viên và Văn Chi Nghi, Việt vương Câu Tiễn nhuộm bởi Phạm Lãi và Đại Phu Chủng, năm người ấy nhuộm được đúng cho nên có thể xưng bá với chư hầu, công danh truyền cho hậu thế. Còn Phạm Cát Xạ nhuộm bởi Trương Liễu Sóc và Vương Sinh, Trung Hàng Dần nhuộm bởi Hoàng Tá Tần và Cao Cường, Ngô vương Phù Sai nhuộm bởi Vương Tôn Hùng và Thái Tể Phỉ, Trí Bá Dao nhuộm bởi Trí Quốc và Trương Vũ, Trung Sơn Thượng nhuộm bởi Ngụy Nghĩa và Yến Trường, Tống Khang Vương nhuộm bởi Đường Ưởng và Điền Bất Yên, sáu người này nhuộm không đúng người, nên nước phải tàn vong, thân mình thì kẻ bị chết, người bị nhục, tông miếu không người tế tự, đời sau không người nối dõi, vua tôi li tán, dân chúng lưu vong. Những kẻ tham tàn bạo ngược đáng xấu hổ trong thiên hạ tất đều được gọi bằng tên sáu người này. Phạm

làm vua, chẳng phải vì làm vua mà được vinh diệu, cũng chẳng phải vì làm vua mà được yên ninh; đó chính là hành đạo. Hành đạo được là nhờ "đáng nhiễm" (nhuộm được thỏa đáng tốt đẹp). Bởi thế các vị quân vương giỏi đạo làm vua thời xưa, lao tâm khổ tứ trong việc đánh giá kén chọn con người mà nhàn dật trong xử lí công vụ, ấy là đã nắm được cái đạo làm vua. Còn kẻ không biết đạo làm vua, thì nhọc hình hài hao tâm trí, lòng lo âu mà tai mắt vất vả, nước thêm nguy, thân thêm nhục, đều bởi không biết được những điều trọng yếu then chốt, không biết những điều trọng yếu then chốt,thì nhuộm không trúng, nhuộm không trúng thì cái lí là bởi do đâu? Sáu người kia chính là như vậy. Sáu người kia chẳng phải không trọng thị quốc gia của mình, chẳng phải không yêu quý bản thân mình, mà chỉ vì nhuộm không trúng đó thôi. Lẽ tồn vong không chỉ riêng cho sáu người đó, mà cả nghiệp đế vương cũng là như vậy.

Chẳng riêng gì quốc gia có chuyện "nhuộm" như vậy. Khổng Tử học Lão Đam, Mạnh Tô Quỳ và Tĩnh Thúc, Lỗ Huệ Công phái Tể Nhượng thỉnh cầu thiên tử làm lễ tế Giao miếu, Bình Vương phái Sử Giốc đi, Lỗ Huệ Công cho Sử Giốc ở lại, con cháu sống ở nước Lỗ, Mặc Tử theo học họ. Khổng Mặc hai nhà chẳng có tước vị để khoe hiển quý với người, chẳng có lợi lộc ban thưởng để làm lợi cho người, nhưng tất cả những người hiển vinh trong khắp thiên hạ tất đều ca ngợi hai nhà đó. Họ đều đã chết từ lâu, nhưng môn đồ ngày một thêm đông, đệ tử ngày một thêm nhiều, khắp trong thiên hạ. Các vương công đại nhân đều theo mà tôn vinh họ; người đời yêu quý con em mình đều cho con em theo

học họ, chẳng có thời nào giảm sút suy tàn. Tử Cống, Tử Hạ và Tăng Tử học Khổng Tử; Điền Tử Phương học Tử Cống; Đoàn Can Mộc học Tử Hạ; Ngô Khởi học Tăng Tử; Cầm Hoạt Li học Mặc Tử; Hứa Phạm học Cầm hoạt Li; Điền Kinh lại học Hứa Phạm. Những người đời sau học Khổng Mặc hai nhà mà hiển vinh trong thiên hạ thì nhiều không kể xiết, đều là do họ được nhuộm thỏa đáng trúng người phải phép vậy.

CÔNG DANH

Thiên thứ năm nói rằng:

Cầu lấy công danh bằng con đường chính đáng, thì công danh không thể nào thoát khỏi, khác nào như dựng cột biểu lên thì ắt có bóng, cất tiếng hô thì ắt có âm vang vậy. Người khéo câu bắt được con cá từ dưới nước sâu mười nhận, ấy là nhờ có mồi thơm; người thiện xạ bắn rơi con chim bay trên trời cao trăm nhận, ấy là bởi có cung tốt. Người giỏi đạo làm vua khiến man di bốn phía dẫu khác nhau thói tục, giọng lưỡi líu lo cũng đều quy phục, ấy là nhờ có đức dày. Suối nước sâu thì tôm cá ba ba theo về, cây rừng rậm rạp thì chim chóc đến ở, cỏ cây tươi tốt thì cầm thú tụ lại, bậc quân

---

Chú thích: *Thiên này nhằm thuyết minh cái lẽ "duyệt cận lai viễn" (làm cho người ở gần thì yêu thích, làm cho người ở xa muốn đến với mình), là lời của phái Nho gia.*

chủ hiền minh thì hào kiệt bốn phương quy thuận. Bởi thế các bậc thánh vương chẳng vụ kẻ quy thuận, mà vụ ở cái đức khiến mọi người quy thuận theo mình.

Cưỡng bức người ta cười thì cười không vui, cưỡng bức người ta khóc thì khóc không bi. Cưỡng bức người ta làm việc phải đạo, thì chỉ có thể làm được việc đạo đức nhỏ chứ không thành được việc đạo đức lớn.

Giấm đựng trong chậu sành lên váng mốc vàng, thì giòi bọ lúc nhúc, ấy là vì trên lớp váng vàng có chất chua, nếu chỉ có mốc không, thì không tụ được giòi bọ. Dùng con li miêu để nhử con chuột, dùng băng để nhử nhặng xanh thì dẫu khéo nhử đến mấy cũng không sao nhử được. Cầm con cá thối mà xua đuổi nhặng xanh thì nhặng xanh càng bu đến không sao ngăn được, ấy là bởi cớ ta xua đuổi nó bằng cái phương pháp và cái mồi nhử nó đến. Kiệt, Trụ vẫy gọi dân chúng bằng chính trị bạo ngược, xử phạt rất nặng, cực hình dẫu rất tàn khốc, nhưng phỏng có ích gì?

Tiết đại hàn đến, thì dân chúng coi ấm áp là điều lợi, tiết đại thử đến thì dân chúng chỉ hướng về nơi mát mẻ. Bởi thế dân chẳng có chỗ ở nào cố định vĩnh viễn, có lợi thì dồn đến ở, không có lợi thì bỏ mà đi. Muốn làm thiên tử thì không thể không xét kĩ dân muốn tìm đến nơi nào. Thời buổi ngày nay, rét như đại hàn, nóng như đại thử, vậy mà trăm họ chẳng bỏ đi để tránh rét, tránh nóng, ấy là bởi vì vua các nước khác cũng tàn bạo khốc liệt chẳng kém gì. Muốn làm thiên tử, để cho dân chúng nhìn vào được thấy mình có khác với những ông vua tàn nhẫn bạo ngược kia phần nào. Còn nếu như không khác họ chút nào, bạo loạn dẫu

gấp bội ngày nay, thì dân chúng cũng chẳng có con đường nào mà đi. Dân chẳng có con đường nào mà đi, thì vua đáng phải phế truất. Bạo chúa mà may mắn thì dân chúng phải tuyệt vọng. Cho nên ở thời buổi ngày nay có người nhân ở đây, thì không thể không theo đuổi nhân nghĩa, có minh quân hiền chúa thì không thể không làm việc nhân nghĩa.

Hiền với bất tiếu chẳng thể không phân biệt, cũng khác nào số phận không thể đổi thay, khác nhau đẹp xấu không thể di dịch.Kiệt, Trụ ở ngôi sang của thiên tử, có cái giàu của cả thiên hạ, có thể tàn hại bàn dân thiên hạ, nhưng không thể có được cái thanh danh là vua hiền. Quan Long Phùng và Vương Tử Tỉ Can biết dùng cái chết ở thời khắc then chốt để can gián tội lỗi của vua, nhưng cũng không thể cho vua cái thanh danh là vua hiền được. Danh vốn không thể lẫn lộn, nhất định phải theo cái lí của nó.

III QUÝ XUÂN KỈ - TẬN SỐ - TIÊN KỈ - LUẬN NHÂN - VIÊN ĐẠO

QUÝ XUÂN KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng cuối xuân: Mặt trời ở vị trí của sao Vị. Buổi chiều hôm, chòm sao Thất Tinh ở phương chính Nam, sáng sớm sao Khiên ngưu ở phương chính Nam. Mặt trời tháng này ở phương Giáp ất (phương Đông). Vị đế vương đối ứng với tháng này là Thái Cao thị, vị thần đối ứng với tháng này là Câu Mang, động vật tiêu biểu của tháng này là loại có vảy; thanh âm tháng này lấy âm giốc làm tiêu biểu, âm luật tháng này hợp với Cô Tẩy. Con số đối ứng với tháng này là 8. Vị đối ứng của tháng này là vị chua; mùi đối ứng của tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này là ở cửa, lúc tế tự trước hết phải dâng "tì". Cây ngô đồng ra hoa. Chuột đồng biến thành chim cút. Cầu vồng bắt đầu xuất hiện. Bèo bắt đầu sinh trưởng. Thiên tử ở trong phòng phía nam bên phải nhà Minh đường, ngồi xe (trang sức hình chim) loan, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe có cờ xanh, Thiên tử mặc áo xanh, đeo ngọc xanh. Ăn hạt mạch và thịt dê. Đồ vật tế tự đều chạm trổ thưa mà thoáng.

Tháng này, lúc tế tự Thượng đế, thiên tử mặc áo hoàng tang. Lệnh cho quan viên coi thuyền nhiều lần kiểm tra ghe thuyền, lật đi lật lại năm lượt, rồi mới cáo với thiên tử rằng thuyền đã sửa soạn xong, thiên tử bấy giờ mới bắt đầu xuống thuyền. Tiến dâng cá tầm vào nhà tẩm miếu, cầu xin tông tổ cho lúa mạch kết hạt.

Tháng này, khí của sinh mệnh đang vượng, khí dương phát tán, động vật phôi thai đều vươn lớn, mầm nụ cây cối đều phát đạt, không thể thu cất. Thiên tử ban bố đức chính, thi hành ân huệ. Sai quan viên mở kho lẫm, thí xả cho kẻ bần cùng, cứu vớt những kẻ thiếu ăn, mở phủ khố lấy tiền của, chu cấp người trong thiên hạ, khích lệ chư hầu, đón mời danh sĩ, kính đãi người hiền.

Tháng này, thiên tử hạ lệnh cho quan tư không trông coi thủy thổ rằng: "Trời sắp có mưa đúng lúc, nước dưới đất sắp dâng. Hãy đi xem xét khắp đồng ruộng, tu trúc đê điều, khơi thông ngòi rãnh, khai thông đường sá, cho không còn chướng ngại ùn tắc. Đồ dùng săn bắn như lưới thưa lưới mau, các loại bẫy sập, thuốc đánh bả thú đều không được ra khỏi các cổng thành."

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho quan dã ngu trông coi gỗ lạt, không được đẵn cây dâu cây đay, vì chim cu còn phải rỉa lông, và chim đầu rìu thường đỗ trên cành dâu. Sửa soạn sẵn đồ đựng lá dâu, để các hậu phi sau khi trai giới sẽ tự mình về làng quê phía đông hái dâu. Cấm chỉ phụ nữ đi chơi, miễn hết mọi công việc khác cho phụ nữ, khuyến khích họ chăn tằm. Sau khi việc dâu tằm hoàn thành, phân kén theo thang bậc, theo trọng lượng tơ nhiều hay ít để định công cao thấp. Dùng

tơ tằm để cung cấp trang phục tế lễ dùng trong các lễ tế trời và tế tổ, chẳng có ai dám bỏ bê công việc.

Tháng này, thiên tử hạ lệnh cho công sư, giao cho đông đảo thợ khéo kiểm tra lượng hàng chứa ở năm kho từ kim loại sắt gang, dây da, sừng răng, đốc tên đến keo sơn... không được có hàng kém phẩm chất. Khi bách công làm các công việc, thì các công sư (đốc công) phải giám sát họ, hàng ngày thúc giục họ không được để lỡ thời vụ. Không được làm hàng gian dối lừa đảo làm phiền lòng nhà vua.

Cuối tháng này, chọn lấy ngày lành, mở một kì đại hội âm nhạc, thiên tử dẫn đầu tam công cửu khanh chư hầu đại phu thân hành đến xem biểu diễn.

Tháng này, cho trâu bò đực và ngựa đực tụ họp với trâu bò cái và ngựa cái động hớn trong cùng một bãi chăn, đăng kí số hy sinh và bê nghé cùng ngựa con trong tế tự, ra lệnh cho hữu ti tổ chức lễ "na" trong kinh thành, xua đuổi ôn dịch ma quỷ, ở ba phương chín cửa của vương thành, mổ dê mổ chó để đuổi tà xua quỷ, và kết thúc xuân khí.

Nếu như thời lệnh chính đáng thì sẽ có mưa ngọt rơi xuống. Tháng cuối xuân nếu nảy sinh thời tiết mùa đông, thì rét xuân sẽ thường xảy ra, cỏ cây cũng sẽ xơ xác tiêu điều, quốc gia sẽ có khủng hoảng (cơn sợ hãi) lớn. Tháng cuối xuân nếu nảy sinh thời lệnh mùa hè thì dân sẽ có nhiều dịch bệnh. Lẽ ra có mưa mà nay không có, hoa màu trồng trên núi đồi sẽ chẳng cho thu hoạch. Nếu nảy sinh thời tiết mùa thu, thì trời sẽ âm u, sớm có mưa dầm và đồng thời sẽ có chiến sự.

TẬN SỐ
(Hưởng hết tuổi trời)

Thiên thứ hai nói rằng:

Âm dương, nóng lạnh, khô ẩm là do trời sinh, bốn mùa thay đổi, muôn vật biến đổi, chẳng có gì không nhờ nó mà được lợi, cũng chẳng có gì không vì nó mà bị hại. Thánh nhân xét kĩ sự vừa mức của âm dương (âm dương thích trung), nhận rõ cái lợi của muôn vật để sinh tồn, cho nên tinh thần bình ổn mà hình tính an thỏa, bởi thế tuổi thọ được dài lâu. Trường thọ phải đâu là sự tiếp tục của đoản mệnh, mà chính là không yểu chiết, hưởng hết cái số của mình vốn có. Muốn hưởng hết cái số của mình, thì điều quan trọng cốt ở trừ bỏ những gì có hại cho tuổi thọ. Thế nào là trừ bỏ những gì có hại? Ngọt, chua, đắng, cay, mặn, năm vị ấy mà tràn đầy quá mức nơi thân thể thì sẽ có hại cho sự sống. Mừng, giận, lo, sợ, buồn, năm tình ấy ảnh hưởng quá mức đến tâm thần thì sẽ có hại cho sự sống. Lạnh, nóng, khô, ướt, gió, mưa, mù, bảy khí hậu ấy ảnh hưởng quá mức đến tinh khí thì sẽ có hại cho sự sống. Cho nên phàm người dưỡng sinh, không gì bằng biết rõ cái căn bản (tinh thần bình ổn, hình tính an thỏa). Biết rõ cái căn bản thì tật bệnh chẳng thể nào xảy đến được.

Tinh khí nhất định phải hội tụ trong vật thể. Hội tụ nơi con chim thì cùng chim bay lên, hội tụ nơi con thú

Chú thích: *Muốn hưởng hết tuổi trời thì phải coi trọng đạo dưỡng sinh. Thiên này là lời của các nhà phương kĩ.*

thì cùng thú chạy nhảy, hội tụ nơi châu ngọc thì cùng châu ngọc lấp lánh, hội tụ nơi cỏ cây thì cùng cỏ cây tươi tốt,hội tụ nơi thánh nhân thì cùng thánh nhân sáng suốt. Tinh khí đến, nhờ vào sự nhẹ nhàng (của con chim) mà khiến nó bay lên, nhờ vào tài nhanh (của con thú) mà khiến nó chạy nhảy, nhờ vào vẻ đẹp (của châu ngọc) mà khiến nó lấp lánh, nhờ vào dinh dưỡng (của cỏ cây) mà khiến nó tươi tốt, nhờ vào trí tuệ (của thánh nhân) mà khiến thánh nhân thêm sáng suốt.

Nước chảy thì không thối, cái trục cửa thì không bị mọt đục, ấy là nhờ vận động. Hình thể và tinh khí cũng vậy. Hình thể không vận động thì tinh khí không lưu thông, tinh khí không lưu thông thì khí uất. Khí uất ở đầu thì mắc chứng thũng và đau phong, ở tai thì khiến tai ù rồi điếc, ở mắt thì khiến mắt có dử rồi mù, ở mũi thì khiến mũi bị ngạt, ở bụng thì khiến bụng trướng đầy hơi, ở chân thì khiến chân tê rồi liệt.

Nước nhẹ quá nhiều thì khiến người ta đầu trọc, họng rát; nước nặng quá nhiều thì khiến người ta chân phù gối liệt; nước ngọt thường khiến người ta đẹp đẽ phúc hậu; nước cay nhiều thường khiến người ta mọc đầy mụn nhọt và đau gân đau khớp; nước đắng nhiều khiến người ta dô ngực gù lưng.

Phàm thức ăn, đừng dùng thứ quá mạnh, gia vị đừng dùng rượu quá nặng ớt quá cay,những thứ đó là khởi đầu của bệnh tật. Ăn uống có giờ giấc thì thân thể khỏi tai ương. Phàm cái đạo của việc ăn, là đừng quá đói đừng quá no, đó chính là phép báu của ngũ tạng. (khi ăn), tất phải chọn thức ngon, dung mạo ngay ngắn tinh thần thoải mái, gân cốt thư dãn chịu sự điều tiết của

thần khí. Khi uống, nuốt từng ngụm nhỏ, tư thế ngay ngắn, không trái với thần khí.

Thời nay chuộng bói toán cầu đảo, cho nên bệnh tật càng nhiều. Cũng ví như bắn, bắn không trúng lại cứ đi lo sửa cái bia, phỏng có ích gì ? Thêm nước nóng vào nồi nước sôi, thì nước vẫn cứ sôi, dập lửa đi khắc hết sôi. Bởi thế, nhờ thuốc độc của thầy cúng thầy thuốc để trị bệnh, người xưa vốn đã coi thường, bởi vì đó là bỏ cái gốc lấy cái ngọn vậy.

TIÊN KỈ
(Trước lo sửa bản thân mình)

Thiên thứ ba nói rằng:

Vua Thành Thang nhà Thương hỏi ông Y Doãn: "Muốn lấy được thiên hạ thì phải làm thế nào?" Y Doãn thưa rằng: "Muốn lấy thiên hạ ư, thiên hạ không thể lấy được. Muốn lấy thiên hạ, phải lấy mình trước". Phàm cái gốc của mọi việc, là trước hết phải sửa mình, phải yêu quý cái của báu lớn của mình. Dùng cái mới, bỏ cái cũ, cái mạch của cơ thể được thông suốt. Tinh khí đổi mới hàng ngày, tà khí được trừ bỏ hết , thì có thể đạt đến được số thọ trời cho. Như vậy gọi là bậc chân nhân.

Chú thích: * *Đây là lời của trường phái Y Doãn, cho rằng muốn trị quốc bình thiên hạ thì tất phải sửa mình trước.*

1. *Đây là thiên* Thi cưu *thuộc* Tào phong *trong* Kinh Thi

2. *Đây là thiên* Giản hề *thuộc* Bội phong *trong* Kinh Thi

Các thánh vương xưa hoàn thiện được mình nên hoàn thiện được vương đạo, trị được bản thân mình mà khiến thiên hạ bình trị. Bởi thế người khéo điều khiển âm thanh không chú ý vào tiếng vang vọng lại mà chú ý sửa tiếng phát ra,người khéo điều khiển cái bóng, không chú ý vào cái bóng mà chú ý sửa cái hình; người cai trị thiên hạ không chú ý vào thiên hạ mà chú ý vào bản thân mình. Kinh Thi có câu: "Thục nhân quân tử, kì nghi bất thắc. Kì nghi bất thắc,chính thị tứ quốc"[1](nghĩa là: Bậc hiền nhân quân tử, Dáng uy nghi đứng đắn không sai. Hễ uy nghi đứng đắn không sai, thì có thể sửa trị đứng đắn các nước chư hầu khắp bốn phương). Chính là nói về việc phải sửa mình cho đúng đắn. Cho nên soi vào đạo mà sửa mình, thì thân mình hoàn thiện; làm điều nghĩa thì mọi người hoàn thiện, vui vẻ làm đầy đủ đạo làm vua, thì bách quan được sửa trị, mà muôn dân được lợi vậy. Ba điều ấy thành được, đều ở vô vi. Đạo vô vi là thuận theo ý trời, làm điều nghĩa là lợi cho thân mình, đạo làm vua là không mưu lợi cho riêng mình. Không mưu lợi cho riêng mình thì tai nghe không thiên lệch, vô vi thì khiến thân mình được ích lợi mà bình tĩnh, ứng thuận với tính trời. Ứng thuận với tính trời thì tai thông mắt sáng sống lâu trường thọ, bình tĩnh thì sự nghiệp tiến ích mà vui vẻ giáo hóa dân chúng, tai nghe không thiên lệch thì bịt lối kẻ gian tà, kẻ làm vua không nghi kị bàng hoàng. Cho nên vua mà thất đạo thì biên cương bị giặc xâm nhiễu, bên trong không thi hành được chính lệnh, mà bên ngoài thanh danh sa sút, lân

bang coi thường. Bởi vậy nói rằng, cây tùng cao trăm nhận, nếu bị tổn thương dưới gốc, thì trên cao ngọn cành sẽ khô héo. Nước của nhà Thương nhà Chu, trong lòng mất hết mưu lược, chính lệnh ban ra trăm họ chẳng phục tùng. Cho nên có được cái tâm, thì tai nghe mới được, tai nghe được thì việc mới thành, việc có thành thì công danh mới tỏ rạng. Ngũ đế trước lo đạo rồi sau lo đức, cho nên đức thịnh không ai hơn; Tam vương trước thi hành giáo hóa, rồi sau mới thực thi sát phạt, cho nên mọi sự nghiệp đều thành công; Ngũ bá trước thực hành lễ nhượng rồi sau mới dụng binh, cho nên binh cường không ai hơn được. Còn thời nay, trí xảo thực hành song song với mưu lược, dối trá với mưu mẹo liên tiếp bày ra,chiến tranh công phạt liên miên không dứt, những việc mất nước nhục vua ngày một thêm nhiều, ấy là bởi người ta không lo cái gốc mà chỉ biết cái ngọn vậy.

Hạ Hầu Tương đánh nhau với Hữu Hỗ ở Cam Trạch mà không thắng được, lục khanh xin cho đánh nữa. Hạ Hầu Tương bảo: “Không được. Đất của ta không hẹp, dân của ta không ít, vậy mà đánh không thắng, ấy là bởi đức ta mỏng và giáo hóa của ta không tốt. Thế rồi(chăm lo sửa đức thi giáo) ngồi thì không trải chiếu đôi, ăn thì không dùng hai món, không phô bày đàn cầm đàn sắt, không dóng trống khua chiêng, con trai con gái không trau chuốt trang điểm, thương yêu người thân, tôn kính bậc trưởng, trọng bậc hiền lương, dùng người tài giỏi, chỉ một năm sau thì họ Hữu Hỗ đã quy phục. Bởi thế mới nói rằng: muốn thắng người, trước phải thắng mình; muốn xét

người, trước phải xét mình;muốn biết người, trước phải biết mình.

Kinh Thi có câu : "chấp bí như đổ"[2](nghĩa là: Cầm cái dây cương mà mềm mại như cái dải mũ, có phép tắc đâu ra đấy). Khổng Tử nói rằng: "Thẩm thử ngôn dã khả dĩ vị thiên hạ".(Người hiểu được câu này có thể cai trị cả thiên hạ) Tử Cống nói: "Hà kì táo dã!"(Nóng vội thế cơ ư !) Khổng Tử nói: "Phi vị kì táo dã, vị kì vi chi ư thử, nhi thành văn ư bỉ dã, thánh nhân tổ tu kì thân, nhi thành văn ư thiên hạ hạ hĩ". (Nghĩa là: Chẳng phải nóng vội đâu, mà là ý nói làm việc này, mà thành được kết quả kia - kết quả của việc dệt tơ là ngang dọc ngay ngắn -. Thánh nhân tu dưỡng bản thân theo nhận thức đó mà kết quả là thiên hạ đại trị.) Cho nên Tử Hoa Tử mới nói rằng: "Gò đồi được hình thành, nên người ở trong hang động được yên ổn, vực sâu được hình thành thì rùa và ba ba được yên ổn, cây tùng cây bách mọc lên thì khách qua đường được hóng mát".

Khổng Tử đến yết kiến Lỗ Ai Công, Ai Công nói: "Có người nói với quả nhân rằng: Bậc quân vương cai trị quốc gia, chỉ cần cai trị ở trong điện đường (đền và nhà) là đủ rồi. Quả nhân cho rằng đó là một câu nói không hợp lẽ". Khổng Tử thưa: "Đó chẳng phải là một lời nói không hợp lẽ. Thần có nghe rằng: "Tự mình được tu dưỡng thì sẽ thu được nhân tâm, tự mình không có tu dưỡng thì sẽ mất nhân tâm đi". Không ra khỏi cửa mà khiến cho thiên hạ được bình trị, chỉ cần tự xét mình là đủ rồi"

LUẬN NHÂN
(Nhận xét về người)

Thiên thứ tư nói rằng:

Đạo làm vua thật giản ước, phẩm đức của người làm vua là ở chính bản thân mình. Phẩm đức cao nhất là đòi hỏi ở mình. thấp hơn một bậc là đòi hỏi ở người. Đòi hỏi người khác mà không đòi hỏi mình, thì đòi hỏi càng nhiều bao nhiêu, người ta càng xa lánh mình bấy nhiêu.

Thế nào là đòi hỏi mình? Để cho lỗ tai con mắt của mình ham muốn vừa phải, tiết chế các thèm muốn, bỏ sự trí xảo, xa sự giả dối, để cho tâm ý ngao du trong cõi không gian bao la vô hạn, mặc tâm thần rong ruổi trên con đường tự nhiên, như vậy thì chẳng có gì làm tổn hại được thiên tính của mình. Không gì tổn hại thiên tính của mình thì hiểu được chỗ vi diệu của đạo; hiểu được chỗ vi diệu của đạo thì biết được cái thần, biết được cái thần thì có thể gọi là "đắc nhất" (đắc đạo). Phàm muôn vật trời sinh, đã đắc đạo thì có thể thành. Cho nên, đắc đạo rồi thì sẽ tùy ứng muôn vật mà biến hóa, rộng lớn sâu xa không thể lường được. Đức hạnh rỡ ràng đẹp đẽ, sánh cùng nhật nguyệt, không thể dập tắt. Hào sĩ luôn luôn tìm đến, người phương xa theo về làm môn khách, không thể ngăn được. Ý khí lan truyền

---

Chú thích: *Thiên này tiếp ý thiên trước bàn về mối quan hệ giữa tự xét bản thân với đòi hỏi người khác là luận điểm của phái Đạo gia Y Doãn.*

thông suốt, không có gì trói buộc, không thể cất giữ. Cho nên, hiểu được cái lẽ biết đạo, thì lại trở về với chân phác, thèm muốn dễ được thỏa mãn, lấy dùng cho mình cái gì cũng tiết độ vừa phải, dùng ít và không được chiếm hữu. Một mình lánh đời để tự vui, lòng dạ lâng lâng trong trắng, không nhuốm đen. Uy lực không thể khiến sợ hãi, dữ dằn không thể khiến lo âu, không thể khiến phục tùng. Cho nên, hiểu được cái lẽ biết đạo thì hành động sẽ thỏa đáng đúng đắn, tới lúc đúng thời, không lâm vào bước đường cùng. Hành vi cử chỉ đúng phép hợp với lẽ thường, không thể nào mê hoặc được. Nói năng không lầm lỡ, tiếp xúc bằng da thịt khiến có nhận biết không thể thay đổi được. Kẻ sàm nịnh phải khốn cùng, người hiền tài được hưng phát, không gì có thể che đậy được. Cho nên hiểu được cái lẽ biết đạo, thì sẽ giống như Trời Đất, như vậy thì việc gì làm chẳng thành, vật gì chẳng nghe theo? Ví như người đánh xe, đòi hỏi mình có tài nghệ cao rồi thì xe nhẹ mà ngựa nhanh, đường dẫu xa mà đi về chỉ trong khoảng hai bữa ăn, lại không hề mỏi mệt. Những ông vua mất nước ngày xưa, cứ đổ tội cho người khác cho nên luôn luôn giết chóc người ta, đến nỗi đất nước diệt vong mà không tỉnh ngộ. Các vị vua trung hưng thời tam đại, tự quy tội lỗi về mình, cho nên mãi mãi lập được công lao không hề sa sút, để cuối cùng làm nên vương nghiệp.

Thế nào là đòi hỏi người? Người ta tuy là đồng loại nhưng trí tuệ lại khác nhau. Người hiền và kẻ bất tiếu khác nhau, nhưng đều lấy ngôn từ xảo biện để lấp liếm sai lầm của mình hoặc phòng ngừa sự ghen ghét của địch thủ, nên khiến các ông vua bất tiếu dễ bị mê hoặc

hôn loạn. Phàm nhận xét người ta, khi người ta thông đạt phải xem người ta tôn kính cái gì; khi người ta hiển quý phải xem người ta tiến cử người nào; khi người ta giàu có phải xem người ta muốn nuôi dưỡng những ai; nghe người ta nói phải xem việc người ta làm; khi vô sự phải xem người ta ham thích cái gì; khi người ta là kẻ thân tín của mình (nhà vua) thì phải xem người ta dâng những lời (khuyên bảo hoặc can ngăn) ra sao; khi người ta bất đắc chí thì phải xem người ta không chịu cái gì; khi người ta ở vào thế thấp hèn thì phải xem người ta không chịu làm điều gì; cho người ta vui sướng để nghiệm xem người ta có giữ được tiết tháo không; cho người ta khoái lạc để kiểm tra phát hiện tật xấu của người ta; khiến người ta giận dữ để thử nghiệm sức tiết chế tự chủ của người ta; khiến người ta sợ hãi để thử thách ý chí của người ta; khiến người ta đau buồn để thử thách cách xử thế; khiến người ta khổ cực để kiểm nghiệm chí hướng. Tám lần xem xét sáu lần thử thách, đó là cách bậc hiền chúa đánh giá một con người. Đánh giá một con người, ắt phải khảo sát bằng "lục thích" và "tứ ẩn". Thế nào là "lục thích" (sáu hạng thân thích)? Đó là cha mẹ anh em và vợ con. Thế nào là "tứ ẩn" (bốn hạng quan hệ)? Đó là bạn bè mới cũ, người làng người ấp, tôi tớ gần gũi. Qua lục thích tứ ẩn mà khảo sát người ta về đối nội, qua bát quan lục nghiệm (tám lần xem xét, sáu lần thử thách) mà khảo sát người ta về đối ngoại, thì sự thật giả tốt xấu tham bỉ của người ta không thể che giấu được mà bộc lộ đầy đủ, khác nào người ta chạy mưa, trên mình ướt hết chẳng chỗ nào khô. Đó chính là cái cách để các thánh vương hiểu rõ con người (mình dùng).

VIÊN ĐẠO

Thiên thứ năm nói rằng:

Đạo trời tròn, đạo Đất vuông. Thánh vương bắt chước Trời tròn Đất vuông, lấy đó mà định ra trên dưới vua tôi. Do đâu mà nói rằng đạo trời là tròn? Âm khí đi lên, dương khí đi xuống, hợp thành muôn vật, tuần hoàn phức tạp, vận hành không ngưng không nghỉ, cho nên nói rằng đạo Trời là tròn. Do đâu mà nói rằng đạo Đất là vuông? Muôn vật không cùng loại, không cùng hình, mỗi vật đều có chức phận riêng, không thể kiêm nhiệm việc khác, cho nên nói rằng đạo Đất là vuông. Vua nắm tròn, tôi ở vuông, vuông với tròn không đổi được chức phận cho nhau, thì quốc gia được vương thịnh.

Một ngày một đêm là một vòng, đó là đạo Trời. Mặt trời mỗi tháng ở vào vị trí của một ngôi sao, bắt đầu từ sao Giốc, kết thúc ở sao Chẩn là một vòng tuần hoàn. Tinh khí bốn mùa vận hành, âm đi lên dương đi xuống mà gặp gỡ, đó là một vòng tròn. Thực vật hoạt động thì nảy mầm, mầm nảy ra thì sống, sống thì lớn lên, lớn lên thì thành thục, thành thục rồi thì suy lão, suy lão rồi thì gặt hái, gặt hái rồi thì thu cất, đó là một vòng tròn. Hơi mây bay về tây, nên mùa đông mùa hè thay nhau đắp đổi, suối nước chảy về đông, nên ngày và đêm nối tiếp không ngừng; hơi mây bay lên không bao giờ hết, biển cũng chẳng có ngày tràn đầy, hơi mây

---

Chú thích: *Thiên này nhằm bàn về việc cốt yếu trong đạo trị nước. Đây là quan điểm và lời lẽ của các Âm dương gia.*

nhỏ biến thành suối nước lớn; nước nặng bay lên thành mây nhẹ, đó là một vòng tròn. Hoàng đế nói rằng: "Đế vô thường xử dã hữu xử giả nải vô xử dã" (nghĩa là Đế vương chẳng có nơi ở vĩnh hằng bất biến, mà là lần lượt thay đổi giữa có nơi ở với không có nơi ở) để nói rằng Đế vương chẳng tương khắc với ngũ hành, đó là một vòng tròn. Có thể người ta có cửu khiếu (chín lỗ): một khiếu nào đó có bế tắc, thì tám khiếu kia sẽ trống rỗng mà không đầy, tám khiếu trống rỗng lâu thì con người sẽ chết. Cho nên, nghe người ta nói thì tiếng đáp vâng của mình sẽ ngừng, sau khi nghe phải quan sát người ấy, thì không nghe nữa (một khí quan mở ra thì một khí quan khác đóng lại) Dùng lời để nói về đạo Trời, thì ngay khi nói đó đạo đã không còn ở miệng mà đã rời xa, chẳng chịu ở lại trong giây lát. Nếu cố ép nó ở lại thì nó sẽ tự mất đi. Đó chính là viên đạo. Đạo Trời là tôn quý nhất, chẳng ai biết được cái kết thúc của nó. Muôn vật lấy nó làm căn bản. Thánh nhân phỏng theo nó để khiến thiên tính của mình được vẹn toàn và ngay ngắn, để ra hiệu lệnh. Lệnh vua ban ra các quan chức chịu lệnh mà thi hành, ngày đêm không nghỉ, tuyên thông quán triệt xuống dưới, dần dần thông đến lòng dân, đạt thấu bốn phương, hết vòng quay lại, lòng dân ý dân lên đến thiên tử, đó chính là viên đạo. Lệnh khép được vòng tròn, thì dù là việc có thể hay không có thể, việc tốt hay việc xấu đều có thể đạt tới thiên tử, không bị tắc nghẽn ở đâu cả, và như thế đạo làm vua có thể nói là thông đạt. Bởi thế, hiệu lệnh là cái mà nhà vua có thể dựa vào để chấp hành mệnh trời, triều thần có thể chấp hành được, còn kẻ bất tiếu

thì chẳng thể chấp hành. khiến điều này có quan hệ đến sự yên nguy của quốc gia, Người ta có tứ chi hình thể, người ta có thể sử dụng chúng, là vì chúng có cảm giác và có thể nhận biết. Không có tri giác thì tứ chi hình thể chẳng dùng được nữa. Bề tôi cũng vậy. Nếu không có cảm giác đối với hiệu lệnh, thì không thể sử dụng họ nữa. Có bề tôi mà không thể dùng, thì chẳng bằng không có. Vua sử dụng bề tôi, chứ không phải là có bề tôi làm của riêng. Thuấn, Vũ, Thang, Võ đều như vậy.

Các tiên vương đặt ra cao quan, ắt là cho họ giữ chức. Giữ được chức thì danh phận phân minh. Danh phận phân minh thì kẻ thần hạ không tư tà giấu giếm nhau điều gì. Nghiêu Thuấn đều là vua hiền, đều cất nhắc người hiền lên kế thừa ngôi vua, chứ không chịu truyền cho con cháu mình, khác nào như phong quan thì không thể không cho họ giữ đúng chức phận. Còn bổ nhiệm cất nhắc những kẻ được sủng ái riêng thì sẽ di hại cho con cháu, là vì sao? Muốn đời đời thế tập ngôi vua là nghĩ được rất xa, nhưng bổ nhiệm cất nhắc những kẻ được sủng ái riêng là tầm nhìn quá hạn hẹp. Ví như ngũ âm, mỗi âm đều giữ thanh điệu của mình , nhóm lại mà thành ra hòa thanh, cung thương giốc chủy vũ, đều giữ đúng cương vị của mình. Thanh âm đều đặn đúng mực không thể trái ngược quấy rầy lẫn nhau. Hiền vương đặt ra các quan, cũng giống như vậy. Trăm quan, ai giữ chức nấy,lo phần việc của mình để đãi vua, thì vua chẳng có điều gì bất an. Cai trị đất nước theo cách đó,thì nước chẳng có điều gì bất lợi; phòng bị tai họa theo cách đó, thì tai họa sẽ chẳng thể nào xảy tới được.

IV MẠNH HẠ KỈ - KHUYẾN HỌC - TÔN SƯ - VU ĐỒ - DỤNG CHÚNG

MẠNH HẠ KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng đầu mùa hạ: Mặt trời ở vị trí của sao Tất. Buổi chiều hôm sao Dực ở phương chính Nam, sáng sớm sao Vụ Nữ ở phương Bính Đinh (phương Nam). Vị đế vương tương ứng tháng này là Viêm Đế (dựa vào Hỏa đức mà xưng vương). Vị thần đối ứng tháng này là Hỏa thần Chúc Dung. Động vật tiêu biểu tháng này là loài chim có lông vũ. Thanh âm tháng này lấy âm Chủy (một trong ngũ âm) làm tiêu biểu. Âm luật tháng này hợp với Trọng Lữ. Con số đối ứng tháng này là 7.Đặc điểm của tháng này là lễ tiết. Sự việc tháng này là xem.

Vị đối ứng của tháng này là vị đắng. mùi đối ứng của tháng này là mùi khét. Tế tự tháng này ở bếp. Lúc tế tự trước hết phải dâng "phế" (phổi). Tháng này, dế mèn và cóc bắt đầu kêu, loài giun trồi lên mặt đất. Bầu bí bắt đầu sinh trưởng, rau đắng ra hoa. Thiên tử ở

Chú thích: *Mạnh hạ, tháng tư Hạ lịch*

trong phòng phía đông bên trái nhà hướng Nam, ngồi xe màu đỏ, thắng xe bằng ngựa màu hồng táo, trên xe có cờ đỏ. Thiên tử mặc áo đỏ, đeo ngọc đỏ làm đồ trang sức, ăn đậu và thịt gà. Đồ vật tế tự đều cao và to.

Tháng này lập hạ. Ba ngày trước tiết lập hạ, quan Thái sử yết kiến thiên tử mà nói rằng: "Ngày ấy ngày kia lập hạ, thịnh đức của Trời là ở Hỏa (phương nam)". Thiên tử bèn trai giới. Ngày lập hạ, thiên tử thân hành dẫn đầu tam công cửu khanh đại phu đến Nam giao (ngoại ô phía nam) đón mùa hạ. Về cung, ban thưởng, phân phong chư hầu chúc mừng thưởng tứ, chẳng có ai không hân hoan mừng vui. Bèn lệnh cho quan nhạc sư diễn tập hợp với lễ nhạc. Ra lệnh cho quan Thái úy biểu dương những người tuấn kiệt, trình rõ với thiên tử những người hiền lương, tiến cử những người cao lớn. Nhà vua ban thưởng tước vị và bổng lộc, tương đương với vị trí của họ.

Tháng này, tiếp tục sinh trưởng, gia tăng độ cao, không được có tổn hại, không được động thổ, không được điều động nhiều người, không được đẵn chặt cây cối.

Tháng này, thiên tử bắt đầu mặc áo sợi đay mịn, ra lệnh cho quan viên trông coi gỗ lạt là Dã Ngu đi tuần sát ruộng đồng, úy lạo và cổ lệ nhà nông, sai khiến nông dân thì không được để lỡ mất thời vụ. Ra lệnh cho quan Tư đồ đi tuần trong huyện kì, ra lệnh cho nhà nông gắng sức cấy cày, không được ẩn náu trong đô thành.

Tháng này, xua đuổi dã thú, không cho chúng làm hại tổn đến ngũ cốc. Không được có các hoạt động săn

bắn lớn. Nông dân gặt thu lúa mạch. Thiên tử nấu lúa mạch mới với thịt lợn, trước đó dâng lúa mạch với thịt lợn ở tẩm miếu.

Tháng này, thu gom các cây thuốc. Cỏ mi thảo đã chết. Mùa gặt lúa mạch đã đến. Phán quyết các tội lớn, phán xử các lỗi nhỏ, tha bổng những người lỗi nhẹ. Việc tằm tang đã xong, hậu phi dâng kén. Bèn thu thuế kén, căn cứ vào cây dâu nhiều hay ít để quyết định mức thuế. Bất kể giàu nghèo sang hèn lớn bé đều chung một tiêu chuẩn, dùng để cung cấp chế tác quần áo tế làm lễ giao miếu.

Tháng này, thiên tử ăn rượu nếp, dùng lễ nhạc.

Tháng này nếu đúng thời lệnh, thì có mưa lành. Nếu như xảy ra thời tiết mùa thu, thì sẽ có nhiều mưa to, khiến ngũ cốc không phát triển, dân trong bốn cõi đều lo vào trong thành quách để giữ thân. Xảy ra thời tiết mùa đông, thì thảo mộc sớm khô, rồi sau đó lụt to, hủy hoại thành quách. Nếu xảy ra thời tiết mùa xuân, thì hoàng trùng hoành hành phá hoại mùa màng, gió bấc ập đến, cỏ ra hoa rồi cũng không thể kết hạt.

KHUYẾN HỌC

Thiên thứ hai nói rằng:

Giáo hóa của tiên vương, không có gì vẻ vang hơn

Chú thích: *Đây là lời của học phái Nho gia.*

chữ hiếu, không có gì hiển minh hơn chữ trung. Trung hiếu là điều mà người làm vua làm cha mẹ rất muốn, hiển vinh là điều mà kẻ làm tôi làm con rất mong. Vậy mà kẻ làm vua làm cha mẹ chẳng nhận được lòng trung hiếu mà mình rất muốn, kẻ làm tôi làm con chẳng có được sự hiển vinh mà mình rất mong, kết quả ấy sinh ra từ sự không thấu hiểu nghĩa lý. Không thấu hiểu nghĩa lý, là bởi không học. Người có học nhờ thầy thông đạt mà thành tài, ta chưa từng biết người có tài mà không thể nào thành được thánh nhân. Ở nơi có thánh nhân thì thiên hạ trị. Thánh nhân ở bên phải thì bên phải nặng; thánh nhân ở bên trái thì bên trái nặng. Bởi thế các thánh vương đời xưa chẳng có ai không tôn trọng thầy. Tôn trọng thầy thì không phân biệt thầy sang hay hèn, giàu hay nghèo. Làm được như vậy thì danh hiệu của vua được hiển dương, đức hạnh của vua được sáng tỏ. Cho nên thầy dạy học trò cũng không cốt tranh sự khinh trọng tôn ti giàu nghèo nơi người học, mà chỉ cốt tranh sao cho người học tiếp thu được cái đạo mình truyền. Nếu người học tiếp thu được, thì sự nghiệp của thầy chẳng thể không được; cầu học điều gì cũng đều học được, mong muốn điều gì cũng đều thành công, kết quả ấy là do được sự dạy bảo của thánh nhân. Thánh nhân sinh ra ở sự cố gắng học tập. Không cố gắng học tập mà lại trở nên khôi sĩ danh nhân, điều ấy chưa từng có bao giờ. (Then chốt của) cố gắng học tập là ở sự tôn kính thầy; thầy được tôn kính thì mọi lời của thầy được

tin theo, đạo của thầy được bàn sáng tỏ. Cho nên thầy đến nhà dạy mà trò chẳng được giáo hóa, mời thầy về nhà dạy mà trò cũng chẳng nghe lời giáo hóa. Thầy đến nhà dạy mà chẳng được trò nghe, người chẳng tôn trọng thầy cũng không nghe lời dạy bảo, thầy cưỡng bức giáo hóa trò bằng những cách không thể giáo hóa và không được nghe theo, mà muốn cho đạo được thi hành, tự mình được tôn trọng, chẳng phải là điều quá xa xôi sao? Người học ở vào địa vị không được giáo hóa và không nghe lời dạy bảo, chỉ làm theo ý mình, mà muốn thanh danh hiển hách, thân mình an ninh, như vậy khác nào khư khư ôm lấy thịt rữa mà muốn mình thơm, nhảy xuống nước mà không muốn ướt vậy.

Phàm nhà thuyết giáo đều phải thuyết phục người ta bằng tài biện thuyết của mình, chứ không phải chiều theo ý thích của người nghe. Những nhà thuyết giáo đời nay, phần nhiều không biết thuyết phục người ta bằng tài biện thuyết của mình, mà trái lại chỉ biết chiều theo ý thích của người nghe. Như vậy có khác nào cứu người chết đuối mà lại đeo đá vào người ấy cho người ấy chìm xuống, cứu bệnh nhân mà cho uống thuốc độc, khiến thế đạo không khỏi thêm hỗn loạn. Hôn quân bạo chúa và những kẻ mê hoặc hoảng loạn đều từ đó mà sinh ra. Cho nên công việc của kẻ làm thầy là ở chỗ giành thắng lợi bằng đạo lí, ở chỗ thực hành nhân nghĩa. Đạo thắng, nghĩa lập thì vị thế của thầy càng cao. Vương công đại nhân không thể dám kiêu căng ngạo mạn (với thầy).

Cho đến thiên tử cũng vào chầu thầy mà không lấy làm xấu hổ.

Phàm người ta không hẹn mà gặp, thì sự gặp gỡ đó chẳng phải tất yếu; truyền bá đạo lí giải thích ý nghĩa để mong đạt một điều không tất yếu, như vậy mà muốn được người ta tôn trọng, chẳng cũng khó lắm sao? Cho nên làm thầy nhất định phải giành thắng lợi bằng đạo lí và thi hành nhân nghĩa, rồi sau mới được tôn kính.

Tăng Tử nói: "Quân tử hành ư đạo lộ, kì hữu phụ giả khả tri dã, kì hữu sư giả khả tri dã. Phù vô phụ nhi vô sư giả, dư nhược phù hà tai!" nghĩa là: Những người quân tử đi trên đường kia, trong số họ những kẻ có cha, có thầy thì ta có thể biết được. Còn những kẻ không biết có cha có thầy, thì với họ ta biết làm thế nào! Đó là nói thờ thầy cũng như thờ cha. Tăng Điểm sai khiến Tăng Sâm, Tăng Sâm mãi hồi lâu chưa đến. Người ta hỏi Tăng Điểm: "Hay là xảy ra chuyện gì (cho Tăng Sâm) rồi chăng" Tăng Điểm nói: "Dẫu có xảy ra chuyện gì, nhưng tôi còn ở đây, thì nó đâu dám xảy chuyện". Khổng Tử bị vây khốn ở đất Khuông, Nhan Uyên sau đó đến muộn, Khổng Tử nói: "Ta cứ tưởng anh chết mất rồi". Nhan Uyên thưa: "Thầy còn đây. Hồi con sao dám chết?" Nhan Uyên đến với Khổng Tử cũng giống như Tăng Sâm thờ cha vậy. Người hiền thời xưa, tôn kính thầy đến như vậy, cho nên thầy cũng đem hết đạo lí trí tuệ ra mà dạy bảo họ.

TÔN SƯ

Bài thứ ba nói rằng:

Thần Nông tôn Tất Chư làm thầy, Hoàng Đế tôn Đại Nao làm thầy, Đế Chuyên Húc tôn Bá Di Phủ làm thầy, Đế Cốc tôn Bá Chiêu làm thầy, Đế Nghiêu tôn Tử Châu Chi Phủ làm thầy, Đế Thuấn tôn Hứa Do làm thầy, Vũ tôn Đại Thành Chấp làm thầy, Thang tôn Tiểu Thần làm thầy, Văn Vương và Vũ Vương tôn Lã Vọng và Chu Công Đán làm thầy, Tề Hoàn Công tôn Quản Di Ngô làm thầy, Tấn Văn Công tôn Cửu Phạm và Tùy Hội làm thầy, Tần Mục Công tôn Bách Lí Hề và Công Tôn Chi làm thầy, Sở Trang Vương tôn Tôn Thúc Ngao và Thẩm Doãn làm thầy, Ngộ Vương Hạp Lư tôn Ngũ Tử Tư và Văn Chi Nghi làm thầy, Việt Vương Câu Tiễn tôn Phạm Lãi và đại phu Chủng làm thầy. Mười bậc thánh nhân và sáu bậc hiền giả ấy, chẳng ai không tôn trọng thầy. Còn người ngày nay, ngôi cao chẳng đến đế vương, trí tuệ chẳng bằng thánh nhân mà lại muốn không tôn trọng thầy thì làm sao mà đạt tới ngôi vua trở thành thánh nhân được? Đó chính là duyên cớ khiến cho sau Ngũ đế Tam đại không còn tôn thầy, đến nỗi tuyệt diệt vậy.

Huống chi trời sinh ra người ta hai lỗ tai có thể

Chú thích: *Đây cũng là lời Nho gia. Cùng với thiên* Khuyến học *bổ sung và làm sáng tỏ cho nhau.*

* *Trong nguyên tác, trước câu "tất cung kính", có lẽ đã sót mất một câu ba chữ, theo mạch văn, có lẽ là "vấn khởi cư, tất cung kính".*

nghe, nếu không học thì sức nghe chẳng bằng người điếc; cho người ta hai con mắt có thể nhìn thấy, nếu không học thì sức nhìn chẳng bằng người mù; trời cho người ta có miệng có thể nói, nếu không học thì tài nói chẳng bằng người câm; trời cho người ta trái tim, có thể hiểu được mọi việc, nếu không học, thì trí lực chẳng bằng người điên. Bởi thế, phàm là học, không chỉ có ích, mà còn là để đạt tới thiên tính. Giữ toàn được bản tính mà trời phú cho, không để hủy hoại đi, như thế gọi là biết học. Tử Trương vốn là tiểu nhân nước Lỗ; Nhan Trác Tụ vốn là tên đại cường đạo ở đất Lương Phụ; những người ấy theo học Khổng Tử. Đoàn Can Mộc là tay mối lái buôn bán ở nước Tấn, theo học Tử Hạ. Cao Hà, Huyện Tử Thạch là những kẻ cướp ngang tàng ở nước Tề, bị xóm làng chỉ trích, họ theo học Mặc Tử. Sách Lô Sâm là tên lừa đảo ở phương đông, đã theo học Cầm Hoạt Li. Sáu kẻ ấy vốn là những kẻ có tội đáng phải chịu hình phạt hoặc phải xử tử. Nay họ chẳng những khỏi bị hình phạt mà qua học tập còn trở thành danh nhân hiển sĩ trong thiên hạ, hưởng trọn tuổi trời, đến vương công đại phu cũng phải tôn kính. Đó đều là nhờ ở học.

Phàm là học, ắt phải cầu tiến bộ trong nghiệp học, trong lòng không có ngờ vực, cố sức học thuộc, chăm chú lắng nghe lời thầy dạy bảo, khéo chọn lúc thầy vui vẻ mà thỉnh giáo, khiến thầy cảm thấy vừa mắt xuôi tai, không làm trái ý thầy, về nhà lại ngẫm nghĩ những đạo lí thầy giảng, để thấu hiểu ý nghĩa những điều thầy nói, luôn biện luận để sáng tỏ đạo lí của thầy, không nói năng tùy tiện, phải hợp phép tắc, có thu

hoạch không kiêu căng, chưa hiểu rõ cũng không thẹn thùng, nhất định quyết trở về với bản tính trời cho.

Thầy còn sống phải cung cẩn phụng dưỡng, cách phụng dưỡng cao nhất là dưỡng cái tâm của thầy; thầy chết đi thì cung kính tế tự, cách tế tự là dâng cúng bốn mùa; đó chính là tôn sư. Trông nom vườn rau quả cho thầy, thì ra sức tưới trồng, đan hài sảo, dệt lưới, buộc cỏ bó lau, ra đồng thì gắng sức cày bừa, quản lí ngũ cốc, lên rừng núi, xuống sông đầm, đánh cá bắt ba ba, săn thú bẫy chim, lấy đó để tôn sư. Trông nom ngựa xe, thì thắng ngựa đánh xe cẩn thận, (lo cho thầy) áo quần thích hợp, phải vừa nhẹ vừa ấm. Chăm lo bữa ăn thức uống cho thầy thì phải sạch sẽ, điều hòa gia vị cho khéo để thầy ăn uống ngon miệng; thăm hỏi nâng giấc thầy*, phải hết lòng cung kính; sắc mặt hòa vui, nói năng thận trọng. (Trước mặt thầy) phải lễ phép đi nhanh; (đối với thầy) phải nghiêm túc. Đó đều là những cách tôn sư.

Đạo học của người quân tử, khi bàn nhân nghĩa, ắt nhân danh thầy để bàn đạo lí, nghe theo lời thầy mà ra sức làm cho được để sáng tỏ đạo thầy. Nghe lời thầy nói mà không hết sức làm theo, như vậy gọi là "bội"; luận thuyết chủ trương mà không xưng danh thầy, như vậy gọi là "phản" (bạn). Kẻ bội phản, thì chúa hiền không dung nạp ở triều, người chính trực không kết giao làm bạn. Bởi vậy người đi dạy là người nêu cao đại nghĩa; người đi học là người trí tuệ phong phú. Nghĩa lớn, không có gì lớn hơn làm lợi cho người, làm lợi cho người không có gì lớn hơn dạy người. Người khôn ngoan, không có gì hơn là làm cho mình được nên người, mà

muốn nên người không có gì hơn là học. Nên người thì làm con, không phải bảo cũng có hiếu, làm tôi không phải ra lệnh cũng đắc trung, làm vua không ép buộc cũng công bằng, có thế lực địa vị lớn mà có thể khiến thiện hạ chính đạo. Bởi thế nên khi Tử Cống hỏi Khổng Tử rằng "Thưa thầy, hậu thế biết tôn xưng thầy ra sao?" thì Khổng Tử đã trả lời: "Ta có gì mà đáng tôn xưng đâu? Nếu chẳng thể đừng, thì cứ nói ta là người học không chán mà dạy không mỏi, có lẽ chỉ có thế mà thôi". Thiên tử vào nhà Thái học, tế tiên thánh (Khổng Tử), chẳng xếp bậc thầy ấy vào hạng bề tôi; qua đó có thể thấy các đấng thiên tử cũng kính điều học mà tôn trọng thầy vậy.

VU ĐỒ

Thiên thứ tư nói rằng:

Những bậc thầy thông đạt, lời dạy của họ có thể khiến các đệ tử bình yên, vui sướng, tốt đẹp, khéo đi lại, cung kính và nghiêm cẩn. Sáu điều đó là kết quả có được nhờ sự học, còn các đường ngang ngõ tắt thì bị ngăn chặn, và đạo nghĩa đã giành thắng lợi. Còn nếu sáu điều đó không đạt được nhờ sự học thì người làm vua chẳng thể sai khiến bề tôi, người làm cha chẳng

Chú thích: Vu đồ, vu *là lừa dối;* đồ *là học trò, đệ tử. Thiên này là lời của học phái Nho gia.*

thể ra lệnh cho con, thầy giáo chẳng thể sai khiến học trò. Thường tình của người ta là chẳng thể tìm được niềm vui trong sự bất an, chẳng thể thu được gì ở chỗ không có niềm vui. Làm mà cảm thấy vui, thì hà tất phải đợi người hiền? Dẫu là kẻ bất tiếu cũng còn có thể khuyến khích họ làm. Làm mà cảm thấy khổ, thì cứ gì phải kẻ bất tiếu? Dẫu người hiền cũng khó lòng duy trì được lâu dài. Đặt mình vào cảnh mà nghĩ sự thường tình, thì thấy được cái lẽ khuyến học bằng cách nào.

Tử Hoa Tử nói rằng: "Kẻ làm vua vui vì cái đạo lắm vua của mình, kẻ diệt vong cũng vui vì cái lẽ diệt vong của mình. Cho nên mổ thịt con thú rừng không thể chén sạch sành sanh, chỉ ăn miếng lườn của nó cũng đã sướng lắm rồi." Kẻ làm vua vui vì cái lí nghĩa của mình, kẻ bại vong cũng vui với sự tàn bạo và khinh mạn của mình, cái vui không giống nhau, thì họa phúc của mỗi người cũng sẽ rất khác nhau.

Những trường hợp không thể dạy bảo được là: Người mà chí khí cứng mềm không điều hòa, yêu ghét thường hay thay đổi, nên chẳng có được hằng tâm, khác nào mưa nắng vô định mừng giận thất thường; nói năng thường hay tùy tiện, làm bừa, lầm lỗi ở mình, không chịu tự mình chỉ trích, sai trái ở mình không biết nghe lời khuyên mà sửa đổi. Đối với những kẻ tiếp cận quyền thế và người phú quý, bất kể tài năng ra sao, không xét phẩm hạnh như thế nào mà đã vội dạy bảo họ về hùa nịnh bợ họ, dường như sợ rằng không kịp. Những đệ tử mà nơi ở sạch sẽ, trạng thái cơ thể đặc biệt, nghe nhiều biết rộng lại lí giải tiếp thu nhanh, trình độ đã gần đạt mức thành thục, mà lại ghìm nén

họ, cố tình làm khó dễ, khiến họ phải treo lại, vì đố kị mà ghét bỏ họ. Khiến cho các đệ tử muốn bỏ đi thì lại còn mong nghiệp học kết thúc có kết quả, nhưng ở lại thì áy náy (vì thầy ghen ghét), về nhà thì hổ thẹn với bố mẹ và anh em, đi ra ngoài thì xấu hổ với bạn bè làng xóm. Đó là nỗi bi đát của người học, ấy là bởi giữa thầy với trò ăn ở khác lòng vậy. Thường tình người ta là không thể gần gũi với kẻ mà mình oán giận, không thể khen ngợi kẻ mà mình ghen ghét. Nghiệp học thất bại, đạo thuật bỏ phế xảy ra là vì thế. Người dạy giỏi thì không thế mà trái lại coi học trò như chính bản thân mình. Dạy học trò mà như dạy cho chính mình thì sẽ có được cái tình của việc dạy. Những điều mình dạy cho người khác, tất có thể thi hành ở bản thân mình, như vậy thì thầy với trò là cùng một thể. Thường tình người ta yêu quý những người giống mình, khen ngợi những người giống mình, giúp đỡ những người giống mình. Nghiệp học được sáng đẹp, đạo thuật được phát huy, chính là từ đó mà ra.

Những trường hợp không thể học được là: Theo thầy thì ngại khổ mà muốn thành công, học hành qua loa hời hợt mà muốn học vấn tinh thâm. Cái cây ngọn cỏ, con chó con gà, con trâu con ngựa, cũng chẳng thể đối xử với chúng một cách tệ hại quá đáng. Nếu đối xử với chúng một cách tệ hại, thì chúng cũng báo đáp con người một cách tệ hại. Huống chi là đối với những bậc thầy thông đạt và những lời giảng bàn về đạo thuật? Bởi thế những trường hợp không thể học được là: đối xử với thầy không đúng đắn, tâm trí không chuyên vào việc học, thích thú (học vấn) không sâu sắc, học hành

không dụng công, biện luận không thận trọng, (đem lời thầy) dạy lại người khác không tinh xác; oán trách thầy, yên theo thế tục, trói buộc tinh thần vào thế tục; kiêu căng vì quyền thế, thích làm những việc vượt quá phận mình, lạm dụng trí xảo, say mê tối tăm vì điều lợi nhỏ, bị mê hoặc bởi ham muốn quá độ; nêu vấn đề để hỏi việc thì trước sau mâu thuẫn rối rắm, muốn làm sáng rõ thì lại trệch sang ý khác, muốn ngắn gọn thì lại thành ra lôi thôi, phân tích rồi không biết tổng hợp, tổng hợp rồi lại không biết phân tích, việc xảy đến thì không biết tiếp nhận ứng xử. Đó chính là mối lo của người không thể học được.

DỤNG CHÚNG

Thiên thứ năm nói rằng:

Người biết cách học giống như Tề vương ăn gà, cứ phải ăn hết mấy ngàn chiếc đùi gà thì mới thỏa mãn, dẫu không thỏa mãn, thì đùi gà dường như còn sẵn.

Sự vật thì vốn là đều có dài, có ngắn. Người ta cũng vậy. Cho nên người biết cách học đều khéo nhờ cái sở

Chú thích: *Thiên này nhằm nói rõ rằng người khéo học thì biết lấy cái sở trường của mọi người để bù đắp cho cái sở đoản của mình. Lời của Nho gia.*

Câu "bất khả bất vi", có lẽ thừa chữ "bất" thứ hai, đúng ra nên là "bất khả vi".

trường của người khác để bù đắp cái sở đoản của mình. Cho nên người biết khai thác sở trường của người khác thì sẽ có được cả thiên hạ.

Đừng lấy sự bất tài làm điều sỉ nhục, đừng lấy sự không hiểu biết làm điều xấu xa. Sỉ nhục vì bất tài, xấu hổ vì không hiểu biết thì nguy khốn; không sỉ nhục vì bất tài, không xấu hổ vì không hiểu biết, thì tuyệt vời. Dẫu như Hạ Kiệt Ân Trụ vẫn có điều khả kính khả thủ, nữa huống chi là người hiền?

Cho nên người học sĩ nói rằng: "Biện nghị bất khả vi" nghĩa là "người học không thể biện, cũng không thể nghị". Nếu như có thể làm được việc tranh biện và nghị luận, thì đã là thầy dạy. Bởi vì dạy chính là cuộc nghị luận lớn. Người học thì không biện nghị, đó là mặc áo cánh ngắn bằng vải thô ra đi, rồi mặc áo gấm mà trở về.

Người Nhung sinh ra ở đất Nhung, lớn lên ở đất Nhung và nói tiếng Nhung, không biết được mình chịu những ảnh hưởng đó là do đâu; người Sở sinh ra ở đất Sở, lớn lên ở đất Sở mà nói tiếng Sở, không biết được mình chịu những ảnh hưởng đó là do đâu. Nay nếu cho người Sở lớn lên ở đất Nhung, người Nhung lớn lên ở đất Sở, thì người Sở nói tiếng Nhung, người Nhung nói tiếng Sở vậy. Qua đó có thể thấy rằng, ta không nghĩ rằng ông vua mất nước thì không thể làm một ông vua hiền, (sở dĩ trở thành ông vua mất nước) là do hoàn cảnh sinh trưởng của ông ta đó thôi. Bởi thế không thể không cẩn thận lựa chọn cái hoàn cảnh sinh trưởng của mình.

Trên đời này không có giống hồ li thuần bạch, vậy

mà có những chiếc áo hồ cừu hoàn toàn trắng, đó là vì người làm áo hồ cừu toàn trắng đã lấy nhiều những mảng lông trắng ở nhiều con hồ li. Dùng cái sở trường lấy ở nhiều nhà, đó chính là nguyên nhân khiến Tam hoàng Ngũ đế lập được công danh lớn vậy. Phàm ông vua lập được nước, đều là do chúng nhân mà có. Vậy mà lập được nước rồi lại vứt bỏ chúng nhân, thì đó là được cái ngọn mà bỏ mất cái gốc vậy. Bỏ gốc lấy ngọn mà ở yên được, ta chưa nghe thấy bao giờ. Bởi thế dựa vào cái dũng cảm của chúng nhân thì chẳng sợ gì Mạnh Bôn, lấy cái sức của chúng nhân thì chẳng sợ gì Ô Hoạch, tập trung được sức nhìn của chúng nhân thì chẳng thua gì mắt sáng của Li Lâu, dựa vào trí tuệ của chúng nhân thì chẳng thua gì Nghiêu Thuấn. Dùng lấy sở trường của chúng nhân là phép báu lớn của kẻ làm vua. Điền Biền nói với vua Tề rằng: "Dẫu Mạnh Bôn có trốn tránh binh dịch, nhưng chốn biên cảnh chẳng hề lo (vì đã có cái dũng của chúng nhân); dẫu vua Sở vua Ngụy nói năng có huênh hoang (đe dọa), mà trong đất nước mình (Tề) khí giới đã sửa sang, quân sĩ đã tập luyện, (đủ để phòng ngừa Sở, Ngụy); ấy là vì đã được sức của chúng nhân vậy".

V TRỌNG HẠ KỈ - ĐẠI NHẠC - XỈ NHẠC - THÍCH ÂM - CỔ NHẠC

TRỌNG HẠ KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng thứ hai mùa hạ. Mặt Trời ở vị trí của sao Đông Tỉnh. Buổi chiều hôm sao Cang ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Nguy ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Bính Đinh (phương nam) Vị đế vương tương ứng tháng này là Viêm Đế. Vị thần tương ứng tháng này là Chúc Dung. Động vật tiêu biểu tháng này là loài chim, có lông vũ. Thanh âm tháng này lấy âm Chủy làm tiêu biểu. Âm luật tháng này hợp với Nhung Tân. Con số đối ứng tháng này là 7. Vị tương ứng tháng này là vị đắng. Mùi tương ứng tháng này là mùi khét. Tế lễ tháng này ở Bếp. Lúc tế tự, trước hết phải dâng "phế" (phổi). Tháng này, có tiết Tiểu thử, bọ ngựa đẻ. Chim chàng làng (bá lao) bắt đầu gáy. Chim chiền chiện im tiếng. Thiên tử ở trong phòng giữa cửa nhà hướng nam, ngồi xe màu đỏ, thắng xe bằng ngựa màu hồng táo, trên xe có cờ đỏ. Thiên tử

Chú thích: *Trọng hạ là tháng 5 Hạ lịch*

mặc áo đỏ, đeo ngọc đỏ làm đồ trang sức, ăn đậu và thịt gà. Đồ vật tế tự đều cao và to. Tháng này phải bảo dưỡng những người đinh tráng.

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho nhạc sư sửa sang các loại trống, điều hòa các nhạc khí như cầm, sắt[1], tiêu, sáo, dùng dây thắt buộc các đạo cụ nhảy múa như can, thích, qua, vũ[2] cho chắc chắn, điều chỉnh các nhạc khí như vu, sinh, huân[3], trì sửa sang các nhạc cụ gõ. Thiên tử ra lệnh cho các quan hữu ti tế tự sơn xuyên bách nguyên, làm lễ đại tế Thượng đế, cầu mưa cho trăm họ. Trong các lễ tế tự, cử nhạc tế quy mô lớn. Thiên tử lại ra lệnh cho trưởng quan các huyện trong kinh kì cúng tế các vị quân vương khanh sĩ đời trước có công với trăm họ, cầu các vị phù hộ cho ngũ cốc phong đăng. Nông dân đem các hạt giống gieo còn thừa lại tiến dâng thiên tử.

Tháng này, thiên tử nếm cơm mới với gà non, tiến anh đào, trước hết dâng lên tẩm miếu. Ra lệnh cho dân

---

Chú thích:

(1) Một số nhạc khí cổ:

Cầm: đàn cầm, có 5 dây, sách Nhạc kí *nói là do vua Thuấn chế ra. Sắt: đàn sắt.* Thế bản *nói là do vua Phục Hi chế ra, có 50 dây, vua Vũ sửa lại có 25 dây, về sau có loại 16 dây.*

(2) Một số đạo cụ dùng trong các điệu múa:

Can: cái mộc; Thích: đạo cụ có cán dài như cán dáo, lưỡi như lưỡi búa; Qua: cây dáo; Vũ: đạo cụ có cán không dài lắm, trên đầu có một chùm đuôi trĩ.

(3) Một số nhạc khí cổ:

Vu, sinh: các loại khèn, nhạc khí ghép bằng một số ống trúc dài ngắn khác nhau, có lá gió và một số ống thổi. Trì: ống sáo tám lỗ. Huân: nhạc khí bằng đất, hình quả trứng gà, có 6 lỗ.

không được cắt cỏ tràm để nhuộm vải lụa, không được đốt than, không được phơi vải. Cửa nhà cổng làng không được đóng, các chợ và các trạm không thu thuế. Khoan nới hình phạt cho các trọng tù, cho họ thêm thức ăn. Tách những con ngựa cái có chửa ra khỏi đàn ngựa, làm lễ đeo rọ cho ngựa hai tuổi, ban bố chính lệnh về nuôi ngựa.

Tháng này, có tiết hạ chí. Khí âm lên tranh trưởng với khí dương, khí dương bắt đầu suy yếu (ngày ngắn dần, đêm bắt đầu dài). Cái sống với cái chết phân ranh giới. Quân tử trai giới, nơi trai giới tất phải kín đáo, thân thể cần yên lặng không ồn ào, cấm chỉ nữ sắc, không có hầu hạ dâng tiến. Giảm mọi mùi vị để cho thanh đạm, không cần điều hòa mùi vị. Chẳng những phải tiết chế những dục vọng quá độ để giữ yên tâm khí mà còn phải khiến cho mọi vật yên tĩnh, làm việc gì cũng thận trọng không cắt ngang cái hòa của âm dương, để định kết quả tương tranh của âm dương. Sừng hươu rụng. Ve bắt đầu kêu. Cây bán hạ (cây thuốc) sinh trưởng, cây râm bụt tươi tốt.

Tháng này, không được dùng lửa ở phương nam. Có thể ở nơi cao ráo sáng sủa, có thể trèo lên núi gò, đài tạ để ngắm trông.

Tháng trọng hạ (giữa mùa hè) nếu thời tiết giống như mùa đông thì sẽ có mưa đá, mưa tuyết làm hại ngũ cốc, đường sá sụt đứt, chiến tranh binh hỏa tàn phá. Nếu thời tiết giống như mùa xuân, ngũ cốc sẽ chín muộn, hoàng trùng (châu chấu) gây hại. Quốc gia bị nạn đói hoành hành. Nếu thời tiết giống như

mùa thu, thì cỏ cây sẽ tàn lụi, quả chín sớm, và dân chúng sẽ bị nạn dịch bệnh làm hại.

ĐẠI NHẠC

Thiên thứ hai nói rằng:

Gốc gác của âm nhạc đã có từ rất lâu rồi. Nó nảy sinh từ độ lượng, bắt nguồn từ Thái nhất tức là trạng thái hỗn độn thiên địa nhất thể nguyên thủy nhất. Thái nhất phân chia ra thành Trời và Đất. Trời Đất là lưỡng cực, thì đã có âm dương. Âm và dương biến hóa, âm lên dương xuống hợp lại mà thành vật. Hỗn hỗn độn độn, li rồi lại hợp, hợp rồi lại li, đó là đạo thường của Trời. Trời Đất giống như bánh xe, hết vòng trở lại từ đầu, đi đến cực điểm rồi trở lại bắt đầu, chẳng có gì không xác đáng. Nhật nguyệt tinh tú vận hành, hoặc nhanh hoặc chậm. Sự vận hành của Mặt Trời và Mặt trăng không giống nhau, song đều tuân theo quy luật của bản thân nó. Xuân hạ thu đông bốn mùa đắp đổi, có nóng có lạnh, có ngắn có dài, có nhu có cương. Vạn vật bắt đầu từ Thái nhất, do âm dương biến hóa mà sinh thành. Mầm mống bắt đầu động, âm dương ngừng kết ở trong đó, lớn lên thành hình thể, có hình thể thì chiếm một không gian nhất định và đều có âm thanh. Âm

Chú thích: *Đại nhạc (nhạc lớn) là nhạc hợp với đạo. Đây là lời bàn về nhạc của phái Âm dương gia.*

thanh nảy ra từ sự tương hòa, tương hòa sinh ra từ sự thích trung (vừa phải), âm nhạc do các tiên vương chế định đã sản sinh ra từ trong sự hài hòa thích trung.

Thiên hạ thái bình, muôn dân yên ninh, dân chúng đều quy phụ quân vương thì âm nhạc mới có thể hình thành. Hình thành âm nhạc phải có sự chuẩn bị. Nhất định phải tiết chế những dục niệm quá mức, không khơi mở những dục niệm quá mức thì mới có thể làm âm nhạc. Làm âm nhạc phải có biện pháp nhất định nảy sinh ra từ sự bình hòa. Bình hòa sinh ra từ công bằng. Công bằng sinh ra từ có đạo. Cho nên, chỉ có người đắc đạo, thì mới có thể cùng bàn âm nhạc. Nước bị diệt vong, dân bị nhục sát, chẳng phải là không có âm nhạc, mà là âm nhạc của họ không vui. Người ta lúc bị dìm ngập, nhất định đều cười lên sằng sặc, những người tội đáng chết chẳng phải không ca hát, những người cuồng bội chẳng phải không nhảy múa, nhưng họ đều không vui.

Nhạc của những thời đại hỗn loạn thì tương tự như những trường hợp kể trên. Vua tôi điên đảo, cha con thiết xử (không ăn ở bình thường được với nhau), chồng vợ thất nghi (không hợp nhau), dân chúng rên xiết, thì làm sao mà làm nên nhạc được.

Phàm nhạc, là đất trời hòa hợp, âm dương điều phối vậy. Sáng tạo ra con người, ấy là Trời, con người không làm được việc gì trong đó. Trời khiến con người có dục vọng, con người không thể không kiếm tìm để thỏa mãn dục vọng ấy. Trời khiến con người có sự ghét bỏ, con người cũng không sao tránh được. Dục vọng và sự ghét bỏ đều do Trời sinh ra, người ta

không thể can dự vào, hơn nữa cũng không thể biến dịch, không thể thay đổi nó. Học giả trên đời, có chê bai bác bỏ nhạc thì sản sinh ra từ đâu?

Nhạc lớn (hợp với Đạo) là nhạc mà vua tôi cha con già trẻ đều yêu thích. Hân hoan sản sinh từ sự bình hòa, bình hòa sản sinh từ đạo. Đạo là cái nhìn không thấy được, lắng tai không nghe được, cũng không thể tả được hình trạng. Nếu có ai hiểu được rằng cái không thể nhìn thấy, không thể nghe thấy, không thể tả được hình trạng thì đã gần hiểu được đạo rồi đó. Đạo là cái chí tinh (hết sức tinh vi); không có hình, không có tên, nếu nhất định phải gọi tên thì chỉ có thể gọi là Thái nhất. Cho nên một (vua) là người chế định pháp lệnh, hai (thần dân) là kẻ phục tùng nghe theo. Trên thánh (thánh nhân đời trước) vứt bỏ hai mà lấy một vì thế biết được tình trạng của vạn vật. Cho nên, do "một" nắm chính quyền, thì vua tôi vui vẻ, xa gần tương hòa, trăm họ vui thích, tôn thân tương hợp. Người ta có thể dùng "một" để tu dưỡng bản thân thì có thể khiến thân mình tránh khỏi tai họa, hưởng trọn tuổi trời, bảo toàn được thiên tính. Nếu có thể dùng "một" để trị nước, thì kẻ gian tà tiểu nhân sẽ bỏ mà đi, người hiền đức sẽ đến, việc giáo hóa lớn sẽ thành. Nếu có thể dùng "một" mà trị thiên hạ, thì nóng lạnh sẽ thích hợp, mưa thuận gió hòa, tự mình trở thành thánh nhân. Cho nên hiểu thấu lẽ "một" thì sẽ sáng tỏ, còn vua tôi không sáng, thì sẽ rối loạn.

XỈ NHẠC

Thiên thứ ba nói rằng:

Người ta chẳng có ai không sống dựa vào sinh mệnh của mình, nhưng lại không biết mình vì sao mà sống được. Người ta chẳng có ai không nhận thức bằng trí tuệ của mình, nhưng lại không biết mình vì sao có thể nhận thức được. Hiểu được mình vì sao có thể nhận thức được thì gọi là hiểu được đạo; không hiểu được mình vì sao có thể nhận thức được thì gọi là vứt bỏ báu vật đích thực. Người nào vứt bỏ báu vật thì chắc chắn sẽ gặp tai ương,. Các vị nhân chủ (vua) ở trên đời phần nhiều coi châu ngọc và giáo mác gươm đao làm báu vật, mà những thứ đó càng nhiều thì nỗi oán hờn của dân càng lắm, nước càng nguy nan, và bản thân mình càng nhiều tai họa. Đó chính là ý nghĩa của việc để mất báu vật vậy. Nhạc của đời loạn cũng giống như tình trạng đó. Dùng gỗ và da để phát ra âm thanh, thì âm thanh ấy như sấm; dùng kim loại và đá phát ra âm thanh, thì âm thanh ấy như sét; dùng tơ trúc ca múa phát ra âm thanh, thì âm thanh ấy như kêu gào ầm ĩ. Những âm thanh ấy khiến tâm khí người ta hãi hùng, tai mắt người ta nhộn nhạo. Dùng những âm thanh ấy làm rung chuyển cuộc sống thì được, nhưng đem những tạp âm ầm ĩ ấy để chế ra nhạc thì không thể nào vui. Bởi

Chú thích: *Xỉ nhạc là chỉ thứ âm nhạc trong đó có nhiều chủng loại nhạc cụ, hình thể lớn, hình dạng kì quái, khúc điệu quái đản, âm lượng cực vang, ồn ào ầm ĩ.*

thế, nhạc càng bừa bãi buông tuồng thì dân càng uất ức, nước càng rối loạn, vua càng thấp kém. Đó cũng chính là đánh mất cái ý nghĩa vốn có của nhạc vậy.

Phàm các thánh vương xưa sở dĩ quý trọng âm nhạc, ấy là vì nó đem lại cho người ta niềm vui. Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân làm ra thứ nhạc bừa bãi buông tuồng (xỉ nhạc), âm thanh của trống đại, của chuông khánh, của quản tiêu (các loại sáo khèn) đều lấy âm lượng lớn làm đẹp, lấy số lượng nhạc cụ đông đảo làm rôm rả oai phong, nhạc khúc thì kì ngụy dị thường tai chưa từng nghe, mắt chưa từng thấy, chỉ cốt sao cái sau vượt hơn cái trước, không có hạn độ quy củ gì cả. Buổi suy vi của nước Tống, nước ấy làm ra nhạc Thiên chung; buổi suy vi của nước Tề, nước ấy làm ra nhạc Đại lữ; buổi suy vi của nước Sở, nước ấy làm ra nhạc Vu; lớn thì có lớn, nhưng trong con mắt của người có đạo mà xét, thì đều đã đánh mất cái ý nghĩa vốn có của nhạc. Đánh mất cái ý nghĩa vốn có của nhạc, thì nhạc ấy không đem lại niềm vui cho con người. Nhạc mà không đem lại niềm vui cho con người, thì dân chúng tất sinh ra oán hờn, cuộc sống của họ tất bị thương tổn. Cuộc sống của người ta với nhạc cũng sẽ như băng tuyết dưới ánh nắng mặt trời rực lửa, ngược lại sẽ làm tổn hại thiên tính của con người. Tình trạng đó nảy sinh ra chính là do không hiểu được ý nghĩa của nhạc, cứ chạy theo to lớn xa xỉ mà ra.

Nhạc có cái tinh thần của nó, cũng ví như hình hài da thịt của người ta có tính tình tư tưởng vậy, có tính tình tư tưởng thì tất có cái để nuôi dưỡng thiên tính. Rét, nóng, vất vả (lai), nhàn hạ (dật), no, đói, sáu thứ

ấy không thích hợp (với thiên tính). Phàm là cái nuôi dưỡng thiên tính, thì đều phải xem xét kĩ những gì không thích hợp để khiến nó thích hợp với thiên tính. Nếu có thể ăn ở lâu dài với những cái nuôi dưỡng thiên tính, thì cuộc sống sẽ được lâu dài. Cuộc sống của người ta tự thân nó vốn tĩnh lặng, có thể là sau khi cảm bởi ngoại vật rồi mới biết, cũng có thể là ngoại vật khiến nó biết, rồi một lần đi qua không bao giờ trở lại, và cuối cùng bị áp chế bởi thèm muốn quá độ. Bị áp chế bởi thèm muốn quá độ vô cùng cực thì tất sẽ đánh mất thiên tính. Thèm muốn vô cùng cực thì tất sẽ sinh lòng tham lam bỉ ổi bội loạn, sẽ làm các việc dâm dật gian trá. Bởi thế mà kẻ mạnh cướp bóc kẻ yếu, (nước) đông người cướp đoạt (nước) ít người, kẻ dũng mãnh bắt nạt kẻ khiếp nhược, người lớn bắt nạt trẻ con, tất cả đều từ đó mà sinh ra.

THÍCH ÂM

Thiên thứ tư nói rằng:

Bản tính của tai là muốn nghe được âm thanh, song nếu trong lòng không vui thì dẫu có ngũ âm ngay trước

Chú thích: *Thích âm là nói âm thanh phải hợp với những tiêu chuẩn nhất định, đại bất quá quân (sức căng của âm thanh không quá 30 cân ta), trọng bất quá thạch (trọng lượng của chúng không quá 120 cân ta).*

mắt cũng không muốn nghe. Dục vọng của mắt là được nhìn thấy màu sắc, song nếu trong lòng không vui thì dẫu có ngũ sắc ngay trước mắt cũng không muốn nhìn. Bản tính của mũi là muốn được ngửi thấy mùi thơm, song nếu trong lòng không vui, thì dẫu có mùi thơm ngay trước mặt cũng không muốn ngửi. Bản tính của miệng là muốn nếm vị ngon, song nếu trong lòng không vui, thì dẫu có ngũ vị ngay trước mặt cũng không muốn ăn. Có dục vọng là ở tai, mắt, mũi, miệng, còn vui hay không vui là ở cái tâm người ta. Tâm nhất định phải bình hòa yên ổn rồi mới có vui sướng, trong lòng phải vui sướng rồi sau đó tai mắt mũi miệng có dục vọng thì dục vọng ấy mới có chỗ dựa. Cho nên điều then chốt để khiến người ta vui sướng là tâm phải bình hòa yên ổn, mà muốn khiến tâm bình hòa yên ổn thì hành vi phải thích trung (vừa mức).

Vui sướng có mức độ vừa phải mà tâm cũng có mức độ vừa phải. Bản tính của người ta là muốn thọ mà ghét yểu, muốn yên mà ghét nguy, muốn vinh mà ghét nhục, muốn nhàn dật mà ghét vất vả. Bốn cái muốn ấy được thỏa mãn, bốn điều ghét kia được trừ bỏ, thì tâm sẽ được an thích. Bốn cái muốn ấy được thỏa mãn là nhờ thắng bằng lí. "Thắng bằng lí" đem vào sửa mình (tu dưỡng bản thân) thì sẽ giữ toàn được sinh mệnh, giữ toàn được sinh mệnh thì sẽ được trường thọ. Đem "thắng bằng lí" vào cai trị quốc gia, thì quốc gia sẽ kiến lập pháp chế, kiến lập pháp chế thì thiên hạ phục vậy. Bởi thế cho nên then chốt khiến cái tâm được thích trung là ở chỗ thắng bằng lí.

Âm thanh cũng có vấn đề thích trung. To quá thì sẽ

khiến ý chí phiêu đãng. Đem cái tâm phiêu đãng mà nghe cái âm thanh quá to thì cái tai không chịu nổi, tai không chịu nổi thì sẽ tắc ngang, tắc ngang thì sẽ rung chuyển. Nhỏ quá thì tâm chí không thỏa mãn sẽ khiến nghe không hết ý mà tai không đầy, không đầy thì rỗng. Âm thanh trong quá thì tâm chí sẽ nguy sợ, đem tâm chí nguy sợ mà nghe âm thanh cao vút sắc nhọn thì sẽ bị chứng ù tai bất chợt. Âm thanh quá trong, không có hòa thanh, thì tai không phân biệt được, không phân biệt được thì công năng của tai sẽ suy kiệt. Âm thanh đục quá thì chí khí sụt thấp, đem chí khí thấp kém mà nghe âm đục thì tai không thể thu gom, không thu gom thì không chuyên nhất, không chuyên nhất thì sẽ dẫn đến giận dữ. Bởi thế, to quá, nhỏ quá, trong quá, đục quá đều là âm thanh không thích trung (vừa phải).

Thế nào là vừa phải? Trung âm là vừa phải. Thế nào là trung (âm)? Tiếng của một quả chuông không vượt quá một quân (một quân bằng 30 cân ta), trọng lượng chuông không quá một thạch (một thạch bằng 120 cân ta), đó là mức nặng nhẹ to nhỏ vừa phải. Âm cung do Hoàng Chung định ra là cơ sở của âm luật, cơ sở là tiêu chuẩn của độ trong đục. Trung tức là vừa phải. Đem cái tâm thích trung mà nghe khúc nhạc thích trung thì sẽ hài hòa. Âm lượng không thái quá, bình hòa là như vậy. Bởi thế nhạc của đời trị thì yên mà vui, ấy là chính sự được bình hòa. Nhạc của đời loạn thì oán hờn mà giận dữ ấy là chính sự sai trái. Nhạc của thời bại vong mất nước thì buồn thương mà đau xót, ấy là chính sự gặp điều hung hiểm. Phàm âm nhạc là tương thông

với chính sự, và có thể làm thay đổi được phong tục. Phong tục được xác định, có thể chịu sự giáo hóa của âm nhạc. Cho nên gặp đời có đạo, thì quan sát âm nhạc có thể hiểu được dân tục, quan sát chính sự có thể biết được ông vua. Bởi thế các tiên vương nhất định dùng âm nhạc để làm rõ sự giáo hóa của mình. Cây đàn sắt tấu bài *Thanh miếu* thì dùng sợi dây đỏ thắm mà đáy thưa (đáy cây đàn sắt có đục nhiều lỗ khiến âm thanh trì hoãn, chậm dịu) tạo ra hiệu quả nhất xướng nhi tam thán (một tiếng xướng lên, ba tiếng ngân theo) làm nảy sinh tác dụng còn vượt cả âm thanh. Lễ "hưởng" để tế trời, dâng rượu đen và cá sống bày trên mâm, dùng nước canh thịt không pha gia vị (đều dùng mùi vị sẵn có), nhờ đó mà có ý nghĩa vượt lên trên bản thân mùi vị. Bởi thế các tiên vương chế định ra lễ nhạc chẳng phải chỉ để làm vui tai vui mắt, thỏa mãn ham muốn của cái miệng và cái bụng, mà là lấy nhạc để giáo hóa dân, cân bằng sự yêu ghét, đạt tới lý và nghĩa (chân lí và lẽ phải).

CỔ NHẠC

Thiên thứ năm nói rằng:

Nguồn gốc của nhạc có đã từ lâu, nhất định không

Chú thích: *Chương này trình bày ngọn ngành của nhạc và vũ các đời từ họ Chu Tương cho đến Chu Thành Vương.*

thể để hoang phế.

Có tiết nhạc là nhạc được tiết chế, và cũng có xỉ nhạc là nhạc buông tuồng bừa bãi, có chính nhạc và cũng có dâm nhạc, hiền thì được xương thịnh, bất tiếu thì phải diệt vong.

Xưa họ Chu Tương trị thiên hạ, nhiều gió mà khí dương tích tụ, vạn vật rời rạc điêu linh, trái cây không thể chín, bởi thế mà Sĩ Đạt làm ra cây đàn sắt năm dây, để đón khí âm về, để chúng sinh được ổn định.

Nhạc của họ Cát Thiên xưa, ba người nắm lấy đuôi trâu giẫm chân mà hát, hát lên tám đoạn: một là "Tái dân"[1], hai là "Huyền điểu"[2], ba là "Toại thảo mộc"[3], bốn là "Phấn ngũ cốc"[4], năm là "Kính thiên thường"[5], sáu là "Đạt đế công"[6], bẩy là "Y địa đức"[7], tám là "Tổng vạn vật chi cực"[8].

Xưa buổi đầu của họ Đào Đường, khí âm phần nhiều trầm trệ phục tàng, nước đọng dồn chứa, thủy đạo ủng tắc, không chảy theo đường cũ, dân khí uất nén ứ đọng, gân cốt co quắp không vươn duỗi ra được, nên đã chế ra vũ đạo để khiến gân cốt của họ được vươn duỗi, khí huyết được lưu thông.

Xưa Hoàng Đế ra lệnh cho Linh Luân làm ra âm

---

(1) *Chở dân*

(2) *Chim đen*

(3) *Thỏa mãn cỏ cây*

(4) *Kích thích ngũ cốc*

(5) *Tôn kính lẽ thường của Trời*

(6) *Thành đạt công tích của Thượng đế.*

(7) *Theo như phẩm đức của Đất.*

(8) *Gom cực điểm của muôn vật*

luật. Linh Luân bèn từ phía tây Đại Hạ mà đi lên phía bắc của Côn Luân, lấy được trúc ở thung lũng Giải Khê, chọn lấy giống trúc lỗ to mà đều đặn, cắt lấy giữa hai mắt, dài ba tấc chín phân mà thổi, lấy đó làm âm cung của Hoàng chung, âm thanh thổi lên gọi là "Xá thiểu". Sau đó lại chế ra "Thập nhị đồng" (ống tiêu), cầm ống tiêu đến chân núi Côn Luân, nghe chim phượng hoàng hót mà định ra mười hai âm luật. (Trong mười hai âm luật ấy) chim trống (phượng) hót sáu âm, chim mái (hoàng) hót sáu âm, tương phối với "cung" của Hoàng chung, vừa vặn hài hòa. Cung của Hoàng Chung và Lục luật, Lục lã đều từ đó sinh ra. Cho nên nói rằng cung của Hoàng chung là căn bản của Lục luật Lục lã. Hoàng Đế lại ra lệnh cho Linh Luân với Vinh Tướng đúc ra mười hai quả chuông nhạc, để điều hòa ngũ âm, tấu nhạc Anh Thiều. Rồi vào tháng Trọng xuân, ngày Ất mão khi Mặt trời ở vào sao Khuê, tấu khúc nhạc đó, đặt tên là Hàm Trì.

Đế Chuyên Húc sinh ra từ Nhược Thủy, thực ra sống ở Không Tang, rồi lên làm vua. Thuận hợp với Thượng Đế, đức sánh cùng Trời, nhờ đó mà gió tám phương đều chính, âm thanh gió rầm rầm rì rì rộn rã. Đế Chuyên Húc yêu thích âm thanh ấy, bèn ra lệnh cho nhạc quan Phi Long phỏng theo tiếng gió tám phương làm ra khúc nhạc, đặt tên là "Thừa vân" để tế Thượng đế. Lại ra lệnh cho nhạc công hóa trang thành con cá thiện (lươn) sai đánh trống dạo đầu, cho các con lươn nằm ngửa quật đuôi vào mặt trống để trên bụng, tiếng kêu long bong.

Đế Cốc sai Hàm Hắc chế ra "Thanh ca" gồm Cửu

chiêu, Lục liệt, Lục anh. Thợ khéo Hữu Thùy chế ra các loại nhạc khí: bề (trống lớn), cổ (trống thường), chuông, khánh, xuy linh (cái đạc), quản luân (cái tu huýt), cái trì (sáo 8 lỗ), cái điều (trống bỏi), cái dùi, cái chuông nhỏ. Đế Cốc bèn sai người hai tay vỗ bề, cổ, đánh chuông, khánh, thổi linh và quản huân, trì, lắc trống bỏi, gõ chùy. Ra lệnh cho nhạc công hóa trang thành chim phượng và cẩm kê (gà gô) mà nhảy múa theo nhạc. Đế Cốc hết sức mừng vui, lấy nhạc vũ ấy mà làm rạng tỏ cái đức của Đế.

Nghiêu được lập làm Thiên tử thì lệnh cho Chất làm nhạc. Chất bèn bắt chước âm thanh của núi rừng khe suối mà hát, lấy dải da nai căng lên cái phẫu sành để làm trống, lại vỗ vào đá gõ lên đá phỏng theo tiếng khánh ngọc của Thượng Đế và nhảy múa cùng những người hóa trang bách thú. Nhạc công mù Cổ Tẩu bèn tách đàn sắt năm dây, làm thành đàn sắt mười lăm dây, đặt tên là "Đại Chương", dùng để tế Hạo thiên Thượng đế.

Thuấn được lập làm Thiên tử, ra lệnh cho Ngưỡng Diên phân cây đàn sắt mười lăm dây do Cổ Tẩu chế ra, tăng thêm tám dây, thành đàn sắt hai mươi ba dây. Đế Thuấn lại ra lệnh cho Chất chỉnh lí "Cửu chiêu", "Lục liệt", "Lục anh" để làm rạng tỏ đế đức của Đại Thuấn.

Vũ được lập làm Thiên tử, vất vả lo lắng vì thiên hạ đại sự, ngày đêm không buông lơi, khơi thông sông lớn, nạo vét những dòng nghẹn tắc, đục Long Môn, thông nước lũ đổ vào Hoàng Hà, khơi vét tam giang ngũ hồ, cho chúng đổ ra biển đông, làm lợi

cho trăm họ. Bèn lệnh cho Cao Dao làm ra chín chương "Hạ Dược" để tỏ rõ công lao của Vũ.

Ân Thang tức vị. Hạ là nước vô đạo, bạo ngược với nhân dân, xâm tước quyền lợi của chư hầu, làm việc chẳng theo quy củ, người trong thiên hạ hết sức lo nghĩ. Thang bèn dẫn lục châu thảo phạt tội trạng của Hạ Kiệt. Công thành danh toại, trăm họ yên ninh. Thang bèn ra lệnh cho Y Doãn chế tác nhạc "Đại Hộ", hát bài ca "Thần lộ" (sương sớm), chỉnh lí Cửu chiêu, Lục liệt, Lục anh để biểu hiện vẻ đẹp của Đế công.

Chu Văn Vương ở đất Kì, chư hầu rời bỏ cảnh dâm loạn của Ân Trụ mà về phụ dực Văn Vương. Thu Nghi Sinh nói rằng: "Ân Thương có thể thảo phạt rồi đó". Văn Vương không cho. Chu Công Đán bèn làm thơ rằng: "Văn Vương tại thượng, Vu chiêu vu thiên, Chu tuy cựu bang, Kì mệnh duy tân", nghĩa là "Văn Vương ở trên làm vua, Đức hạnh sáng tỏ đã thấu đến trời, Chu tuy là nước cũ, nhưng sẽ được mệnh mới" để ca ngợi đức hạnh của Văn Vương.

Vũ Vương tức vị, thống lĩnh quân đội sáu nước thảo phạt Ân Thương. Quân sáu nước còn chưa đến kinh đô nhà Ân, thì quân tinh nhuệ của Vũ Vương đã đại chiến với Trụ ở Mục Dã và chiến thắng tại đó. Đắc thắng về triều, bèn cắt tai trên đầu của lính địch đã bị sát thương để dâng vào đại thất của Thái miếu, bèn lệnh cho Chu Công làm ra nhạc Đại Vũ.

Thành Vương được lập làm Thiên tử, các di dân của nhà Ân làm phản. Thành Vương lệnh cho Chu Công tiêu diệt bọn chúng. Người Nam man mặc phục

sức của voi, làm điều bạo ngược với Đông di (vùng dân tộc thiểu số phương đông). Chu Công dẫn quân đánh đuổi chúng xuống phía nam Trường Giang. Chu Công bèn chế ra nhạc "Tam Tượng" để làm rạng tổ đức.

Cho nên nói rằng, nguồn gốc của nhạc có từ xa xưa, chẳng phải một đời mà tạo tác ra được.

VI QUÝ HẠ KỈ - ÂM LUẬT - ÂM SƠ - CHẾ LẠC - MINH LÍ

QUÝ HẠ KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng cuối của mùa hạ. Mặt Trời ở vị trí của sao Liễu. Buổi chiều hôm sao Tâm ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Khuê ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Bính Đinh (phương nam). Vị đế vương ứng với tháng này là Viêm Đế. Vị thần ứng với tháng này là Chúc Dung. Động vật tiêu biểu tháng này là loài chim, có lông vũ. Thanh âm tháng này lấy âm Chủy làm tiêu biểu. Âm luật tháng này hợp với Lâm Chung. Con số đối ứng tháng này là 7. Vị tương ứng tháng này là vị đắng. Mùi tương ứng tháng này là mùi khét. Tế tự tháng này ở Bếp. Lúc tế tự, trước hết phải dâng "phế" (phổi). Bắt đầu có gió mát. Dế nấp ở trong nhà. Chim ưng lúc này học bay nhanh. Cỏ mục hóa thành đom đóm. Thiên tử ở phòng đằng tây của nhà hướng nam, ngồi xe màu đỏ, thắng xe bằng ngựa màu hồng táo, trên xe có cờ đỏ. Thiên tử mặc áo đỏ, đeo

Chú thích: *Quý hạ là tháng 6 Hạ lịch.*

ngọc đỏ làm đồ trang sức, ăn đậu và thịt gà. Đồ vật tế tự đều cao và to.

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho ngư sư (quan chưởng ngư) thảo phạt giao long, bắt cá sấu, tôn rùa vào tông miếu, bắt ba ba, lại ra lệnh cho quan lại trông coi sơn trạch nộp gỗ và lau sậy vào quốc khố.

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho các quan đại phu trông coi bốn quận thu gom cỏ tranh của bách huyện để nuôi các súc vật chuẩn bị tế tự. Lại ra lệnh cho thần dân phải đem hết sức lực để cúng Hoàng thiên Thượng đế, núi cao sông rộng và thần linh bốn phương, để tế lễ tổ tiên trong miếu và thần xã thần tắc, cầu chúc phúc lành cho trăm họ.

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho các nữ quan nhuộm lụa màu. Nhuộm ra các màu trắng và đen, đen và xanh, xanh và đỏ, đỏ và trắng, nhất định phải theo quy củ, không được mảy may sai sót, đen vàng xanh đỏ, tất cả đều phải là chất tốt, không dám làm giả làm dối. Để làm lễ phục tế giao tế miếu, làm cờ xí, để phân biệt đẳng cấp sang hèn.

Tháng này, cây cối đang tươi tốt, bèn ra lệnh cho ngư nhân chưởng quản núi rừng đi vào núi tuần hành thị sát, không được để cho người ta đẵn phạt cây cối. Không thể làm công việc thổ đấu, không được hội họp chư hầu, không được phát binh động chúng. Không được cử chiến sự mà để cho nó làm rung động cái khí dưỡng dục muôn vật. Không được phát lệnh xung phạm vào thời vụ nhà nông làm phương hại đến sản xuất nông nghiệp. Mưa to, ra lệnh cho quan viên tư nông phải tuần sát tình hình đắp sửa bờ đập. Không được hưng

binh tác chiến vào lúc này, nếu không sẽ có vạ trời trừng phạt.

Tháng này, đất đai nóng ẩm nước đầy, thường có mưa to, đốt cỏ cho nước chảy qua để diệt cỏ, hiệu quả giống như dùng nước nóng. Những thứ này có thể bón phân cho ruộng, có thể làm đẹp thêm quốc thổ và cương giới.

Tháng này, nếu khớp với thời tiết bình thường, thì có mưa lành, một tháng đôi lần. Nếu thời tiết giống như mùa xuân, thì hạt thóc đã vào mẩy sẽ rơi rụng. Trong nước có nhiều người mắc bệnh ho gió, người ta phải dời đi tha phương. Nếu thời tiết giống như mùa thu, thì ở đất thấp nơi gò đồi sẽ xảy ra úng ngập, mùa màng thất bát, người ta thường sinh con hữu sinh vô dưỡng. Nếu xảy ra thời tiết như mùa đông, thì khí lạnh thường đến bất chợt,diều ó kiếm mồi sớm hơn. Trăm họ ở bốn phương đều trốn vào trong thành quách để tự bảo vệ.

Phương trung ương là thổ (một trong ngũ hành): Mặt trời tháng này ở vị trí Mậu kỉ (trung ương). Vị đế vương ứng với tháng này là Hoàng Đế (lấy đức Thổ mà xưng vương với thiên hạ). Vị thần ứng với tháng này là thần Hậu thổ. Động vật tiêu biểu tháng này là loài lõa trùng do kì lân làm thủ lĩnh. Âm thanh của tháng này là âm Cung. Âm luật tháng này hợp với Cung của Hoàng chung. Số của tháng này là 5. Vị đối ứng với tháng này là vị ngọt. Mùi đối ứng với tháng này là mùi thơm. Tế tự tháng này ở trong nhà (tế hậu thổ) lúc tế trước hết phải dâng tim. Thiên tử ở chính giữa Thái miếu nam hướng trung ương, tên gọi là "Thái thất". Đi xe ba gác,

thắng xe bằng ngựa lưu (ngựa đỏ có bờm và đuôi đen), trên xe có thổ hoàng.

Thiên tử mặc áo màu vàng đất, đeo ngọc màu vàng làm thứ đồ nữ trang. Thiên tử ăn loài cốc và thịt bò. Tế khí tròn mà miệng thu nhỏ lại.

ÂM LUẬT

Thiên thứ hai nói rằng:

Hoàng chung (một trong lục luật) sinh ra Lâm chung (một trong Lục lã), Lâm chung sinh ra Thái thốc (một trong Lục luật), Thái thốc sinh ra Nam lã (một trong Lục lã), Nam lã sinh ra Cô tiển (một trong Lục luật), Cô tiển sinh ra Ứng chung (một trong lục lã), Ứng chung sinh ra Nhuy tân (một trong lục luật), Nhuy tân sinh ra Đại lã (một trong lục lã), Đại lã sinh ra Di tắc (một trong lục luật), Di tắc sinh ra Giáp chung (một trong lục lã), Giáp chung sinh ra Vô xạ (một trong lục luật), Vô xạ sinh ra Trọng lã (một trong lục lã). Đem các ống luật sinh ra đó chia đều làm ba, tăng thêm một phần gọi là thượng sinh, đem tất cả những ống luật sinh ra chia đều làm ba, giảm bớt một phần gọi là hạ sinh. Hoàng chung, Đại lã, Thái thốc, Giáp chung, Cô tiển, Trọng lã, Nhuy tân là thượng sinh; Lâm chung, Di tắc,

---

Chú thích: *Thiên này trình bày các lí âm luật tương sinh, là quan điểm và giải thích của nhạc gia.*

Nam lã, Vô xạ, Ứng chung là hạ sinh.

Ở thời đại bậc đế vương thánh minh nhất trị vì tốt đẹp nhất, khí của Trời và Đất tương hợp mà sinh ra gió. Ở các ngày chí (đông chí, hạ chí), Mặt trăng ảnh hưởng đến gió lúc này mà sinh ra mười hai luật. Đông chí sinh ra Hoàng chung, Quý đông sinh ra Đại lã. Mạnh xuân sinh ra Thái thốc. Trọng xuân sinh ra Giáp chung. Quý xuân sinh ra Cô tiển. Mạnh hạ sinh ra Trọng lã. Hạ chí sinh ra Nhuy tân. Quý hạ sinh ra Lâm chung. Mạnh thu sinh ra Di tắc. Trọng thu sinh ra Nam lã. Quý thu sinh ra Vô xạ. Mạnh đông sinh ra Ứng chung. Khí gió của Trời Đất bình thường, thì mười hai luật được định ra.

Tháng Hoàng chung (tháng 11) không động thổ, cẩn thận không mở nắp vung, để đóng chặt khí của Trời Đất, nếu không thì dương khí sẽ tiết thoát đi mất. Tháng Đại lã (tháng 12) mười hai số sắp đếm hết, một năm sắp tính lại từ đầu, đừng có sai khiến nông dân. Tháng Thái thốc (tháng Giêng), dương khí mới bắt đầu sống lại, cỏ cây bắt đầu nảy mầm, lệnh khiến nông dân đào đất, không được để lỡ thời vụ. Tháng Giáp chung (tháng 2), chính lệnh khoan dung bình hòa, thi hành đức chính giảm thiểu hình phạt, không được gây ra chiến tranh để làm hại sinh linh. Tháng Cô tiển (tháng 3), mở thông đường sá, sửa sang mương ngòi, ban bố mệnh lệnh của thiên tử, hỏa khí (hơi lửa) của ngày hè sắp đến. Tháng Trọng lã (tháng 4), không được tụ tập đông người, quan lại phải tuần xét và khuyến khích lo việc cày bừa. Thảo mộc đang sinh trưởng, không được để cho lòng dân tản mạn. Tháng Nhuy tân (tháng 5), dương

khí đang lên, phải để cho người tráng niên được yên lòng, phải làm cho thiếu niên được dưỡng dục. Nếu triều chính không yên ổn, thì cỏ cây sẽ sớm khô héo. Tháng Lâm chung (tháng 6), thảo mộc tốt tươi no nê, âm khí sắp bắt đầu thu sát muôn loài. Không được phát động chiến tranh, để nuôi dương khí. Tháng Di tắc (tháng 7), sửa sang hoàn thiện hình pháp, chọn tuyển sĩ tốt, mài giũa binh khí, tra tấn chém giết kẻ bất nghĩa, để vỗ yên dân chúng phương xa. Tháng Nam lã (tháng 8) các động vật ngủ đông chui vào hang. Đốc thúc nông dân thu hoạch mùa màng, chẳng dám mảy may lơi lỏng, gắng sức thu nhiều. Tháng Vô xạ (tháng 9) nhanh chóng xét xử tội nhân, đối với kẻ phạm pháp chớ nên xá miễn. Không để lưu cữu các vụ kiện tụng, phải kịp thời xem xét. Tháng Ứng chung (tháng 10) âm khí với dương khí chẳng tương thông, Trời Đất bế tắc thành mùa đông, định rõ quy củ việc tang ma chôn cất, phân rõ đẳng cấp quý tiện trong tang phục và quan quách.

ÂM SƠ

Thiên thứ ba nói rằng:

Ông Khổng Giáp họ Hạ Hậu đi săn ở núi Dương

Chú thích: *Thiên này trình bày các nhân tố hình thành các loại âm điệu cổ đại, có khác với nguồn gốc các loại nhạc vũ cổ đại trình bày ở thiên* Cổ nhạc *trước.*

Phụ, trời nổi gió to u ám, Khổng Giáp mê hoặc, đi vào một nhà dân ở địa phương đó, chủ nhà đang sinh con. Có người nói: "Hạ Hậu đến đây hẳn là ngày lành, cháu bé này thật là tốt phúc". Lại có người nói: "Nó chẳng chịu nổi cái phúc ấy đâu, cháu bé này thật là xúi quẩy." Khổng Giáp bèn đem cháu bé vào triều và nói: "Làm con ta, ai dám làm hại nó?" Đứa bé lớn lên thành người. Khi cầm búa bổ củi, củi bỗng gãy, búa rơi xuống chém cụt chân nó. Người cụt chân thì làm quan canh cửa, thế là nó trở thành chân canh cửa. Khổng Giáp nói: "Ôi! Thành người tàn tật, quả là số mệnh vậy!" Bèn làm ra bài ca "Phá phủ" (Vỡ búa). Đó chính là tiếng hát quốc phong phương đông.

Vua Vũ đi tuần xét công trình trị thủy, gặp người con gái họ Đồ Sơn. Vũ chưa kịp cưới cô ta, lại tiếp tục đi tuần xuống phương Nam. Cô gái họ Đồ Sơn bèn ra lệnh cho các tì nữ ở phía nam Đồ Sơn chờ Vũ trở về. Nàng Đồ Sơn hát một bài ca, gọi là bài *Hậu nhân hề y* (Chờ đợi người ơi), đó chính là tiếng hát quốc phong phương nam. Chu Công và Thiệu công đi thu thập phong dao của vùng này, lấy đó làm ra "Chu nam" và "Thiệu nam"

Chu Chiêu Vương thân chinh dẫn quân đi chinh phạt đất Kinh (nước Sở), Tân Dư Mị cao lớn vạm vỡ làm chân xa hữu cho Chiêu Vương, lúc trở về đi qua sông Hán, thuyền vỡ giữa dòng, cả Vương và Thái Công đều rơi xuống sông Hán, Tân Dư Mị cứu được Chiêu Vương rồi theo hướng bắc qua sông Hán, sau đó quay lại cứu Thái Công. Chiêu Vương bèn ban thưởng cho Tân Dư Mị làm hầu vương đất Tây Địch, thưởng danh Trưởng Công. Ân Chỉnh Giáp dời nhà đến Tây hà, nhưng lại

đem lòng nhớ quê, bắt đầu làm ra tiếng hát phương Tây. Trưởng Công kế thừa âm thanh đó ở Tây Sơn. Tần Mục Công thu thập quốc phong đến đây, mới dùng âm điệu quốc phong phương Tây này mà làm ra âm điệu Tần nhạc.

Họ Hữu Nhung có hai cô gái chưa chồng, bèn đắp một cái đàn cao cửu trùng (chín tầng) cho hai nàng ở, lúc ăn uống tất có trống nhạc đệm giúp vui. Đế bèn ra lệnh cho chim én đi thăm hai nàng. Chim én hót lên một tiếng "chích chích". Hai nàng rất yêu thích chim én, tranh nhau bắt, rồi dùng cái khung ngọc đậy lại. Được một chốc mở ra xem, chim én đã đẻ được hai quả trứng, rồi bay lên phương bắc không trở lại nữa. Hai nàng bèn làm một bài ca, gọi là *Yến yến vãng phi*. Đó là khởi đầu của quốc âm phương bắc.

Phàm là âm điệu, đều từ lòng người sinh ra, cảm ở trong lòng thì động ở âm. Nhạc âm thành tựu ở ngoài, nhưng lại giáo hóa nội tâm của người ta. Cho nên nói rằng, nghe được âm thanh ở đâu thì biết được phong tục ở đấy. Khảo sát phong tục thì biết được chí hướng của người ta. Thấy được chí hướng thì biết được đức hạnh của người ta. Thịnh hay suy, hiền hay bất tiếu, quân tử hay tiểu nhân đều biểu hiện ra ở nhạc âm, giấu cũng không giấu được. Bởi thế nói rằng những gì khảo sát được qua nhạc âm đều rất sâu sắc. Đất đai cằn cỗi thì cỏ cây đều không mọc được, nước bị quấy lên đục ngầu thì cá và ba ba cũng không lớn được, thế tình hỗn loạn thì lễ tiết hồ đồ mà nhạc âm tà vạy. Thanh của nước Trịnh nước Vệ, âm ở nương dâu đều được những kẻ làm loạn nước yêu thích, và cũng được những kẻ đức

hạnh sa sút thích thú. Nhạc rời rạc và không có phép tắc kỉ cương, nhạc âm suồng sã tà vạy, quá to hoặc quá nhỏ, quá trong hoặc quá đục đều có thể nảy sinh, người ta có thể cảm mà sinh ra cái khí dâm đãng, cái tâm tà mạn. Một khi như vậy, thì bao nhiêu việc gian tà xấu xa cũng sẽ theo đó mà nảy sinh. Cho nên người quân tử trở lại với đạo để tu đức, sửa đức để tạo nhạc, hòa nhạc để thành thuận. Nhạc hòa thì dân đều tin theo đạo.

CHẾ LẠC

Thiên thứ tư nói rằng:

Muốn được xem cảnh chí lạc (vui vẻ đến tột đỉnh), ắt phải ở vào thời chí trị (bình trị cao độ). Nước cai trị tốt, thì vua ắt vui nhiều với công cuộc cai trị của mình: nước cai trị không tốt lắm, thì vua cũng sẽ ít vui với việc cai trị ấy; còn ông vua thời loạn thì chỉ biết hưởng lạc riêng mình một cách bừa bãi. Ông vua vui nhiều với công cuộc cai trị của mình thì dù có đóng cửa lớn cửa sổ vào, không ra khỏi phòng mình, việc làm của vua vẫn có thể làm cảm động Trời Đất. Bởi thế thời Thành Thang, giữa sân đình mọc lên một cái hang, mọc lên từ chiều hôm mà đến sáng hôm sau đã nổi lên cao lắm. Sử quan xin cho bói quẻ để làm rõ nguyên cớ do đâu. Thành

Chú thích: *Chế là làm ra, tạo ra. Lạc là niềm vui. Chế lạc là cái đạo lí tạo ra niềm vui.*

Thang cho người xem bói lui ra mà nói rằng: "Ta nghe rằng vật lành là điềm báo phúc, nếu được thấy điềm phúc mà vẫn không làm việc tốt, thì phúc sẽ chẳng đến nữa; vật gở là điềm báo trước họa hoạn, nhưng sau khi thấy điềm gở mà biết làm việc tốt, thì họa kia cũng sẽ chẳng xảy ra". Thế rồi vua chăm lo thiết triều sớm, bãi triều muộn, hỏi han chăm sóc kẻ ốm đau, thăm viếng an ủi kẻ tang tóc, ra sức vỗ về trấn an trăm họ, được ba ngày thì cái hang trong sân đình tự nhiên biến mất. Bởi thế nói rằng "họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục" (trong họa vẫn có cơ được phúc, trong phúc vẫn có mầm của họa) đó là điều chỉ riêng thánh nhân thấy được, còn chúng nhân làm sao biết được triệt để.

Chu Văn Vương lên ngôi được tám năm, tháng sáu năm ấy, Văn Vương mắc bệnh nằm năm hôm thì xảy ra động đất, mà khu vực động đất chẳng vượt ra ngoài lãnh thổ của triều Chu. Bá quan xin tâu với vua: "Chúng thần nghe rằng động đất là vì bậc nhân chủ (vua). Nay đại vương mắc bệnh nằm năm hôm mà xảy ra động đất, khu vực động đất lại không ra ngoài quốc thổ nhà Chu ta, quần thần đều sợ hãi, đều xin cho được dời chuyển động đất đi." Văn Vương hỏi: "Dời chuyển như thế nào?" Đáp: "Huy động trăm họ trên quy mô lớn, để tăng cường củng cố trường thành của quốc gia, có lẽ dời chuyển được động đất đi chăng?" Văn Vương hỏi: "Không được. Trời sở dĩ giáng điềm gở, là cốt để trừng phạt kẻ có tội. Ta hẳn là có tội, nên Trời mới cho động đất để trừng phạt ta. Nay nếu như đã biết vậy còn cố tình huy động đông đảo dân chúng để xây đắp gia cố tường thành, ắt khiến tội ta thêm nặng. Không được làm như vậy."

Triều thần tâu: "Làm nhiều việc tốt có thể dời chuyển được động đất chăng?" Văn Vương nói: "Ta thỉnh cầu làm nhiều việc tốt để dời chuyển nó, có lẽ sẽ tránh khỏi tai họa chăng?" Thế rồi cung kính cẩn trọng đem lễ vật cùng các thứ da thú đi kết giao với chư hầu, ban sức ngôn từ tăng thêm tiền lụa để kính đãi các hào sĩ, ban tứ tước trật phẩm liệt cùng với ruộng đất thưởng cho các công thần. Chẳng bao lâu, bệnh của Văn Vương đã khỏi. Văn Vương lên ngôi được tám năm thì xảy ra động đất, sau động đất còn ở ngôi bốn mươi ba năm nữa, Văn Vương lập quốc được năm mươi mốt năm mới tạ thế. Đó chính là kết quả của việc Văn Vương chấm dứt được thiên tai, trừ bỏ được yêu tà vậy.

Thời Tống Cảnh Công, hỏa tinh ở vào sao Tâm, Cảnh Công sợ hãi, triệu Tử Vi vào, đem việc ấy mà hỏi rằng: "Hỏa tinh ở vào sao Tâm, là thế nào?" Tử Vi thưa: "Hỏa tinh là sao gở. Sao Tâm là phận dã của nước Tống, tai ương họa hoạn này chính là ở bản thân chúa công đó. Tuy nhiên, cũng có thể dời chuyển tai ương họa hoạn ấy sang cho tể tướng". Cảnh Công nói: "Tể tướng là người giúp ta cai trị đất nước, dời chuyển tai họa sang ông ấy là điều chẳng lành". Tử Vi thưa: "Có thể chuyển họa sang trăm họ". Cảnh Công nói: "Trăm họ chết thì ta làm vua với ai? Thà để một mình ta chết đi!" Tử Vi thưa: "Có thể chuyển tai họa cho mùa màng". Cảnh Công nói: "Mùa màng không tốt thì trăm họ chẳng được ăn no, ăn chẳng no ắt là phải chết. Kẻ làm vua mà sát hại trăm họ để cho mình được sống còn, thì ai còn coi là vua nữa? Ấy là bản mệnh của ta đến lúc chấm dứt rồi. Khanh đừng nói nữa!" Tử Vi quay mình

lao lên mấy bước, đoạn quay mặt hướng bắc vái liền hai vái mà kêu rằng: "Hạ thần xin lạy mừng chúa công! Ngôi trời rất cao, nhưng vẫn nghe được mọi lời dưới thấp. Chúa công đã nói được ba lời chí đức, Trời ắt sẽ ba lần ban thưởng cho chúa công. Tối nay hỏa tinh tất sẽ rời xa sao Tâm ba xá (một xá là 90 dặm) Chúa công sẽ trường thọ thêm 21 năm nữa". Cảnh Công hỏi: "làm sao khanh biết được?" Tử Vi thưa: "Nói được ba câu thiện ngôn, thì ắt có ba lần ban thưởng. Hỏa tinh sẽ dời đi ba xá. Một xá qua bảy chòm sao, qua mỗi chòm sao là một năm, hỏa tinh rời ba xá, đi qua cả thảy hai mươi mốt chòm sao, bởi thế Chúa công sẽ kéo dài tuổi thọ thêm được hai mươi mốt năm. Hạ thần xin quỳ phục trước mặt Chúa công để chờ đợi. Nếu hỏa tinh chẳng dời đi, hạ thần xin cam tội chết". Cảnh Công nói: "Được!" Tối hôm đó, hỏa tinh quả nhiên rời xa ba xá.

MINH LÍ

Thiên thứ năm nói rằng:

Ngũ đế ban vương đối với khoái lạc, thật quả đã được tận hưởng đầy đủ. Làm vua nước loạn thì chẳng biết thế nào là niềm vui, bởi họ là những ông vua tầm

---

Chú thích: *Minh lí tức là làm rõ cái lẽ trị và loạn. Nước loạn, ắt sẽ sinh ra yêu tường (điềm gở) Nếu thấy điềm gở mà biết phản tỉnh, thì nước sẽ từ loạn chuyển thành trị, nước đại trị thì sẽ được chí lạc.*

thường kém cỏi. Trời ban cho họ được làm vua, song họ chẳng nắm được cái chân lí của việc làm vua. Điều đó đáng gọi là sự bi đát lớn. Đó chính là ngồi ở phòng hướng tây, mà cứ tưởng mình ngồi đúng hướng, thật ra thì không phải (tự coi mình ngồi ở ngai vua, song thật ra chẳng làm vua được với ai cả)

Phàm sự sống đều chẳng phải một khí hóa thành, sự sinh thành chẳng phải do một nguyên nhân gây nên, sự thành công cũng chẳng phải công lao của một hình trạng nào. Bởi thế, nhiều sự chính tích tụ lại thì chẳng phúc nào không đến, nhiều sự tà tích tụ lại thì chẳng họa nào mà không xảy ra. Mưa gió sẽ chẳng đúng lúc, chẳng hợp thời nghi. Mưa lành mưa ngọt đáng rơi thì không rơi, sương tuyết cũng chẳng hợp lúc, đáng nóng chẳng nóng, đáng lạnh chẳng lạnh, râm nắng thất thường, thời tiết bốn mùa rối loạn. Đàn bà sẩy thai, cầm thú cũng chẳng yên bề sinh sản, thảo mộc thấp nhỏ gầy còm, ngũ cốc héo hon không chín. Kiếm vui như vậy, có gì mà vui cho được? Bởi thế khi phong hóa rối loạn tột cùng, tức là vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, lớn bé chém giết lẫn nhau, cha con hỗ tương tàn hại, anh em lừa dối lẫn nhau, bạn bè chống đối bất hòa, vợ chồng nghi ngờ ghen tuông, hại nhau ngày này sang ngày khác, mất hết kỉ cương của đạo làm người, lòng người giống như cầm thú, chỉ thấy lợi ích trước mắt, chứ chẳng biết lí tính với nhân nghĩa là gì.

Hình dạng những đám mây kia: có đám giống hình con chó, có đám giống hình con ngựa, giống chim hộc trắng, giống các loại xe cộ; lại có đám giống hình người, mặc quần áo xanh thẫm, tóc thì màu đỏ, không nhúc

nhích, loại mây này tên gọi "thiên hoành", lại có đám có hình giống như chiếc nồi màu đỏ đang treo lơ lửng, loại mây này tên gọi "Vân tinh" (cờ mây); lại có đám hình thù giống như đám ngựa đang đấu, gọi là "hoạt mã"; lại có đám hình dạng giống như cây bông lan mà hơi dài hơn, trên vàng dưới trắng, tên gọi là "cờ Xuy Vưu". Mặt trời có nhật thực, có quầng, có tán, mặt trời đỏ mà không sáng, ánh sáng tản mạn, chiếu lên vật không hình bóng, có lúc mấy mặt trời đồng thời xuất hiện. Có ngày tối như đêm, có lúc xuất hiện cực quang. Mặt trăng có nguyệt thực, có quầng, có tán, có thiên thực (nguyệt thực từng phần). Có lúc bốn mặt trăng cùng xuất hiện, có lúc hai mặt trăng cùng xuất hiện, có mặt trăng bé nâng mặt trăng lớn, cũng có lúc mặt trăng lớn bê mặt trăng bé, có lúc mặt trăng che lấp các sao, có lúc có trăng mà không sáng. Sao gở có hỏa tinh, sao chổi, Thiên bổng, Thiên sàm, Thiên trúc, Thiên anh, Thiên can, Tặc tinh, Đẩu tinh, Tân tinh v..v... Tà khí có khí trên không đến trời, dưới không đến đất, có khí trên to dưới nhỏ, có khí như sóng nước, có khí như một chùm đỉnh núi. Mùa xuân lẽ ra xanh thì lại vàng, mùa hạ lẽ ra đỏ thì lại đen, mùa thu lẽ ra trắng thì lại xanh, mùa đông lẽ ra đen thì lại đỏ. Yêu nghiệt sinh ra dị vật giống cái thắt lưng, có quỷ vào phục ở ngạch cửa, có con hổ sinh ra gà rừng, gà rừng lại sinh ra thú lạ. Có sâu keo tụ tập ở đô thành, tiếng kêu vù vù. Kinh đô có rắn bò loạn xạ, trâu ngựa nói tiếng người, chó lợn giao phối với nhau, chó sói chạy vào kinh đô, có yêu nhân từ trên trời giáng xuống, ngoài phố có cú mèo bay lượn, trong đô thành có xuất hiện con quái vật mang tên

"Phỉ" giống con trâu mà đầu thì trắng, đuôi như đuôi con rắn mà chỉ có một mắt, ngựa mọc sừng và gà trống có năm chân. Lợn con sinh ra khóc như trẻ con bi bô, trứng gà thì phần nhiều ấp không nở. Có thần xã dời chỗ, có lợn đẻ ra chó. Quốc đô xảy ra những thứ đó, mà vua chẳng biết sợ hãi để lo mau chóng sửa đổi thì Thượng đế giáng họa, hung tai tất đến gần. Trăm họ tàn vong tử táng, dẫn đến tuyệt diệt, dân chúng lưu tán khắp nơi, đói khát điêu tàn. Đó đều là do nước loạn mà sinh ra, không sao kể xiết, dẫu chặt hết tre vùng Kinh Việt cũng không chép xuể. Bởi thế, Tử Hoa Tử nói rằng: "Người dân đời loạn, hoặc cao hoặc thấp, hoặc thẳng cổ hoặc to đầu, mọi thứ tật bệnh đều có, dân nhiều dịch bệnh, trên đường lắm trẻ bỏ rơi, người đầu trọc, kẻ mắt mù, người lưng gù, kẻ bụng trướng, đủ thứ hiện tượng quái gở ở đâu cũng gặp". Bởi thế những ông vua đời loạn, có bao giờ nghe rằng họ được hưởng niềm chí lạc? Bởi không được nghe những âm thanh chí lạc, nên âm nhạc của họ cũng chẳng làm cho họ được vui.

VII MẠNH THU KỈ - ĐÂNG BINH - CHẤN LOẠN - CẤM TẮC - HOÀI SỦNG

MẠNH THU KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng đầu mùa thu: Mặt Trời ở vị trí của sao Dực. Buổi chiều hôm sao Đẩu ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Tất ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Canh Tân (phương tây). Vị đế vương ứng với tháng này là họ Thiếu Hão (lấy đức kim mà xưng vương thiên hạ). Vị thần ứng với tháng này là Kim thần Nhục Thu (tên là Cai). Động vật tiêu biểu tháng này là loài thú có lông mao. Thanh âm tháng này lấy Thương làm tiêu biểu. Âm luật tháng này hợp với Di Tắc (một trong lục luật). Con số đối ứng tháng này là 9 (số của Thiếu âm). Vị tương ứng tháng này là vị cay. Mùi tương ứng tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này ở cửa. Lúc tế tự, trước hết phải dâng gan. Tháng này bắt đầu có gió mát. Bạch lộ (sương trắng) giáng xuống. Ve bắt đầu kêu. Tháng này chim ưng bắt chim bày ở giữa đầm lớn, gọi là "tế điểu". Tháng này bắt đầu thi

---

Chú thích: *Mạnh thu là tháng bảy Hạ lịch*

hành giết chóc (thuận ứng với khí thu). Thiên tử ở phòng phía nam của nhà hướng tây, (biểu thị rằng mình thuận ứng với thiên thời),ngồi binh xa, thắng xe bằng ngựa lông trắng bờm đen, trên xe có cờ trắng. Thiên tử mặc áo trắng, đeo ngọc trắng làm đồ trang sức (thuận ứng với sắc kim) ăn cháo và thịt chó. Đồ tế khí có góc cạnh, hơn nữa rất sâu.

Tháng này lập thu. Ba hôm trước lập thu, quan thái sử yết kiến thiên tử, nói rằng: "Ngày nọ ngày kia lập thu, đức tốt của Trời ở Kim (phương tây)" Thiên tử bèn trai giới. Ngày lập thu, thiên tử tự mình dẫn đầu tam công cửu khanh chư hầu đại phu ra tây giao (ngoại thành phía tây) đón thu. Quay về cung, ban thưởng cho quân tướng võ nhân ở triều đường. Thiên tử bèn ra lệnh cho tướng soái, chọn lựa sĩ tốt, mài sắc binh khí, tuyển luyện những người tuấn kiệt, giao công việc chuyên môn cho những người có công để uốn nắn chỉnh đốn người bất nghĩa. Hỏi tội và giết những kẻ bạo ngược, tỏ rõ lòng yêu ghét của mình, để vỗ về những người ở phương xa.

Tháng này, ra lệnh cho các quan hữu ti chỉnh lí, sắp đặt pháp chế, sửa sang nhà tù, chuẩn bị gông cùm, cấm chỉ gian tư, răn kẻ tội tà, chuẩn bị bắt bớ. Ra lệnh cho các pháp quan xem xét kĩ các vết thương của người bị hại, kiểm tra kĩ các khớp chân khớp tay bị chặt gãy. Quyết đoán việc kiện tụng, ắt phải công bằng chính trực. Giết kẻ tử tội, nghiêm xử hình luật, Trời đất bắt đầu hiu hắt (xử án hành hình), không thể chậm rãi lơi lỏng.

Tháng này, nhà nông thu gặt thóc lúa. Thiên tử nếm

gạo mới, trước hết dâng gạo mới ở tẩm miếu. Ra lệnh cho trăm quan bắt đầu thu gom. Hoàn chỉnh đê điều, đề phòng úng tắc, ngăn ngừa lụt lội. Sửa chữa cung thất, bồi đắp tường rào, tu bổ thành quách.

Tháng này, không được phân phong chư hầu hoặc đặt các chức quan to (thượng công cửu mệnh), không được cắt đất ban thưởng, không ban phát vàng bạc tiền của, không sai sứ ra ngoài.

Tháng này nếu thời tiết tốt bình thường thì có gió mát thổi tới. Nếu tháng mạnh thu này xảy ra thời tiết mùa đông thì âm khí sẽ thịnh, cua cáy hủy hoại thóc lúa, và có nhung binh (lính rợ) xâm nhiễu quấy rối. Nếu xảy ra thời tiết mùa xuân thì nước nhà có đại hạn, dương khí lại trở về, thóc lúa không vào mẩy. Nếu xảy ra thời tiết mùa hè, thì nhiều nắng nóng, nóng lạnh không tiết chế, dân mắc sốt rét nhiều.

ĐÃNG BINH

Thiên thứ hai nói rằng:

Thánh vương xưa có quân nhân nghĩa chứ không phế bỏ quân đội. Từ thời thượng cổ đã có quân đội, bắt đầu có dân là cũng bắt đầu có quân. Quân đội tức là quyền uy, mà quyền uy bắt nguồn từ vũ lực. Dân có quyền uy và vũ lực, đó là bản tính. Bản tính do Trời

Chú thích: *Đãng binh tức là khởi sự dùng binh.*

sinh ra, chẳng phải sức người có thể làm được, dẫu người trí dũng cũng chẳng thể đổi thay được bản tính của người ta. Nguồn gốc quân đội đã có từ rất lâu. Hoàng đế, Viêm Đế đã dùng nước và lửa làm quân đội, họ Cung Công nhiều lần gây khó dễ, Ngũ Đế đã cùng họ tương tranh. Phế hưng đắp đổi, kẻ thắng cầm quyền. Có người nói: "Xuy Vưu đã tạo ra quân đội". Chẳng phải Xuy Vưu tạo ra quân đội, họ đã lợi dụng khí giới. Khi không có Xuy Vưu, dân vốn đã bóc cây trong rừng để đánh trận, người chiến thắng trở thành thủ lĩnh. Thủ lĩnh cai trị không được nữa, thì lập nên quân vương. Quân vương vẫn không đủ để cai trị, cho nên mới có thiên tử. Thiên tử lập ra là do quân vương, quân vương là do thủ lĩnh, thủ lĩnh lập ra là do tương tranh. Tranh đấu có nguồn gốc đã từ lâu, không thể cấm, không thể ngăn, bởi thế hiền vương thời xưa có quân nhân nghĩa chứ không phế bỏ quân đội.

Nhà không có uy nghiêm và phép tắc của gia trưởng, thì con trẻ sẽ mắc sai lầm; nước không có hình phạt, thì sự xâm hại ngỗ nghịch của trăm họ sẽ lập tức biểu hiện ra, thiên hạ không có thảo phạt và tru lục (chém giết) thì việc chư hầu xâm đoạt lẫn nhau cũng sẽ lập tức xảy ra. Bởi thế phép tắc và uy nghiêm ở trong nhà cũng không thể bỏ, hình phạt trong nước không thể thủ tiêu, thảo phạt tru lục cũng không thể xóa bỏ trong thiên hạ. Duy trong sử dụng có người khéo, kẻ vụng mà thôi. Bởi thế thánh vương xưa có quân nhân nghĩa chứ không phế bỏ quân đội.

Bởi có người ăn cơm chết nghẹn mà muốn cấm người trong thiên hạ ăn cơm thì thật hoang đường; vì có người

đi thuyền chết đuối, mà muốn thủ tiêu tất cả thuyền ghe trong thiên hạ, cũng thật hoang đường; vì có trường hợp dùng binh khiến quốc gia tiêu vong, mà muốn thủ tiêu tất cả quân đội trong thiên hạ cũng hết sức hoang đường. Quân đội không thể thủ tiêu, cũng cùng một lẽ như dùng nước dùng lửa, khéo dùng thì được phúc, không khéo thì mắc họa. Lại cũng cùng một lẽ như dùng thuốc, có thuốc tốt cứu sống người, nhưng cũng có thuốc độc dùng chết người. Quân nhân nghĩa khác nào thuốc tốt có công lao lớn cho thiên hạ.

Quân đội có nguồn gốc từ rất lâu rồi, chưa từng bao giờ không dùng dù trong chốc lát. Về phương diện này, bất luận sang hèn, già trẻ, hiền ngu đều như nhau, chỉ có khác nhau ở chỗ to nhỏ mà thôi. Khảo sát tỉ mỉ chỗ khác nhau tinh tế: ở trong lòng chưa biểu hiện ra, là đang dùng binh; nhìn một cách chán ghét là đang dùng binh, giận dữ hiện lên sắc mặt, là đang dùng binh; ngôn từ ngạo mạn, là đang dùng binh; chế ngự chướng ngại là đang dùng binh; vật lộn chống chọi là đang dùng binh; nổi dậy đánh nhau, là đang dùng binh; ba quân tấn công cũng là đang dùng binh. Tám trường hợp đó đều là dùng binh, chỉ khác nhau to nhỏ mà thôi. Những người ngày nay cực lực chủ trương thủ tiêu quân đội, suốt đời họ đều đang dùng binh mà không tự biết sai lầm, cho nên chủ trương của họ dẫu cứng rắn, ngôn từ dẫu sắc bén, văn tự học vấn dẫu uyên bác, vẫn không được dùng. Bởi thế nói rằng thánh vương xưa chỉ có quân nhân nghĩa chứ không hề thủ tiêu quân đội. Nếu quân đội là nhân nghĩa, giết chết những kẻ bạo tàn trong thiên hạ, cứu được dân trong khổ sở thì dân hoan

nghênh họ, khác nào người con hiếu được nhìn thấy bố mẹ, khác nào kẻ đói khát nhìn thấy thức ăn ngon. Dân vừa khóc vừa gào mà quy phục họ, khác nào cánh nỏ mạnh bắn xuống khe sâu, khác nào nước lũ dồn chứa mà đê bị vỡ (thế không sao ngăn được). Những ông vua tầm thường đã không thể được dân yêu mến ủng hộ, huống chi là những tên bạo chúa?

CHẤN LOẠN

Thiên thứ ba nói rằng:

Thời đại ngày nay ô trọc quá đáng, nỗi khổ của dân đen đã đến tột độ. Thiên tử đã tuyệt dứt, bậc hiền giả đã phế bỏ, hôn quân đời nay mặc ý hoành hành, li tâm li đức với dân, trăm họ chẳng biết kêu vào đâu. Trên đời này nếu còn vua hiền quan giỏi, thì nên xét kĩ tình trạng li oán ấy mà dấy nghĩa binh thảo phạt (Vì có nghĩa binh đến) thì dân trong thiên hạ sắp chết mà được sống, sắp nhục mà được vinh, sắp khổ mà được sướng. Hôn quân mặc ý làm bậy, thì người thường cũng

---

Chú thích: *Chấn loạn tức là cái loạn cứu đời. Thiên này chủ trương rằng quân đội nhân nghĩa tru phạt kẻ vô đạo để giải cứu khổ nạn cho nhân dân là một cử động cứu đời loạn. Đây là quan điểm của Binh gia. Bài này cho rằng người công phạt đều là thánh vương, binh đều là nghĩa binh (quân nhân nghĩa), công phạt đều là điều dân phạt tội cả.*

chẳng ngó đến người thân của mình nữa mà trốn cho xa, huống chi là kẻ bất tiếu. Bởi thế một khi nghĩa binh đến, thì tên hôn quân kia chẳng bao giờ còn được dân yêu mến giúp đỡ, ngay cả đến cha mẹ họ cũng không ngăn cấm được họ lìa bỏ hôn quân đâu.

Phàm làm thủ lĩnh của người trong thiên hạ, điều phải xét nghĩ không có gì bằng khen ngợi người có đạo mà ức chế kẻ vô đạo, tưởng thưởng người nhân nghĩa mà trừng phạt kẻ bất nghĩa. Thời đại ngày nay, các học giả phần nhiều phê bình các cuộc chiến tranh công phạt, lên án công phạt mà tán thành tự vệ. Tán thành tự vệ thì những biện pháp trước kia gọi là khen ngợi người có đạo mà ức chế kẻ vô đạo, tưởng thưởng người nhân nghĩa mà trừng phạt kẻ bất nghĩa sẽ không thực hiện được. Thủ lĩnh của thiên hạ, lợi hay hại điều then chốt chính là nghiên cứu luận đoán đó. Công phạt hay tự vệ đều phải dùng binh thực chất là giống nhau. Chỉ có điều là học giả ngày nay rất khác đời, cứ khăng khăng phản đối công phạt mà chủ trương tự vệ, cuối cùng chẳng có thuyết nào đứng vững được. (Công phạt hay tự vệ đều là phải dùng binh, phản đối công phạt chủ trương tự vệ là tự mình mâu thuẫn với mình). Nếu như vốn là không hiểu (rằng đó là tự mình mâu thuẫn với mình) thì đó là hồ đồ; còn nếu như đã biết mà vẫn chủ trương ngược với lòng mình thì đó là lừa dối. Những kẻ hồ đồ và lừa dối, thì dù có khéo nói giỏi cãi cũng là vô ích. Phủ định điều họ tán đồng và khẳng định những điều họ phản đối như vậy, là muốn có ích cho dân, trái lại làm hại họ, muốn khiến

dân được an ninh nhưng trái lại đặt họ vào trong nơi nguy hiểm. Như vậy có nghĩa là mối họa hoạn của thủ lĩnh thiên hạ đã chuốc vạ lớn cho trăm họ; thuyết ấy (phản đối công phạt, chủ trương tự vệ) tác hại rất sâu xa. Nếu là người thực lòng mưu lợi ích cho nhân dân trong thiên hạ, thì không thể không nghiên cứu kĩ càng sự khác nhau đó.

Việc công phạt không có gì khác là đánh tên vua vô đạo và trừng phạt kẻ bất nghĩa. Đánh tên vua vô đạo, thảo phạt kẻ bất nghĩa, thì không có phúc nào lớn hơn, lợi ích mà trăm họ thu được không có gì trọng hậu hơn. Cấm chỉ công phạt, tức là ức chế người có đạo mà thảo phạt đạo quân chính nghĩa, tức là bịt lối trở tắc sự nghiệp của Thương Thang, Vũ Vương mà nâng đỡ tội ác của Hạ Kiệt và Thương Trụ. Đại phàm người ta sợ làm những việc vì đạo nghĩa, là vì sợ bị trừng phạt; sở dĩ làm việc đạo nghĩa là vì có thể được khen thưởng. Nay vô đạo và bất nghĩa còn tồn tại, để cho nó tồn tại an toàn thì chẳng những khen thưởng khuyến khích nó, mà người có đạo người hành nghĩa phải bất đắc chí, khiến họ không thể biểu dương chính nghĩa, thì chẳng khác gì trừng phạt họ. Tưởng thưởng kẻ hung ác mà trừng phạt người lương thiện, như vậy mà muốn làm cho dân được yên ổn, chẳng phải là điều quá khó đó sao? Bởi thế nói rằng làm loạn thiên hạ, làm hại trăm họ, thì nghiêm trọng nhất chính là luận điệu "lên án công phạt, chủ trương tự vệ" này vậy.

CẤM TẮC

Thiên thứ tư nói rằng:

Cái tâm tự vệ kia, không có gì khác là bảo vệ kẻ vô đạo, mà cứu hộ kẻ bất nghĩa. Bảo vệ kẻ vô đạo, cứu hộ kẻ bất nghĩa, thì họa hại không có gì lớn hơn, mối hại mang lại cho người đời không có gì nặng nề hơn.

Phàm những người chủ trương tự vệ kia, trước hết chủ trương dùng ngôn từ để khuyên ngăn những người công phạt, sau nữa là lấy binh lực làm hậu thuẫn. Du thuyết người khác phản đối công phạt, thì trước phải tụ tập lực lượng làm hậu thuẫn, ngày đêm suy nghĩ, đem hết tâm lực tinh thần, thức dậy nói việc đó, nằm xuống mơ thấy việc đó, từ đó mà rát môi bỏng lưỡi, hao tổn tinh thần để du thuyết, trở lên trên thì xưng tụng sự nghiệp của Tam hoàng Ngũ đế để khiến người ta vui thích, trở xuống dưới thì trình bày đề cao mưu lược của Ngũ bá và các danh sĩ để nói rõ việc đó. Chầu sớm lui muộn, ra sức khuyên răn những người chủ trương công phạt, nói hết lời để thuyết minh đạo lí phản đối công phạt. Dùng đủ mọi cách để khuyên bảo mà vẫn không ích gì, thì đành dùng vũ lực để uy hiếp bên địch. Ngược lại dùng binh lực thì nhất định sẽ tranh đấu, thực chất của tranh đấu thì nhất định là giết người, là giết dân

---

Chú thích: *Bài này là lời của Binh gia, bác bỏ thuyết "cứu thủ" (cứu trợ tự vệ), cho rằng chủ trương "cứu thủ" chính là làm trở ngại công việc điếu dân phạt tội của nghĩa binh, kết quả là giúp Kiệt Trụ làm điều bạo ngược.* Cấm tắc *tức là cấm chỉ việc gây trở tắc.*

vô tội mà làm hưng vượng kẻ vô đạo và kẻ bất nghĩa. Sự tồn tại của kẻ vô đạo chính là sự nối dáo cho kẻ xấu trong thiên hạ, còn việc tốt trong thiên hạ thì bị kìm nén. Dẫu có gặp may đắc thắng, thì họa hoạn cũng đã bắt đầu phát triển. Pháp lệnh của tiên vương nói rằng: "Người làm việc tốt thì được thưởng, người làm việc xấu thì bị phạt". Đó là đạo lí xưa nay, không thể thay đổi. Ngày nay không phân biệt chính nghĩa hay phi nghĩa, cứ một mực chủ trương tự vệ, thì sự bất nghĩa càng nghiêm trọng. Việc gây hại đến trăm họ trong thiên hạ, không có gì nghiêm trọng hơn thế. Cho nên chỉ chủ trương công phạt thì không được, mà lên án công phạt cũng không được, chủ trương tự vệ thì không được, mà lên án tự vệ cũng không được. Có chăng, chỉ có quân nhân nghĩa là có thể dùng được. Quân đội nếu là quân nhân nghĩa, thì công phạt cũng được mà cứu trợ tự vệ cũng được. Quân đội nếu không phải là quân nhân nghĩa thì công phạt cũng không được mà cứu trợ tự vệ cũng không được. Nếu như sớm có nghĩa binh giết chết Kiệt Trụ thì Kiệt Trụ cũng không đến nỗi may mắn mà bạo ngược vô đạo đến mức quá đáng. Ngô Vương Phù Sai và Trí Bá Dao cũng không đến nỗi gặp may mà xâm đoạt đến mức ấy; Tấn Lệ Công, Trần Linh Công và Tống Khang Vương cũng không đến nỗi bất thiện đến mức đó. Giả sử cho Kiệt Trụ biết trước rằng nhất định sẽ bị nước mất thân chết, không người nối dõi, thì chẳng biết việc làm vô đạo của họ liệu có thể đến mức ấy không. Giá như Ngô Vương Phù Sai, Trí Bá Dao biết rằng chắc chắn nước sẽ thành đống gạch vụn, còn bản thân thì bị giết hại, thì chẳng biết

sự làm việc xấu và xâm đoạt không hề chán của họ có đến mức như vậy không. Tấn Lệ Công nếu biết sẽ bị chết ở nhà họ Trương Lệ, và Trần Linh Công nếu biết sẽ chết ở nhà Hạ Trưng Thư, còn Tống Khang Vương nếu biết nhất định sẽ chết ở đất Ôn thì chẳng biết họ làm việc xấu có đến mức như vậy không. Bảy con người đó làm nhiều việc vô đạo bất nghĩa, số người vô tội bị họ tàn sát không chỉ tính hàng vạn. Những người bị sát hại, hoặc cường tráng khỏe mạnh, hoặc già hoặc trẻ, hoặc mới lọt lòng mẹ, làm tắc kín cả bình nguyên, làm tắc nghẽn cả khe sâu hang rộng, làm tắc trở cả sông lớn, xác chất đầy ngòi rãnh. Lại còn bắt trăm họ xông vào nơi hiểm trở, giáp mặt với gươm đao, lại thêm tai họa đói rét cơ hàn, để đến nỗi các vua chúa hôn loạn thời nay hành động càng thêm ghê gớm, cho nên xác chất xương phơi không sao kể xiết, thây người chồng đống thành "Kinh khâu" sánh ngang với núi cao gò lớn. Các vị vua trung hưng cùng các bậc cao sĩ nhân nghĩa trên đời ngẫm nghĩ sâu xa về tình trạng đó, vừa đau lòng vừa xót xa. Khảo sát nguồn gốc xảy ra tình trạng đó, là do những người hữu đạo bị phế bỏ, còn kẻ vô đạo thì mặc sức làm bậy. Kẻ vô đạo làm bậy nhưng chúng lại gặp vận may. Bởi thế tai ương hoạn nạn trên đời, không ở chỗ chủ trương tự vệ, mà ở chỗ kẻ bất tiếu có cái may mắn là không bị nghĩa binh công phạt; thuyết cứu trợ tự vệ vừa đề ra, thì những kẻ bất tiếu lại càng may mắn, mà các bậc hiền giả thì càng thêm nghi hoặc. Bởi thế điều gây loạn lớn cho thiên hạ chính là ở chỗ không phân biệt sự công phạt hay tự vệ có phải là chính nghĩa hay không mà cứ mù quáng ra sức chủ trương cứu trợ tự vệ vậy.

HOÀI SỦNG

Thiên thứ năm nói rằng:

Phàm là luận thuyết của người quân tử, đều chẳng phải là sự biện luận gượng gạo; nghị luận của bậc sĩ nhân cũng chẳng phải là lời nói quấy quá xong chuyện một cách vô trách nhiệm. Nhất định phải phù hợp đạo lí thì mới nói, nhất định phải phù hợp với nhân nghĩa thì mới bàn. Cho nên luận thuyết nhân nghĩa mà vương công đại nhân càng thêm yêu thích đạo lí, sĩ dân trăm họ cũng càng thêm tuân theo nhân nghĩa. Nhân nghĩa đạo đức được sáng tỏ, thì mọi ngón bạo ngược gian trá xâm đoạt sẽ thất bại.

Bạo ngược gian trá trái hẳn với nhân nghĩa đạo đức, hai thứ không thể chung sống bên nhau. Bởi thế khi quân đội chính nghĩa tiến vào đất địch thì dân nước địch biết mình được che chở, trăm họ biết mình được sống rồi, không lo chết nữa. Nghĩa quân đến ngoại ô của đô thành, chẳng cướp bóc ngô lúa, chẳng bới đào mồ mả, chẳng chém đẵn cây cối, chẳng đốt thiêu của cải tích lũy được, chẳng phóng hỏa đốt nhà, chẳng cướp bắt lục súc. Bắt được tù binh thì xét rõ họ tên đăng kí sổ sách rồi phóng thích về nhà, để tỏ rõ thái độ của nghĩa quân tin ở dân lành, chỉ ghét bạo chúa, ước hẹn với dân bằng tín nghĩa, và bằng tín nghĩa như vậy mà đoạt được lòng dân, khiến kẻ địch mất chỗ dựa. Làm

---

Chú thích: *Sủng là ân sủng. Nghĩa binh điếu dân phạt tội, muôn dân nhớ mãi công ơn của nghĩa binh.*

như vậy rồi, nếu còn có người nào không nghe theo, không hối cải lòng đố kị, thì áp dụng vũ lực với những người đó cũng được.

Nghĩa quân trước hết phát ra hiệu lệnh rằng: "Nghĩa quân đến đây, mục đích là để cứu vớt số mệnh của muôn dân. Vua các người vô đạo kiêu căng lười biếng, lại tham lam tàn bạo, ức hiếp muôn người, ngang ngược chuyên quyền, xa rời thánh chế, ngạo mạn sỉ nhục tiên vương, hủy báng điển mô thời trước, trên chẳng thuận ý trời, dưới chẳng gia ân cho dân, sưu thuế nặng nề vô độ, vơ vét của cải không chán, giết người vô tội, khen thưởng bất công. Kẻ như vậy, là cừu địch của muôn dân Trời đang muốn diệt, không đáng làm vua. Nay nghĩa quân đến đây, sắp giết kẻ không xứng đáng làm vua kia, trừ khử cừu địch của dân, thuận theo đạo Trời. Trong muôn dân nếu có kẻ nào dám trái đạo Trời mà cứu trợ cho cừu địch của dân, thì bản thân sẽ bị giết và cả nhà chịu tội tru di, quyết không tha thứ. Nếu ai khiến được cả nhà nghe theo nghĩa quân thì cả nhà đều được bổng lộc, khiến được cả lữ (gồm hai mươi lăm nhà) đều nghe theo nghĩa quân, thì người trong cả lữ đều được bổng lộc, khiến được cả hương (một vạn hai ngàn năm trăm nhà) đều theo nghĩa quân thì người trong cả hương được cấp bổng lộc, khiến một ấp (ba mươi hai nhà) nghe theo nghĩa quân, thì người cả ấp được bổng lộc, khiến cả nước nghe theo nghĩa quân, thì người trong cả nước được bổng lộc." Cho nên đánh hạ một nước thì đừng gia tội đến cả nhân dân nước ấy, chỉ giết những kẻ đáng tru diệt mà thôi. Còn cất nhắc những kẻ sĩ tài năng của họ, phân phong hầu tước cho

họ, tuyển những người hiền lương trong bọn họ mà cho hưởng hiển vinh tôn quý, tìm những người cô quả trong dân mà cứu vớt về, phát hiện những bậc già nua tuổi tác trong dân mà tôn trọng cung kính, tăng bổng lộc cho họ, nâng bậc quan chức cho họ, thẩm xét những người vô tội mà bị tên vua vô đạo giam cầm tù ngục để mà phóng thích họ, phân phát tiền kho, tán phát thóc kho cho họ để vỗ yên trăm họ, không chiếm những thứ thóc tiền ấy làm của riêng. Lại hỏi han từ đường thần xã của họ, nếu trăm họ chẳng muốn phế bỏ xã chủ của họ, thì khôi phục tế tự, và cúng tế cho lễ phép hơn. Làm như vậy, thì những người hiền minh được quang diệu thanh danh, mà người già nua tuổi tác đều yêu thích lễ tiết của nghĩa quân, trăm họ nhớ ơn nghĩa quân.

Nay có người ở đây, uy lực đủ để có thể khiến một người sắp chết lại được sống, cũng có thể khiến một người chết, mà mọi người trong thiên hạ đều cứ khăng khăng tranh đến phục vụ người ấy. Những người được nghĩa quân làm sống lại từ cõi chết sẽ càng nhiều, hỏi có ai là không mừng rỡ? Cho nên nghĩa binh vừa đến, thì nhân dân nước láng giềng kia quy phục theo nghĩa quân, nhân dân các nước bị hỏi tội kia đều mong mỏi nghĩa quân như con mong cha mẹ, quân đội đi chinh chiến càng xa, thì lòng dân theo về từ ngày xửa ngày xưa càng nhiều hơn. Chẳng đợi phải giao chiến mà nhân dân quy phục nhanh chóng như đã được giáo hóa từ lâu.

VIII TRỌNG THU KỈ - LUẬN UY - GIẢN TUYỂN - QUYẾT THẮNG - ÁI SĨ

TRỌNG THU KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng thứ hai mùa thu: Mặt Trời ở vị trí của sao Giốc. Buổi chiều hôm sao Khiên Ngưu ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Tư Tủy ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Canh Tân (phương tây). Vị đế vương ứng với tháng này là Thiếu Hão. Vị thần ứng với tháng này là Nhục Thu. Động vật tiêu biểu tháng này là loài thú có lông mao. Thanh âm tháng này là Thương. Âm luật tháng này hợp với Nam Lã (một trong Lục Lã). Con số ứng với tháng này là 9 (số của Thiếu Âm). Vị tương ứng tháng này là vị cay. Mùi tương ứng tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này ở cửa. Lúc tế tự, trước hết dâng gan (can). Tháng này có gió Tây nam. Tháng này, chim mùa bay về. Én đã bay đi. Lũ chim không ăn hết thức ăn mà cất trữ một ít. Tháng này, Thiên tử ở trong phòng giữa của nhà hướng tây, ngồi binh xa,

---

Chú thích: *Trọng thu là tháng Tám lịch nhà Hạ.*

thắng xe bằng ngựa lông trắng bờm đen, trên xe có cờ trắng. Thiên tử mặc áo trắng, đeo ngọc trắng làm đồ trang sức, ăn cháo và thịt chó. Đồ tế khí có góc cạnh, hơn nữa rất sâu.

Tháng này, đi dưỡng người già yếu. Ban gậy chống cho người già, ban cháo cho họ. Thiên tử ra lệnh cho quan chưởng quản trang phục sửa soạn xiêm áo, hoa văn thêu theo quy định, có các cỡ lớn bé, dài ngắn, số lượng áo mặc phải theo quy định khi xưa, mũ và thắt lưng cũng theo quy định. Thiên tử lại ra lệnh cho Hữu ti nghiêm xét tất cả các hình án, chém giết phải đáng tội, không được để oan uổng, nếu có trường hợp oan uổng hoặc không thỏa đáng thì trái lại sẽ gánh chịu tai ương do oan quỷ gây ra.

Tháng này, Thiên tử ra lệnh cho quan Tể quan Chúc (những vị quan chưởng quản việc nuôi các súc vật dùng trong tế tự) kiểm tra xem xét các vật hi sinh: Xem chúng có bị khuyết tổn gì không, xem xét thức ăn của chúng, xem chúng béo hay gầy, xem kĩ màu sắc lông tơ của chúng, nhất thiết phải so với những con vật đồng loại; đo độ lớn bé, dài ngắn của chúng, tất cả đều phải hợp tiêu chuẩn. Đủ số, béo gầy, màu sắc, lớn bé, dài ngắn, hoàn bị thỏa đáng, tiến dâng lên Thượng đế hưởng dùng. Thiên tử tiến hành nghi lễ Na, xua đuổi các điềm triệu bất tường, ngăn chặn tà bệnh thông với khí thu. Nếm cháo với thịt chó, và trước hết đem các vật này hiến vào tẩm miếu.

Tháng này có thể bồi đắp các bức tường thành nội, thành ngoại, kiến tạo đô thành. Đào lỗ thông nước, đào hầm trữ thóc, sửa sang các kho lẫm hình vuông

hình tròn. Thiên tử lại ra lệnh cho Hữu ti đến đốc thúc dân chúng thu hoạch cất giấu mùa màng, ra sức tích chứa rau dưa, tích lũy thêm các thứ. Lại khuyến khích dân chúng trồng lúa mạch, không để lỡ thời vụ, những ai không chịu làm các việc đó thì xử phạt ngay không chậm trễ.

Tháng này có tiết Thu chí (từ đây bắt đầu ngày ngắn đêm dài). Không có sấm nữa. Các động vật ngủ đông tăng thêm đất ở cổng hang của chúng. Âm khí ngày một nhiều lên, dương khí ngày càng sút kém, nước bắt đầu khô kiệt. Hôm Thu chí ngày và đêm dài bằng nhau, vào lúc này đồng nhất các tiêu chuẩn trượng thước phủ chung khiến cho đòn cân quả cân đều công bằng, hiệu chỉnh các tiêu chuẩn trọng lượng như quân, thạch, thống nhất tiêu chuẩn các vật đong.

Tháng này, phải sửa sang quan ải và chợ búa, tập hợp các người buôn rong ngồi bán, tiện lợi cho dân. Người tứ phương đến, người nông thôn xa về, thì của cải đều không thiếu. Thiên tử có đủ vật dụng, mọi việc đâu vào đấy. Phàm làm việc gì cũng không trái đạo Trời, phải thuận thiên thời, phải theo sự loại.

Tháng trọng thu này nếu thời tiết bình thường, thì cả tháng có ba tuần Bạch lộ (sương trắng). Nếu tháng này mà xảy ra thời tiết mùa xuân thì sẽ không có mưa thu, cỏ cây vẫn tươi tốt, nước nhà có tai biến lớn. Nếu xảy ra thời tiết mùa hè, thì nước có hạn to, động vật ngủ đông không ẩn náu, ngũ cốc lại lên mộng. Nếu xảy ra thời tiết mùa đông, thì liên miên gió bão, sấm sắp thu lại nổ ra sớm, cỏ cây sớm bị khô héo.

LUẬN UY

Thiên thứ hai nói rằng:

Nghĩa là kỉ cương của mọi việc, vua tôi trên dưới thân sơ đều do nghĩa mà sinh ra, trị loạn yên nguy thắng bại đều do nghĩa quyết định. Thắng được kẻ địch, đừng cầu ở thế lực nào khác, hãy trở lại tìm ở chính mình.

Thường tình người ta đều muốn sống và ghét chết, muốn vinh và ghét nhục. Đạo tử sinh vinh nhục mà thống nhất, thì tướng sĩ ba quân có thể đồng lòng vậy.

Phàm quân đội đều muốn đông đảo, lại cũng muốn đồng lòng. Ba quân mà cùng một lòng thì có lệnh ban ra có thể khiến trở thành vô địch. Lệnh mà có thể vô địch, thì quân đội ấy là vô địch trong thiên hạ. Quân đội giỏi nhất thời xưa, chính là dân tôn trọng mệnh lệnh đó, lấy thiên hạ làm trọng, lấy Thiên tử làm quý. Mệnh lệnh mà giấu kín được vào trong lòng dân, hiện nhanh lên da thịt, đào sâu giữ bền (quan hệ cực kì sâu sắc), do đó mà kiên trì không lay chuyển, ngoại vật không dao động được tâm trí họ. Được như vậy thì kẻ địch làm sao mà thắng nổi? Bởi vậy cho nên nói rằng quân đội mà mệnh lệnh có hiệu lực, thì kẻ địch sẽ trở nên yếu; mệnh lệnh mà được chấp hành, thì kẻ địch phải khuất phục. Đã

Chú thích: *Chữ* luận *trong tiêu đề có lẽ là chữ* dụ *, nghĩa là chiêu dụ. Thiên này nói rõ quân đội như thế nào thì có thể biểu dương uy lực đó với kẻ địch.*

thắng ở cái này (ở việc quán triệt mệnh lệnh), thì ắt thắng ở cái kia (kẻ địch) vậy.

Phàm binh khí, đều là hung khí trong thiên hạ. Dũng là hung đức (đức xấu) của thiên hạ. Cầm hung khí lên thi hành hung đức, là do bất đắc dĩ mà dùng vậy. Cầm hung khí lên ắt phải giết chóc, giết chóc kẻ vô đạo là để cứu sống hữu đạo; thi hành hung đức ắt phải ra oai, ra oai là để cho kẻ địch khiếp sợ. Kẻ địch khiếp sợ, dân được cứu sống, đó là cái lẽ khiến nghĩa binh được quý trọng. Bởi thế quân đội giỏi nhất thời xưa, còn chưa tụ tập những người dân tài giỏi, mà quân uy đã truyền rộng đến kẻ địch, kẻ địch đã khiếp phục, hà tất còn phải gióng trống lên mà động can qua làm gì? Cho nên, người khéo biểu dương uy lực, thì trước khi phát động, trước lúc thông đạt, bao giờ cũng âm thầm lặng lẽ, không để người ta biết được thực trạng, như vậy mới gọi là uy lực đích thực.

Phàm dùng binh đều muốn nhanh chóng trước. Muốn nhanh chóng chiếm trước, ấy là vì hiểu rõ sự phân biệt giữa chậm chạp theo sau và mau chóng chiếm trước. Nhanh chóng chiếm trước, đó là điều quyết định thắng lợi của binh gia. Đất chết không thể ở lâu. Biết rằng đất chết không thể ở lâu, thì phải thoát khỏi tử địa thật nhanh, nhanh như thỏ chạy, nhạn bay vậy. Dẫu có Trường Giang, Hoàng Hà hiểm trở cũng vượt qua, dẫu có núi cao nghẽn lối thì cũng đạp bằng, nín hơi im tiếng, chuyên tâm trí chí, không chút do dự, mắt không nhìn thấy gì khác, tai không nghe thấy gì khác, một lòng một ý vì hành

động quân sự. Nhiễm Thúc thề tử chiến ở Điền Hầu, khiến cả nước Tề sợ hãi; Dự Nhượng quyết tử chiến với Triệu Tương Tử, mà Triệu gia phải kinh hoàng; Thành Kinh liều chết với Hàn Vương mà người nước Chu đều sợ. Các nước nhỏ mà còn như vậy, huống chi là nước lớn vạn thặng (có muôn cỗ binh xa)? Chỉ cần thực lòng muốn làm, hỏi có ai địch nổi. Gươm giáo chưa chạm, mà mong muốn đã thực hiện. Kẻ địch lo lắng sợ hãi, tinh thần của chúng đều tiêu tan, hồn phách thất tán như điên cuồng, tinh thần phân li với thể xác, đi chẳng biết đi đâu, chạy chẳng biết chạy đến phương nào. Dẫu có địa thế hiểm trở xung yếu có khí giới bén nhọn, song tâm không dám bám, ý không dám ở, đó chính là nguyên nhân khiến Hạ Kiệt phải chết ở Nam Sào vậy. Nay đem gỗ đánh gỗ thì gỗ bị đánh phải vỡ, đem nước chọi nước thì nước bị chọi sẽ phải rạt đi, đem băng ném vào băng thì băng sẽ chìm, đem bùn vứt xuống bùn thì bùn sẽ lõm. Đó chính là do cái thế nhanh chậm trước sau khác nhau vậy.

Then chốt lớn của việc dùng binh là phải biết rõ điều kẻ địch không mưu tính đến và không thể cấm ngự được. Chuyên Chư chế ngự được Ngô Vương Liêu chính là do xuất kì bất ý, một tay vung kiếm chém chết Ngô Vương, nữa huống chi là quân nhân nghĩa, nhiều thì phải mấy vạn, ít thì phải mấy ngàn, dấu chân dày kín mặt đường hết lối kẻ địch tiến thoái, Chuyên Chư làm sao có thể so được?

GIẢN TUYỂN

Thiên thứ ba nói rằng:

Trên đời có người nói: "Xua dân phố đi đánh trận, có thể đánh thắng được cả đám quân lính có bổng lộc hậu và huấn luyện kĩ, dân chúng già yếu mỏi mệt có thể đánh thắng tinh binh tráng sĩ của địch; đám tàn binh và tù binh ô hợp có thể đánh thắng hàng trận chỉnh tề của quân địch; cuốc cào gậy gộc có thể đánh thắng giáo dài gươm sắc của kẻ thù". Đó là luận thuyết của những kẻ bất thông binh pháp. Nay có một thanh gươm sắc ở đây, dùng để đâm mà đâm chẳng trúng, dùng để chém mà chém không tin, thì thanh gươm sắc ấy với thanh kiếm cùn có khác gì nhau. Thế nhưng đi đánh trận, dùng kiếm cùn thì không được. Binh lính tinh nhuệ kén chọn kĩ càng, khí giới sắc bén, nhưng phát động không đúng lúc, điều hành không thỏa đáng, thì so với binh hèn tướng nhát cũng chẳng khác gì. Thế nhưng muốn đánh trận, mà dùng binh hèn tướng nhát thì không được. Vương tử Khánh Kị, Trần Niên (tuy không có cách gì dùng kiếm) lại còn muốn kiếm được sắc. Kén chọn binh lính tinh nhuệ, cấp cho binh khí sắc bén, bổ nhiệm các tướng lĩnh tài giỏi chỉ huy, thời xưa đã từng có người dựa vào đó mà xưng vương xưng bá

Chú thích: *Giản, đồng nghĩa với tuyển. Giản tuyển nghĩa là kén chọn. Bài này chủ yếu nói rõ tác chiến cần phải kén chọn sĩ tốt và khí giới tinh nhuệ sắc bén.*

được. Như Thương Thang, Chu Vũ, Tề Hoàn, Tấn Văn, Ngô Hạp Lư chính là như vậy.

Vua Ân Thang có bảy mươi cỗ binh xa tinh chế, có đội cảm tử sáu ngàn người, ngày Mậu Tí tác chiến ở đất Thành, bắt được hai đại thần Thôi Di và Đại Hi, bắt đầu từ việc chiếm lĩnh đất Minh Điều, rồi tiến vào cửa Nam Sào, diệt được nhà Hạ. Sau khi Hạ Kiệt chạy trốn và bị bắt, Ân Thang bèn thi hành đại nhân đại từ để vỗ yên trăm họ. Làm trái ngược với chính sách tàn bạo của Hạ Kiệt, hợp với lòng mong muốn của các bậc hiền lương cùng trăm họ, mọi người xa gần đều quy thuận, nhờ thế mà xưng vương được trong thiên hạ.

Vũ Vương có ba ngàn dũng sĩ, ba trăm cỗ binh xa kén chọn, hẹn với Giao Cách ngày Giáp Tí đánh Ân mà đã bắt sống được Ân Trụ ở cánh đồng Mục Dã. Sau đó Vũ Vương bèn khiến những người hiền lương được hiển vinh, cho Chu Công tiến cử các di lão nhà Ân, tìm hỏi những điều dân mong mỏi. Đến cả cầm thú có công cũng được ban thưởng, đến Thiên tử (Thương Trụ) mà có tội đáng phạt cũng bị trừng phạt. Gần gũi những người của nhà Ân cũng như người nhà Chu vậy, đối xử với người khác chu đáo như đối với mình. Người trong thiên hạ ca ngợi đức hạnh của Vũ Vương, muôn dân xưng tụng đạo nhân nghĩa của Vũ Vương, nên Vũ Vương được lập làm thiên tử.

Tề Hoàn Công có ba trăm cỗ binh xa tinh chế, có một vạn quân lính được huấn luyện kĩ, làm quân tiên phong, hoành hành trong hải nội, thiên hạ không ai ngăn nổi, phía Nam đánh đến Thạch Lương, phía

tây đánh đến Phong Quách, phía bắc đánh đến Lệnh Chi. Nước Trung Sơn công hãm đô thành của nước Hình, người Địch đã diệt nước Vệ, Tề Hoàn Công lập lại nước Hình ở Di Nghi, lập lại nước Vệ ở Sở Khâu.

Tấn Văn Công chế ra năm cỗ xe cờ đợi gió, bộ binh tinh nhuệ ngàn người làm tiên phong, chư hầu không ai địch nổi. Khi quân Tấn bỏ việc vây Trịnh mà lui binh, đã phá dỡ tường thấp quanh thành Trịnh, lại bắt nước Vệ đắp lại bờ ruộng theo hướng Đông - Tây để tiện cho nước Tấn vận hành binh xa. Đã triều kiến Thiên tử tại Hành Ung.

Ngô Vương Hạp Lư kén năm trăm đại lực sĩ và ba ngàn người nổi bật trong đám sĩ tốt làm tiên phong, đánh nhau với Sở, đánh năm trận thắng cả năm, chiếm được kinh đô Sở là Sính. Đông chinh đến tận Tỉ Lô, tây phạt đến tận Ba Thục, phía bắc áp sát Tề Tấn, hiệu lệnh thi hành khắp toàn cõi Trung Hoa.

Cho nên nói rằng: phàm là binh thế hiểm trở, đều muốn làm cho tiện lợi; vũ khí trang bị đều muốn cho sắc bén; chọn lựa nhân tài đều muốn cho tinh nhuệ; thống suất sĩ dân đều muốn cho họ được huấn luyện đến nơi đến chốn. Bốn phương diện đó, chính là giúp cho nghĩa binh. Thời cơ không thể không chờ đợi, song không thể chỉ một mực chờ đợi thời cơ mà không lo chuẩn bị gấp rút nhất. Kén chọn tinh nhuệ chính là một phương sách lớn để đánh thắng địch vậy.

QUYẾT THẮNG

Thiên thứ tư nói rằng:

Phàm là quân đội, có mấy điều căn bản: phải nghĩa, phải trí, phải dũng. Nghĩa, thì kẻ địch sẽ cô lập, chẳng có ai giúp đỡ, kẻ địch cô lập chẳng ai giúp đỡ thì vua tôi chẳng đồng lòng, muôn dân li tán. Cô lập chẳng ai giúp đỡ thì cha con oán hận, người hiền lương chê trách, rối loạn sẽ từ trong nội bộ nổi lên. Trí, thì biết được thời thế biến hóa, biết được thời thế biến hóa thì hiểu lẽ biến đổi hư thực thịnh suy, biết được phép trước sau, xa gần buông nắm. Dũng, thì quyết đoán, quyết đoán thì có thể giống như sấm chớp gió mưa bão tố, có thể giống như núi lở đất sụt, có thể phân biệt được biến đổi. Khác nào chim cắt vồ mồi, chộp đúng đối phương, đối phương chỉ có chết, bổ xuống gỗ, gỗ chỉ có nát. Đó chính là do nghĩa, trí, và dũng mà có được.

Dân chẳng người nào luôn luôn dũng mãnh can đảm, cũng chẳng có người nào luôn luôn hèn nhát khiếp đảm. Có tinh khí nâng đỡ thì vững chắc, vững chắc thì sẽ dũng cảm. Không có tinh khí nâng đỡ thì rỗng tuếch, rỗng tuếch thì hèn nhát. Rỗng hay chắc, dũng cảm hay hèn nhát, duyên do rất kín đáo, không thể không tìm hiểu. Dũng cảm thì có thể tác chiến, khiếp đảm thì sẽ

Chú thích: *Bài này bàn về phương pháp quyết thắng. Quân đội phải nghĩa, phải trí, phải dũng, lại biết lợi dụng công sự hiểm yếu của địch cho mình, lợi dụng trí mưu của địch cho mình, thì chắc chắn giành được thắng lợi.*

thất bại. Đánh mà thắng, trên thực tế là dũng khí của người ấy đánh thắng. Đánh mà thua, chính là sự hèn nhát của người ấy đánh thua. Hèn nhát và dũng khí đều không phải cái cố định. Trong chớp mắt, chúng có thể biến đổi, không ai biết được cái lẽ biến đổi ấy, duy có thánh nhân mới nhìn thấy rõ cái nguyên nhân sinh ra nó, cho nên Thương Chu vì thế mà hưng khởi, Kiệt Trụ vì thế mà diệt vong. Khéo và vụng sở dĩ khác nhau, là ở chỗ nâng cao được dân khí hay là đánh mất dân khí, khiến cho mọi người đấu hay là không khiến được mọi người đấu. Quân đội tuy lớn, binh sĩ tuy đông, (song nếu không khiến được mọi người đấu) thì cũng chẳng có ích gì cho việc giành thắng lợi. Quân đội lớn, sĩ tốt đông mà không đánh chác được thì đông còn không bằng ít. Người đông thì phúc lớn mà họa cũng lớn. Giống như đánh cá ở vực sâu, bắt được cá lớn song nguy hiểm cũng lớn. Người giỏi dùng binh, thì ở trong biên cảnh, chẳng có người nào không vì người ấy mà chiến đấu; ngay cả đến những kẻ nô lệ tạp dịch không hề có võ nghệ, trong vòng mấy trăm dặm đều vì người ấy mà chiến đấu, tình thế khiến họ như vậy. Tình thế là kết quả của việc ông vua sau khi thẩm sát dân khí mà khéo lôi kéo dẫn dắt vậy.

Phàm quân đội tác chiến, quý ở chỗ biết lựa thế dẫn dắt. Lựa tức là dùng cái hiểm trở của địch để củng cố mình, đối với mưu lược của địch thì tương kế tựu kế. Biết nắm lấy cái thế để khiến nó có lợi cho mình thì chẳng bị thất thế, không bao giờ thất thế thì có thể gọi là thần, thần thì bất khả chiến thắng. Tác chiến thì điều đáng quý là ở chỗ bất khả chiến thắng. Bất khả

chiến thắng là ở chính mình, còn cái khả chiến thắng là sự hèn nhát của phía địch. Thánh nhân nhất định để ý tìm kiếm cái đạo thủ thắng, chứ không để ý tình hình của đối phương. Cho nên có được cái biện pháp bất khả chiến thắng để tác chiến với nước địch khả chiến thắng, thì trận đánh ấy không có khả năng thất bại. Phàm thắng lợi của quân mình thì là thất bại của quân địch. Quân đội thắng lợi ắt là phải ẩn (ẩn náu), ắt là phải vi (kín đáo), ắt là phải tích (dồn tụ), ắt là phải đoàn (nắm lại). Ẩn náu thì thắng được lộ liễu, kín đáo thì thắng được rõ rệt, tích tụ thì thắng được rời rạc, nắm lại thì thắng được xòe ra. Những loài dã thú nắm vồ húc cắn, bằng răng bằng sừng bằng vuốt bằng nanh, ắt nhờ vào sự ẩn náu kín đáo mà giành được thắng lợi.

ÁI SĨ

Thiên thứ năm nói rằng:

Mặc, là vì người ta rét; ăn, là vì người ta đói. Đói rét là mối hại lớn của người ta. Cứu người ta khỏi đói rét, đó là nghĩa. Người ta cùng khốn, còn nghiêm trọng hơn đói rét, cho nên hiền chúa ắt thương người khốn, ắt xót người cùng. Mà làm như vậy, thì thanh danh của thánh

---

Chú thích: *Tác giả chủ trương rằng người cầm quân nên yêu quí sĩ dân của mình, như vậy sĩ dân mới vui lòng tử chiến vì mình, mà có thể tử chiến hay không, đó chính là then chốt của sinh tử tồn vong.*

vương được tỏ rõ, và người quốc sĩ cũng đã có.

Xưa Tần Mục Công xa giá ra đi nhưng xe bị hỏng. Con ngựa bên phải lạc mất, bị người rừng bắt. Mục Công thân hành đi tìm, nhìn thấy người rừng ở phía nam núi Kì Sơn đang ăn thịt con ngựa ấy. Mục Công than rằng: "Ăn thịt tuấn mã mà chẳng hề uống rượu, ta e rằng nó làm hại sức khỏe các người!" Bèn mời họ uống rượu rồi mới ra về. Năm sau, Tần Mục Công đánh trận Hàn nguyên với nước Tấn, quân Tấn đã vây được xe của Mục Công. Lương Do Mị nước Tấn đã túm được con ngựa bên trái của xa giá Mục Công. Xà ích cánh phải của Tấn Huệ Công là Lộ Thạch đã vung binh khí ném trúng giáp trụ của Mục Công; sáu mảnh lá giáp đã bị đánh trúng. (Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc ấy), đám người rừng đã từng ăn thịt ngựa năm trước ở phía Nam núi Kì Sơn có đến ba trăm người dốc sức vì Mục Công mà quyết chiến dưới xe, rồi đại thắng quân Tấn, bắt được Tấn Huệ Công mà về. Đó chính là điều mà Kinh Thi đã nói: "Quân quân tử tắc chính, dĩ hành kì đức; quân tiện nhân tắc khoan, dĩ tận kì lực" (nghĩa là: làm vua người quân tử thì dùng pháp lệnh công bằng, để phát huy cái đức của họ; làm vua kẻ hèn mọn thì khoan dung, để họ dốc hết sức lực) Vua có thể nào không chăm lo thi hành đức chính yêu thương người dân? Thi hành đức chính thương yêu người dân thì dân coi vua như cha mẹ, coi vua như cha mẹ thì vui lòng chết vì vua.

Triệu Giản Tử có hai con la trắng và rất yêu thương chúng. Dương Thành Tư Cừ ở xóm Quảng Môn, đang đêm gõ cửa yết kiến Giản Tử mà nói rằng: "Gia thần

của ngài là Tư Cừ có bệnh, thầy thuốc bảo kiếm được gan của con la trắng mà ăn thì bệnh sẽ khỏi, không kiếm được mà ăn thì sẽ chết". Môn nhân đi thông báo, Đổng An Vu đang hầu bên Giản Tử, nghe thông báo như vậy liền giận dữ nói: "Chà! Tư Cừ muốn ăn thịt la của chúa ta sao! Xin chúa công hãy trừng phạt hắn!" Giản Tử nói: "Giết người để cho súc vật sống chẳng phải bất nhân ư! Giết súc vật mà cứu sống được người, chẳng phải là nhân sao?" Bèn sai đầu bếp giết con la trắng lấy lá gan đem cho Dương Thành Tư Cừ. Chẳng bao lâu, nước Triệu phát binh đi đánh nước Địch, xóm Quảng Môn, bảy trăm người của xóm Tả và bảy trăm người của xóm Hữu đều tranh nhau lên thành để lấy đầu quân thù đang khoác áo giáp. Làm vua có thể nào không yêu quí sĩ dân của mình được?

Đại phàm kẻ địch đến xâm phạm, mục đích đều là để kiếm lợi. Nay đến mà chỉ có một con đường chết, thì chạy đi vẫn là có lợi. Kẻ địch đều cho rằng chạy trốn là có lợi thì không thể xảy ra chiến trận. Cho nên nói rằng hễ kẻ địch thắng thì nó giành được sự sống nơi ta, còn ta thất bại thì vì kẻ địch mà chết. Kẻ địch chết vì ta, thì ta được sống từ kẻ địch. Được sống từ nơi kẻ địch và kẻ địch được sống từ ta, lẽ nào có thể không khảo sát đến nơi đến chốn? Đó chính là điều sinh diệu của việc dùng binh, chết hay sống còn hay mất đều được quyết định bởi nhận thức về việc đánh thắng địch bằng cái gì.

IX QUÝ THU KỈ - THUẬN DÂN - TRI SĨ - THẨM KỈ - TINH THÔNG

QUÝ THU KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng cuối mùa thu: Mặt Trời ở vị trí của sao Phòng. Buổi chiều hôm sao Hư ở phương chính nam. Buổi sáng sớm sao Liễu ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Canh Tân (phương Tây). Vị đế vương ứng với tháng này là họ Thiếu Hão. Vị thần ứng với tháng này là Nhục Thu. Động vật tiêu biểu tháng này là loài thú có lông mao. Thanh âm tháng này là Thương. Âm luật tháng này hợp với Vô xạ. Con số tháng này là 9. Vị tương ứng tháng này là vị cay. Mùi tương ứng tháng này là mùi tanh. Tế tự tháng này ở cửa. Lúc tế tự, trước hết phải dâng gan. Tháng này, chim đại nhạn trở về như khách. Chim sẻ xuống nước biến thành con sò. Tháng này cúc nở hoa vàng. Chó sói giết chết nhiều chim muông bày cả ra, gọi là "tế thú". Thiên tử ở trong gian phía bắc của nhà hướng tây, ngồi binh xa, thắng xe bằng ngựa lông trắng bờm đen, trên xe có cờ trắng. Thiên tử mặc áo trắng, đeo ngọc trắng làm đồ trang sức, ăn cháo và thịt chó. Đồ tế

Chú thích: *Quý thu, tháng Chín lịch nhà Hạ.*

khí có góc cạnh, hơn nữa rất sâu.

Tháng này ban bố nghiêm lệnh, ra lệnh cho trăm quan và các sắc người, không ai không dốc sức vào thu cất, để thuận với sự thu cất của Trời Đất, không được tản ra. Lệnh cho quan trủng tể, sau khi việc sản xuất nông nghiệp đã hoàn tất, liệt cử các yếu lĩnh của ngũ cốc, đem thu hoạch tịch điền của thiên tử vào cất ở kho thần thương. Việc tế tự thần kì phải đúng.

Tháng này, có tiết Sương giáng. Sương xuống trời lạnh, bách công ngừng nghỉ. Thiên tử ra lệnh cho Hữu ti rằng: "Khí lạnh đã về, sức người ta không chịu đựng nổi, đều phải vào nhà." Ngày đinh thượng tuần, ra lệnh cho quan Nhạc chính dẫn con em công khanh vào nhà quan học, tập thổi tấu nhạc.

Tháng này, cử hành đại tế cúng Hạo thiên Thượng đế, chuẩn bị trước các vật hi sinh, cáo với thiên tử đã sửa soạn đầy đủ. Tháng này hợp với chư hầu, kiềm chế các huyện ngoại thành, định lịch cho năm sau. Mức thuế nặng nhẹ của chư hầu, số lượng tiến cống cho thiên tử, tùy theo địa vực xa hay gần và tình hình đất đai mà định ra một tiêu chuẩn, dùng để cung cấp tế tự giao miếu, không được riêng mình hưởng dụng.

Tháng này, thiên tử ra lệnh săn bắn để luyện tập năm thứ binh khí: đao, kiếm, mâu, kích, tên. Cử hành nghi thức tuyển chọn ngựa dùng trong săn bắn, trong nghi thức đó hai quan Điền bộc và Thất trâu đều đánh xe, chở tinh kì. Những người đón xe săn bắn ai nấy theo cấp bậc bầy xe ở bên ngoài tường bao làm bằng cây cối. Quan Tư đồ dắt chiếc roi ngựa làm bằng vỏ cây lên thắt lưng, mặt hướng bắc mà tuyên thệ. Thiên tử mặc trang phục có thêu hình mãnh cầm, cầm cung lắp tên bắn mấy phát. Ra lệnh

cho quan chưởng từ đặt cầm thú ở bốn phương để tế thần.

Tháng này, cỏ cây úa vàng rụng lá. Có thể chặt củi đốt than. Động vật ngủ đông đều phủ phục trong hang, đều bịt lấp cửa hang. Lại giục các viên quan trông coi nhà giam không được giữ người có tội lại. Đối với những người không nên hưởng thủ bổng lộc và những người không đáng cung dưỡng, thì thu hồi những thứ đã cung ứng cho họ.

Tháng này, Thiên tử phải thử nếm cháo gạo với thịt chó, đem những thứ đó dâng lên tẩm miếu trước.

Thời tiết quý thu nếu như xảy ra khí hậu mùa hè, thì nước có lụt to, các thứ đã cất giấu cũng có thể bị mục hỏng, dân phần nhiều ngạt mũi không thông. Nếu xảy ra khí hậu mùa đông, thì trong nước sẽ có nhiều trộm cướp, biên cảnh không an ninh, đất đai bị các nước láng giềng xâm đoạt, chia cắt. Nếu xảy ra khí hậu mùa xuân, thì có thể có gió ấm thổi tới, muôn dân tâm khí sa sút, nhất định có chiến sự phát sinh.

THUẬN DÂN

Thiên thứ hai nói rằng:

Các tiên vương đều trước hết thuận với lòng dân, cho nên mới công thành danh toại. Những người nhờ đức hạnh mà được lòng dân, từ đó mà lập nên công danh lớn,

---

Chú thích: *Thiên này bàn về việc phải thuận với lòng dân đã rồi mới tiến hành chiến tranh. Đây cũng là lời của Binh gia.*

đời trước có không ít. Còn những kẻ mất lòng dân mà lập được công danh thì chưa từng có. Được lòng dân, có cái cách của nó: dẫu là nước có vạn cỗ binh xa hay là ấp chỉ có trăm hộ, dân chẳng người nào không yêu thích. Được dân yêu thích thì có được dân, người mà dân yêu thích có thể nhiều chăng? Đó chính là then chốt để thu được lòng dân.

Xưa Thang đánh nhà Hạ mà trị vì thiên hạ. Trời làm đại hạn, ngũ cốc thất thu. Thang bèn đem thân mình đến Tang Lâm (Rừng Dâu) để cầu đảo, cầu rằng: "Một mình Thang này có tội, xin đừng lụy đến trăm họ. Dẫu muôn người có tội, thì tội nghiệt ấy một mình Thang này xin gánh chịu, xin đừng vì một mình Thang này bất tài mà để Thượng đế và quỷ thần khiến ngũ cốc thất thu tổn hại đến tính mệnh của dân". Đoạn cắt mái tóc của mình, lấy gỗ bó mười ngón tay của mình lại, đem thân mình làm vật hi sinh để tế thần, để cầu Thượng đế ban phúc cho dân. Dân hết sức vui mừng. Thế là Trời đổ mưa to. Và Thương Thang đã đạt tới cõi chí cực quỷ thần đều hóa, việc người đều thông vậy.

Văn Vương ở đất Kì thờ vua Trụ, bị khinh mạn mà sắc mặt không thay đổi, vẫn giữ hết lễ, sớm tối giữ đúng giờ giấc, cống phẩm dâng lên đều thích hợp, tế tự bao giờ cũng cung kính. Trụ mừng lắm, ra lệnh cho Văn Vương xưng là Tây Bá, ban cho Văn Vương đất vuông ngàn dặm. Văn Vương dập đầu lạy tạ mà từ chối rằng: "Xin cho vì dân mà trừ bỏ hình phạt bào lạc[1]".

---

(1) Bào lạc: *Cực hình do Trụ bày ra. Bôi mỡ lên cột đồng cho trơn, ở dưới đốt than hồng. Bắt tội nhân đi trên đó, trượt chân rơi xuống than hồng, giãy giụa, để làm trò mua lấy nụ cười của Đát Kỷ.*

Văn Vương chẳng phải không muốn được đất phong ngàn dặm, mà là lấy đó xin trừ bỏ hình phạt bào lạc cho dân để tranh thủ lòng dân. Được lòng dân thì còn hơn cả được ngàn dặm đất. Bởi thế nói rằng Văn Vương quả thật là khôn.

Việt Vương khổ vì mối nhục Cối Kê, muốn được lòng dân một cách sâu sắc, nhất quyết một phen tử chiến với nước Ngô. Ngủ không lấy gối chiếu làm yên, ăn không lấy vị béo làm ngon, mắt không nhìn ngũ sắc, tai không nghe ngũ âm chuông trống. Ba năm ròng khổ thân lao lực, khô môi ráo phổi. Đối nội thì thân thiết với quần thần, đối với người dưới thì dưỡng ân trăm họ, nhằm lung lạc nhân tâm. Có thức ngọt vật béo nếu không đủ chia nhau cùng ăn, thì tuyệt nhiên không dám ăn lấy một mình. Có rượu thì đổ xuống sông với dân cùng uống. Tự mình cày lấy mà ăn. Vợ tự dệt lấy vải mà mặc. Cấm của ngon vật lạ, cấm mặc áo quần hai lớp vải, màu sắc không được trên hai thứ, thường ngày đi ra ngoài, dùng xe chở thức ăn, hễ thấy người cô quả già yếu ốm nặng khốn cùng tiều tụy mất nhìn không nỡ, tất tự mình bón cho họ ăn. Bèn hội kiến các đại phu mà bảo rằng: "Ta nguyện cùng nước Ngô đòi hỏi sự công bằng trong thiên hạ để cho hai nước Ngô Việt tàn hại lẫn nhau, sĩ đại phu giày xéo lên gan phổi với các sĩ đại phu nước Ngô cùng chết một ngày, ta với Ngô Vương kề cổ quàng tay vật lộn với nhau cùng cứng đờ thân xác. Đó là điều tâm nguyện lớn nhất của ta. Nếu như không thực hiện được điều tâm

nguyện đó, tự sức nước ta không đủ để diệt nước Ngô kia, và ở bên ngoài các nước chư hầu mà ta kết giao cũng không hại được nước Ngô kia, thì ta sẽ bỏ cả quốc gia, thả các ngươi về, tự mình lấy kiếm chặt tay, biến đổi dung mạo, thay tên đổi họ, tay cầm cái chổi và cái ki hót rác mà làm tôi tớ hầu hạ vua Ngô, cũng quyết cùng Ngô vương tử chiến một phen. Ta dẫu biết rằng sẽ phải đứt lưng lìa cổ, đầu một nơi mà thân một nẻo, hay tay chân rơi rụng chia lìa, bị người thiên hạ chém chết, nhưng cái chí diệt Ngô Vương của ta ắt sẽ thành công". Chính nhờ vậy, về sau quả nhiên giao chiến với Ngô Vương ở Ngũ hồ, đã đánh cho quân Ngô đại bại, sau đó bao vây được cung điện Ngô Vương, cổng thành thất thủ, bắt được Ngô Vương Phù Sai, giết được triều thần nước Ngô, diệt được nước ấy, hai năm sau làm nên nghiệp bá. Đó đều là do trước hết thuận với lòng dân vậy.

Tề Trang Tử xin đánh nước Việt, hỏi ý kiến Hòa Tử. Hòa Tử nói: "Tiên quân có di lệnh rằng: Không được đánh nước Việt , nước Việt là mãnh hổ đó!" Trang Tử nói: "Dẫu nước Việt là mãnh hổ, nhưng nay mãnh hổ đã chết rồi". Hòa Tử đem chuyện đó nói với Hiếu Tử. Hiếu Tử nói: "Tuy đã chết mà vẫn như đang sống". (Vì kết quả giáo hóa hãy còn). Cho nên phàm cử sự, ắt trước hết phải xét xem lòng dân thế nào đã rồi mới hành động.

TRI SĨ

Thiên thứ ba nói rằng:

Bây giờ giả sử có một con thiên lí mã ở đây, nhưng nếu chẳng có ông thầy giỏi xem tướng ngựa, thì vẫn cứ không được phát hiện. Thầy tướng ngựa với thiên lí mã, hai bên phải có nhau thì một bên mới thành thầy tướng giỏi, một bên mới thành ngựa hay. Khác nào như dùi với trống. Kẻ sĩ cũng có thiên lí mã: kẻ sĩ có tiết tháo cao thượng dám chết cho nghĩa cả, đó chính là thiên lí mã trong đám kẻ sĩ. Chỉ có bậc hiền vương (vua hiền) mới có thể khiến kẻ sĩ bộc lộ cái chí thiên lí của mình.

Tĩnh Quách Quân cư xử với Tề Mạo Biện rất tốt. Tề Mạo Biện tính thẳng thắn hay vạch lỗi của người khác, nên môn nhân của Tĩnh Quách Quân đều không ưa. Sĩ Úy khuyên riêng Tĩnh Quách Quân, Tĩnh Quách Quân không nghe, Sĩ Úy vì thế từ tạ bỏ đi. Mạnh Thường Quân cũng khuyên riêng Tĩnh Quách Quân, Tĩnh Quách Quân cả giận nói: "Ta thì diệt sạch cả lũ các ngươi! Hòng li gián nhà ta. Nếu trong các ngươi có kẻ nào sánh kịp được Tề Mạo Biện, thì ta không thể không tiếp thu ý kiến của các ngươi". Thế rồi mời Tề Mạo Biện đến ở ngôi nhà tốt nhất, ra

Chú thích: *Thiên này là lời của Binh gia, nhằm nói lên rằng cần phải hiểu kẻ sĩ và yêu kính họ, chỉ có như vậy họ mới liều chết mà phụng sự quân vương.*

lệnh cho con trưởng của mình hầu hạ cơm nước hàng ngày. Mấy năm sau Tề Uy Vương chết. Tề Tuyên Vương lên ngôi, các bạn của Tĩnh Quách Quân rất không được Tuyên Vương ưa thích. Tĩnh Quách Quân bèn từ tạ Tuyên Vương mà đến đất phong của mình là đất Tiết, ở với Tễ Mạo Biện. Ở chẳng bao lâu thì Tễ Mạo Biện cáo từ Tĩnh Quách Quân mà đi gặp Tuyên Vương. Tĩnh Quách Quân nói: “Nhà vua rất không ưa tôi, ông đi, hẳn là sẽ phải chết ở đó”. Tễ Mạo Biện nói: “Vốn không phải là đi tìm cái sống”. Nhất quyết xin đi. Tĩnh Quách Quân cũng không ngăn lại được. Tễ Mạo Biện đi đến nước Tề, Tuyên Vương nghe nói bèn che giấu vẻ giận dữ đi mà tiếp kiến ông ta. Tễ Mạo Biện bái kiến Tuyên Vương, Tuyên Vương nói: “Khanh được Tĩnh Quách Quân yêu thích lắm phải không?” Tễ Mạo Biện thưa: “Yêu thích thì có yêu thích, có điều là chẳng chịu nghe ý kiến của hạ thần. Khi bệ hạ còn là thái tử, hạ thần đã khuyên Tĩnh Quách Quân: “Thái tử có tướng bất nhân, dái tai nhòm quai hàm, mắt thì chếch xuống dưới, tướng người như vậy ắt sẽ bội phản. Chi bằng phế quách thái tử đi mà lập con nhỏ của Vệ Cơ là Hiệu Sư lên làm thái tử. Tĩnh Quách Quân ứa nước mắt mà nói rằng: ‘Không được, ta không nỡ làm như vậy’ Giá Tĩnh Quách Quân nghe hạ thần mà làm như vậy, thì chắc chắn không đến nỗi mang lấy họa bị đuổi đi như ngày hôm nay. Đó là một việc. Khi đến đất Tiết rồi, tướng nước Sở là Chiêu Dương muốn đem đất rộng gấp mấy lần để đổi lấy đất Tiết. Hạ

thần nói: 'Nhất định nên nghe lời Chiêu Dương đi'. Tĩnh Quách Quân nói: 'Ta thụ phong đất Tiết từ tay của tiên vương , tuy bị hậu vương ghét bỏ, ta biết tâu với Tiên vương thế nào ? Huống chi miếu của tiên vương là ở đất Tiết, ta có thể nào đem giao miếu của tiên vương cho nước Sở được?' Lại một lần nữa không nghe lời hạ thần. Đó là hai việc". Tuyên Vương thở dài, sắc mặt hiện rõ sự cảm động, nói: "Tĩnh Quách Quân một lòng một dạ với trẫm đến như vậy, khi còn trẻ, trẫm quả thật không biết điều đó. Khanh có chịu vì ta mà mời Tĩnh Quách Quân về đây chăng?" Tề Mạo Biện thưa: "Xin phụng mệnh". Tĩnh Quách Quân vào triều, mặc bộ quần áo mà Uy Vương ban, đội chiếc mũ khi xưa Uy Vương ban, mang theo thanh kiếm Uy Vương ban, Tuyên Vương thân hành ra tận ngoại ô nghênh tiếp. Từ xa nhìn thấy Tĩnh Quách Quân, Tuyên Vương đã rơi nước mắt. Tĩnh Quách Quân về đến nơi, Tuyên Vương bèn phong Tĩnh làm tể tướng, Tĩnh Quách Quân từ chối không được, đành phải nhận tướng vị. Được mười hôm, vì ốm mà từ chức, cố từ mãi mà trong ba ngày Tuyên Vương mới đồng ý.

Thuở đó, Tĩnh Quách Quân có thể coi là người rất có chủ kiến, có chủ kiến hiểu rõ con người thì không bị chi phối bởi những lời gièm pha. Đó chính là duyên cớ khiến Tề Mạo Biện có thể vứt bỏ lạc thú cuộc sống mà xông pha vào nơi hoạn nạn vậy.

THẨM KỈ

Thiên thứ tư nói rằng:

Phàm mọi vật như thế nào, đều có nguyên ủy của nó. Không hiểu cái nguyên ủy của nó, thì mặc dầu có lúc cũng có thể xử sự thích đáng, nhưng vẫn có thể có kết quả giống như không thích đáng, rốt cuộc rơi vào khốn quẫn. Sở dĩ các tiên vương, danh sĩ và các vị thầy thông đạt có thể hơn đời, chính là vì họ biết rõ được nguyên ủy của sự việc. Nước từ trong núi chảy ra, chảy đến biển cả, chẳng phải là nước đã chán ghét núi mà muốn ra biển, ấy là vì địa thế cao thấp đã khiến nó như vậy. Hoa màu mọc lên ở ngoài đồng mà thu hoạch về cất ở trong nhà kho, chẳng phải hoa màu có nguyện vọng hay ý đồ gì, mà là do người ta bắt nó phải như vậy. Cho nên Tử Lộ đã bắt được gà rừng mà lại phải thả nó ra.

Tử Liệt Tử có lần bắn trúng, bèn đem việc đó báo cho Quan Doãn Tử. Quan Doãn Tử nói: "Ngài có biết vì sao bắn trúng không?" Tử Liệt Tử nói: "Không biết". Quan Doãn Tử nói: "Không biết vì sao bắn trúng, thì không thể gọi là bắn trúng. Tử Liệt Tử quay về tập luyện ba năm, rồi lại đến thỉnh giáo Quan Doãn Tử. Quan Doãn Tử hỏi: "Ngài đã biết nguyên cớ vì sao mà bắn trúng chưa?" Tử Liệt Tử nói: "Biết rồi". Quan Doãn

---

Chú thích: *Thiên này cũng là lời của Binh gia, nói lên rằng thắng bại là lẽ thường của Binh gia, song nếu thắng mà biết được vì sao thắng, bại mà biết được vì sao bại, thì sẽ không bao giờ khốn quẫn.*

Tử nói: "Thế thì được rồi! Giữ lấy cái đạo lí sở dĩ bắn trúng chứ đừng đánh mất đi nhé!" Chẳng những bắn tên là phải như vậy mà nước còn hay mất bản thân mình hiền hay bất tiếu, đều cùng một lẽ như vậy, thánh nhân không xét kĩ tình hình mất hay còn, hiền hay bất tiếu, mà xét kĩ cái nguyên nhân sản sinh ra kết quả đó.

Tề đánh Lỗ, đòi Sầm đỉnh của Lỗ. Lỗ hầu chở một chiếc đỉnh khác đi để đánh tráo. Tề hầu không tin đó là Sầm đỉnh nên đã trả về. Sai người nói với Lỗ hầu rằng: "Liễu Hạ Quý cho rằng là Sầm đỉnh, xin để cho ông ta nhận lấy nó" Lỗ hầu nói với Liễu Hạ Quý. Liễu Hạ Quý thưa: "Ngài muốn đem Sầm đỉnh thật để hối lộ Tề hầu, hay là muốn tránh họa hoạn cho nước? Tôi cũng có một 'nước', đó là nước thành thật, phá hoại cái 'nước' của tôi để giữ trọn cái nước của ngài, ngài thật khiến tôi khó xử quá" Lúc này, Lỗ hầu mới đem cái đỉnh thật đi. Liễu Hạ Quý có thể gọi là người khéo nói, không chỉ giữ được cái 'nước' thành thật của mình, mà còn giữ được cả nước của Lỗ hầu.

Tề Mân Vương lưu vong, sang ở nước Vệ. Ban ngày lúc đi bách bộ, bèn bảo Công Ngọc Đan rằng: "Ta đã mất nước rồi, mà vẫn không biết vì sao mất. Ta sở dĩ mất nước, rốt cuộc là vì cớ gì nhỉ? Ta đáng phải mất nước chăng?" Công Ngọc Đan thưa: "Thần cho rằng đại vương đã biết rồi đó, đại vương sao có thể chưa biết? Đại vương sở dĩ mất nước, là bởi vì hiền đấy thôi. Kẻ làm vương trong thiên hạ, thảy đều bất tiếu, vì thế căm ghét tính hiền lương của đại vương. Vì thế hẹn nhau hợp binh đánh đại vương. Đó chính là nguyên cớ khiến đại vương phải diệt vong". Mân Vương than rằng: "Hiền

vốn là khổ như vậy ư?" Ông ta vẫn không biết nguyên nhân là vì sao mà mất nước, đó chính là sai lầm của Công Ngọc Đan vậy.

Việt Vương Thụ có bốn người con trai, còn em trai của Việt Vương tên là Dự. Dự muốn giết cả bốn người kia, để mình làm vua. Ba trong số đó, Dự đã xui Thụ giết đi rồi, người trong nước đối với việc đó đều không vui, đều chê trách Việt Vương Thụ. Dự lại ghét cả người thứ tư và muốn giết nó, nhưng Việt Vương không nghe. Người con trai ấy lo rằng mình sẽ bị giết, bèn họp người trong nước lại định đuổi Dự, vây chặt lấy vương cung. Nhưng Việt Vương Thụ thở dài mà rằng: "Ta không nghe lời Dự, đến nỗi mắc phải nạn này". Vẫn không biết mình vì sao mà mất nước.

TINH THÔNG

Thiên thứ năm nói rằng:

Có người nói cây tơ hồng không có rễ. Tơ hồng chẳng phải không có rễ, rễ của nó không thuộc về đất, nó thuộc về phục linh. Nam châm hút sắt, có nam châm thì có thể hút sắt. Cây gỗ mọc gần dây mây, thì dây

---

Chú thích: *Thiên này vẫn là lời của Binh gia, bàn về việc thánh vương có tấm lòng yêu dân và làm lợi cho mọi người, nên tinh thần khi cốt tương thông với dân, vì thế chưa ra quân mà dân chúng đều đã theo về.*

mây sẽ leo bám vào nó. Thánh nhân làm vua, có lòng yêu dân và làm lợi cho mọi người, hiệu lệnh chưa ban ra mà thiên hạ đều nghển cổ kiễng gót chân lên mong ngóng, ấy là do tinh khí thông đạt đến với dân vậy. Còn kẻ cường đạo hại dân, thì người ta sẽ bỏ hắn mà đi.

Nay người đi công phạt, mài sẵn năm thứ binh khí, ăn ngon mặc đẹp chờ giờ xuất chinh đến cho mau. Còn người bị công phạt thì không vui, chẳng phải nghe nói sắp bị công phạt, mà là thần đã cảnh cáo họ trước. Thân ở nước Tần, còn người thân yêu thì ở nước Tề, chết mà thần chí và tinh khí đều không yên. Đó là vì tinh khí qua lại tương thông.

Đức là chúa tể của muôn dân. Trăng là căn bản của loài trai sò. Trăng tròn thì trai sò béo, thịt của trai sò đầy căng béo nhẫy. Trăng tối ba mươi thì trai sò rỗng tuếch, thịt trai sò sẽ hao gầy. Trăng biến đổi trên trời, thịt trai sò biến đổi dưới vực. Đức hạnh của thánh nhân biểu hiện ở mình, mà người trong bốn phương (học theo thánh nhân) sẽ đòi hỏi mình theo điều nhân.

Dưỡng Do Cơ bắn tê ngưu, bắn trúng hòn đá, tên ngập hết vào đá chỉ còn cái đốc tên ở ngoài, quả là ông ta để hết tâm trí vào thân con tê ngưu. Bá Nhạc học xem tướng ngựa, mắt lúc nào cũng chỉ thấy ngựa, tâm trí quả là để ở mình ngựa. Anh đầu bếp nước Tống thích mổ trâu, mắt nhìn chẳng có vật gì không phải là con trâu chết, ba năm không hề thấy con trâu sống. Con dao mổ thịt của anh ta dùng đã mười

chín năm mà lưỡi dao cứ như mới mài, là vì nó đưa đúng theo thớ thịt của con trâu. Tâm trí của anh quả là để ở mình con trâu. Chung Tử Kì đêm nghe có người gõ tiếng khánh rất đau thương, sai người đi tìm người đánh khánh mà hỏi rằng: "Tiếng khánh ông đánh lên sao mà đau thương vậy?" Người ấy trả lời: "Bố tôi chẳng may đánh chết người, bản thân cũng không được sống; mẹ tôi còn sống, làm rượu ở nhà công tước, tôi cũng được sống, đánh khánh ở nhà công tước. Tôi đã ba năm không nhìn thấy mẹ tôi, muốn chuộc mẹ tôi ra nhưng nhà chẳng có gì, ngay đến bản thân tôi cũng là của cải của nhà công tước rồi. Vì thế tôi cảm thấy đau thương." Chung Tử Kì than rằng: "Ôi đau thương! Đau thương! Tim chẳng phải cánh tay, cánh tay chẳng phải dùi, chẳng phải đá. Đau thương ở trong lòng mà gỗ đá đều có phản ứng. Cho nên nói rằng, người quân tử có lòng thật đối với chỗ này mà có thể biểu hiện ra ở chỗ khác, mình cảm động mà cảm nhiễm cả người khác. Điều đó há phải điều nói gượng gạo sao!" Nước Chu có người tên gọi Thân Hỉ, mẹ anh ta đi mất. Anh ta nghe người ăn mày hát ở dưới cửa thì đau đáu trong lòng, tình cảm đau đớn ấy trào ra trên lời nói và nét mặt, sai người nhà gọi người ăn mày hát rong ấy vào mà chào rồi hỏi rằng: "Vì sao mà đi ăn xin?" và chuyện trò với người ấy, mới biết rằng người ấy chính là mẹ mình. Cho nên mới nói rằng bố mẹ với con cái, con cái đối với bố mẹ, một thể chia thành hai, có điều là khí đồng mà hơi thở không đồng mà thôi

khác nào cỏ hoang với hoa quả, khác nào cây cối với lòng rễ, dẫu khác nhau mà tương thông, lòng dạ nối liền, đau ốm thì cứu giúp nhau, lo nghĩ thì cùng thông cảm, sống thì chung vui, chết thì chia buồn. Đó gọi là tình thân ruột thịt. Tinh thần có tự trong lòng cha mẹ mà có sự cộng hưởng trong tim con cái, đôi bên tương tác tương thông, điều ấy há còn phải nói nữa sao?

X MẠNH ĐÔNG KỈ - TIẾT TÁNG - AN TỬ - DỊ BẢO - DỊ DỤNG

MẠNH ĐÔNG KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng đầu mùa đông: Mặt Trời ở vị trí của sao Vĩ. Buổi chiều hôm sao Nguy ở phương chính nam, buổi sáng sớm Thất tinh ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Nhâm Quý (phương bắc). Vị đế vương ứng với tháng này là Chuyên Húc (lấy đức thủy mà xưng vương thiên hạ). Vị thần ứng với tháng này là Huyền Minh (Thủy thần). Động vật tiêu biểu tháng này là loài giáp giới (đại biểu là Rùa). Thanh âm tháng này là Vũ (một trong ngũ âm). Âm luật tháng này hợp với Ứng Chung (một trong lục lã). Con số của tháng này là 6. Vị tương ứng tháng này là vị mặn. Mùi tương ứng tháng này là mùi mục. Tháng này tế tự đất trong cửa. Lúc tế tự, trước phải dâng thận. Tháng này, nước bắt đầu đóng băng, đất bắt đầu đông giá. Gà rừng xuống nước biến thành con sò. Cầu vồng ẩn náu không xuất hiện. Tháng này Thiên tử ở trong phòng đầu tây của

---

Chú thích: *Mạnh đông, tháng mười lịch nhà Hạ*

nhà hướng bắc, ngồi xe đen, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe có cờ đen, mặc áo đen, đeo ngọc đen làm đồ trang sức. Ăn kê nếp và thịt lợn. Đồ tế khí to mà chúm miệng.

Tháng này có tiết Lập Đông. Ba ngày trước tiết Lập Đông, quan Thái sử yết kiến Thiên tử mà nói rằng: "Ngày nọ ngày kia Lập Đông, thịnh đức của Trời là ở nước". Thiên tử bèn trai giới. Hôm Lập Đông, Thiên tử thân hành dẫn đầu Tam công, Cửu khanh và đại phu ra ngoại thành phía bắc nghênh tiếp mùa đông. Trở về triều, ban thưởng cho con cháu của những người mà trong tiên nhân có người từng chết vì vương sự (công việc của nhà vua), vỗ về thương xót những người cô quả trong số họ.

Tháng này, Thiên tử ra lệnh cho quan Thái bốc, sau khi cầu khấn dùng thẻ rùa để xem bói, và xem quẻ lành hay dữ. Tháng này phải thẩm sát những người nịnh vua và làm rối phép nước, thi hành tội phạt, không được che giấu.

Tháng này, Thiên tử bắt đầu mặc áo da. Ra lệnh cho quan Hữu ti rằng: "Khí của Trời đi lên cao, khí của Đất phải chìm xuống, khí của Trời Đất không thông nhau, cho nên phong bế thành mùa đông". Ra lệnh cho bá quan cẩn thận việc che đậy và thu cất. Ra lệnh cho quan Tư đồ tuần hành xem xét tình hình tích tụ, không được để không thu gom; đắp thành quách cao thêm, cảnh giới cổng thành và cổng trong, đường lớn ngõ nhỏ đều cắt đứt, cấm chỉ mọi người qua lại. Ban bố kỉ cương về việc tang ma chôn cất, định rõ quy củ tang phục, xét định độ dày mỏng của quan quách, độ số lớn

bé cao thấp dày mỏng của phần mộ cùng đẳng cấp sang hèn của chúng.

Tháng này, thầy thợ phải gắng sức. Sắp đặt tế khí, phải theo pháp độ, không được làm những đồ rởm, đồ dâm xảo để cho quân vương động lòng, tất phải lấy bền chắc làm quý. Trên các đồ đạc làm ra đều khắc ghi tên thợ để khảo sát lòng thành của họ. Nếu công việc có điều không thỏa đáng, ắt sẽ hành tội, để đoán định triệt để tình trạng dối trá của thợ.

Tháng này, Thiên tử chư hầu và quần thần có yến ẩm lớn. Thiên tử cầu xin Trời Đất Bốn Mùa cho thu hoạch năm sau. Đại sát súc vật, tế tự trước ở công xã rồi đến tiên tổ xóm ngõ, tế tự năm vị thần Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy. Khao thưởng úy lạo nhà nông, cho họ nghỉ ngơi. Thiên tử lại ra lệnh tướng soái diễn tập võ nghệ, luyện tập bắn tên đánh xe, tập ngã, tập nhào lộn.

Tháng này, Thiên tử lại ra lệnh cho quan chưởng thủy và quan sơn lâm thu thuế núi rừng sông suối, thuế khóa không được đẽo gọt người dân, không được vì thuế khóa nặng nề mà để Thiên tử mắc oán với dân. Kẻ nào gây ra tình trạng đó, thì không được tha tội.

Tháng mạnh đông này nếu xảy ra thời tiết mùa xuân, thì băng đóng không chắc, khí đất sẽ phát tán rò rỉ, dân phần nhiều phải lưu vong. Nếu xuất hiện khí hậu mùa hè, thì quốc gia sẽ có nhiều gió bão, giữa mùa đông mà không lạnh, động vật ngủ đông sẽ lại sống lại. Nếu có khí hậu mùa thu, thì sẽ có tuyết sương không đúng lúc, luôn luôn có những cánh quân nhỏ đến quấy nhiễu, các nước láng giềng thường xuyên lấn chiếm đất đai.

TIẾT TÁNG

Thiên thứ hai nói rằng:

Biết rõ lẽ sống là điều quan trọng của thánh nhân; biết rõ lẽ chết là cõi cực cao của thánh nhân. Hiểu được lẽ sống, không dùng những vật phương hại đến sự sống để dưỡng sinh; Hiểu được lẽ chết, không dùng những việc phương hại đến tử vong, để khiến người chết không được yên nghỉ. Như vậy mới gọi được là được là an tử. Hai tình hình đó chỉ có thánh nhân mới hiểu được.

Phàm sự vật sinh ra ở trong Trời Đất thì nhất định đều phải chết. Đó là điều không thể tránh khỏi. Người hiếu tử kính trọng cha mẹ mình, cha mẹ yêu thương con cái, đều khắc cốt minh tâm, đó là thiên tính. Đối với những người được kính trọng yêu thương, nếu sau khi họ chết mà đem vứt xác họ nơi ngòi rãnh, thì trong lòng quả thật không nỡ. Cho nên có việc tẫn táng (quàn và chôn). Tẫn táng chính là cất giấu. Đó là việc mà cả cha mẹ và con hiếu đều rất coi trọng. Coi trọng việc này, là nỗi lòng lo lắng của người sống. Nếu lấy nỗi lòng của người sống mà suy nghĩ cho người chết thì chẳng gì bằng được yên ổn không bị dời chỗ, không bị đào bới. Không bị dời chỗ, không bị đào bới, chẳng bằng lõa táng (chôn trần), lõa táng chính là cái gọi là "trọng bế".

Người xưa có trường hợp chết rồi chôn ở đồng rộng núi sâu, vật tùy táng chẳng phải châu ngọc quốc bảo,

---

Chú thích: *Đây là lời của Mặc gia, bàn về nghĩa tiết táng.*

song táng thì chẳng thể không giấu đi. Chôn nông thì chồn cáo có thể bới lên, chôn sâu thì có thể gặp phải nước dưới đất. Cho nên mai táng phải ở trên đồi cao, vừa tránh được chồn cáo đào bới, vừa không bị ẩm thấp. Như vậy thì đã tốt, song quên mất kẻ gian tà xấu xa, bọn trộm cướp cùng tai nạn loạn lạc trong thiên hạ, thế chẳng phải là vớ vẩn sao? Khác nào như người mù tránh được cây cột to nhưng lại đập đầu vào cây cột nhỏ. Hậu táng dẫn tới bị tai họa đào trộm chính là: cây cột lớn. Cha mẹ và con hiếu không hậu táng cho người đã chết, đó mới là đạt được cái tình thực của việc táng vậy. Dùng quan dày quách tốt là để tránh mối mọt. Nhưng nay thiên hạ đại loạn, vua chúa càng hết sức xa xỉ. Việc tẫn táng của họ chẳng phải để cho người chết được yên nghỉ mà là để cho người sống dùng sự xa xỉ để khoe khoang địa vị của mình. Những kẻ xa phí những lấy thế làm vênh vang, những người tiết kiệm thì bị coi là thô lậu. Chẳng lấy sự thư thái tiện lợi của người chết làm nguyên tắc, mà chỉ chạy theo tiếng khen chê của người sống. Đó chẳng phải là tấm lòng của cha mẹ hiền từ và những người con hiếu thảo. Dẫu cha đã chết rồi, lòng tôn kính của con hiếu chẳng hề suy giảm. Con cái dẫu đã chết rồi, lòng yêu thương của cha mẹ chẳng hề vơi. Chôn cất con người mà mình yêu kính nếu lại lấy dục vọng quá độ của người sống làm nguyên tắc, thì người chết làm sao có thể yên nghỉ được?

Với mối lợi, thì dân chúng thường theo đuổi dẫu phải xông pha tên đạn gươm đao, dẫu phải đổ máu phơi gan. Những kẻ dã man không biết lễ nghĩa thì nhẫn tâm dùng cha mẹ anh em và bạn tri giao để cầu lợi.

Nay không có mối nguy ấy, không có điều xấu ấy, mà được lợi rất nhiều, ngồi xe ăn thịt, ân trạch đến tận con cháu, thì dẫu thời bình trị của thánh nhân cũng còn không thể cấm, nữa huống chi thời loạn. Nước càng lớn, nhà càng giàu thì việc tang táng của quân vương càng trọng hậu. Mồm ngậm hạt châu, mình thì đeo ngọc, đồ cổ của báu, xanh vạc bình chậu, xe ngựa áo chăn gươm giáo, nhiều không kể xiết. Bao nhiêu đồ dùng nuôi sống, chẳng có thứ gì không đưa vào quan quách, mượn cớ làm mộ huyệt, quan quách có đến mấy lớp, dùng đá sỏi và than gỗ chèn bên ngoài mộ huyệt. Những kẻ gian tà sau khi nghe nói thì đồn đại lẫn nhau, dẫu quan trên có dùng hình phạt nghiêm uy để ngăn cấm, thì cũng không ngăn cấm được chúng đi đào trộm mả. Huống nữa, người chết càng lâu, thì quan hệ của người sống càng xa, quan hệ người sống càng xa thì việc canh giữ mồ mả càng lơ là lỏng lẻo. Người canh giữ mồ mả thì lơi là lỏng lẻo mà các đồ vật tùy táng thì không thay đổi, thì nguy cơ bị đào trộm càng lớn. Thói đời làm lễ tang, chở linh cữu bằng xe lớn, cắm tinh kì bằng lông vũ, trên quan tài có vẽ khí mây để dẫn lối, đeo châu ngọc để trang sức, dùng màu sắc để tô vẽ quan tài, hai bên tả hữu một vạn người kéo dây quan tài, dẫn đoàn đưa tang như một đoàn quân rồi sau đó mới phát tang. Lấy đó để khoe cho người đời xem, thì đẹp mắt đấy, xa hoa đấy, nhưng lấy đó để cho người chết yên nghỉ thì không thể được. Nếu có ích gì cho người chết, thì dẫu có vì thế mà nước phải nghèo dân phải khổ, thì cha mẹ và con hiếu cũng không nỡ từ.

AN TỬ

Thiên thứ ba nói rằng:

Người đời tu tạo phần mộ, cao to như gò núi, trồng cây như rừng, xây cung khuyết đình đài, dựng cung thất, đắp bậc thềm giống như đô thành. Dùng nó để khoe giàu hợm của thì được, nhưng để an bài cho người chết thì chẳng được. Với cái chết, thì coi cuộc đời muôn tuổi cũng khác nào cái chớp mắt. Tuổi thọ người ta, dù là trường thọ cũng không quá trăm năm, trung thọ thì chỉ sáu mươi tuổi, đem cái thời gian hữu hạn một trăm năm hay sáu mươi năm mà tính với thời gian vô hạn của cái chết, thì tình cảnh thật chẳng tương đương. Nếu nghĩ cho người chết bằng thời gian vô hạn của cái chết, thì mới là phải.

Nếu như nay có người ở đây, làm bức thạch minh đặt trên mộ mà nói rằng: "Những thứ ở nơi đây, rất nhiều châu báu ngọc ngà của cải quý giá, chẳng thể không đào, đào lên ắt sẽ giàu to, đời đời đi xe ăn thịt". Người đời nhất định sẽ chê cười anh ta, coi đó là người dớ dẩn. Thế nhưng sự hậu táng (chôn cất trọng hậu, làm đám ma to) của người đời thật ra cũng tương tự như vậy. Từ xưa tới nay, chẳng có nước nào không mất. Chẳng có nước nào không mất thì cũng chẳng có mộ nào không bị đào. Cứ như tai nghe mắt thấy thì Tề, Ngụy, Sở, Yên đều đã từng mất, Tống, Trung Sơn cũng

---

Chú thích: *Thiên này nói rõ chỉ có tiết táng thì mới không bị đào mồ, và như vậy thì người chết mới được yên. Cũng là lời của Mặc gia.*

đã mất, Triệu, Ngụy, Hàn nước loạn thế suy, nước dẫu như còn, thực đã diệt vong, cho nên đều là cố quốc rồi. Từ đây đếm ngược lên, số quốc gia diệt vong khó mà đếm xuể. Cho nên nói rằng, mả lớn chẳng có cái nào không bị đào bới. Vậy mà người đời vẫn thi nhau xây mả thật to, há chẳng đáng buồn lắm sao?

Những thần dân không nghe theo lệnh vua, những đứa con bất hiếu với bố, những đứa em không vâng theo anh, đều là những kẻ mà dân làng cho một niêu một lọ mà đuổi cổ đi.Nhưng kẻ ấy sợ hãi nỗi vất vả của việc làm ruộng hái củi, không chịu làm việc cày cấy, mà lại muốn cầu mong khoái lạc ăn ngon mặc đẹp, nhưng mưu mô trí xảo đã cùng kiệt, bèn tụ tập nhau vào chốn núi sâu đầm lớn rừng rậm làm nghề cướp bóc, và xem chỗ nào có mả to hậu táng, thì lân la tìm cách đến ở gần đó, ngấm ngầm khoét đường hầm mà đào trộm mả, đêm ngày không nghỉ, ắt thu được lợi, cả bọn chia nhau. Mình có người yêu quý mà bị những kẻ gian tà,đạo tặc,khấu loạn,tàn hại nhục nhã, đó chính là mối lo lớn của các hiếu tử trung thần, các bậc cha mẹ và bạn bè. Nghiêu táng ở Cốc Lâm[1], nay đã trồng cây; Thuấn táng ở Kỉ Thị, không làm thay đổi bộ mặt kẻ chợ ở đó; Vũ táng ở Cối Kê, không hề động dụng lao lực. Cho nên các bậc tiên vương đều tiết kiệm trong tử táng, chẳng phải vì tiếc của, chẳng phải sợ vất vả, mà là lo cho người chết vậy.

---

(1) *Cốc Lâm: địa danh nơi chôn cất vua Nghiêu, cũng gọi là Cốc Lăng hay Nghiêu Lăng, ở phía đông bắc huyện Hà Trạch tỉnh Sơn Đông nay.*

Điều các tiên vương tối kị đó là để cho người chết phải chịu nỗi ô nhục. Nếu mả bị đào thì người chết tất bị nhục, tiết kiệm thì sẽ không bị đào mả, cho nên tang lễ của các tiên vương tất kiệm, tất hợp, tất đồng. Thế nào gọi là hợp? Thế nào gọi là đồng? Táng ở núi rừng thì hợp với núi rừng, táng ở sườn dốc hay thung lũng thì hợp với sườn dốc hay thung lũng. Như thế gọi là yêu con người ấy. Xưa nay người yêu thì nhiều nhưng người biết cách yêu thì ít. Bởi thế nước Tống chưa mất mà ngôi mả Đông trủng của Văn Công đã bị đào trộm, nước Tề chưa mất mà mộ Trung Công đã bị quật. Quốc gia an ninh mà còn như thế, huống nữa trăm đời sau khi nước đã mất? Bởi thế hiếu tử, trung thần, cha mẹ, bạn bè không thể không suy xét kỹ càng điều đó. Nói rằng yêu nhau mà thực ra làm nguy hại nhau, chính là vì vậy. Kinh Thi nói rằng: "Bất cảm bạo hổ, bất cảm bằng hà. Nhân tri kì nhất, Bất tri kì tha"[1] (nghĩa là "Chẳng dám tay không mà bắt hổ, Chẳng dám không thuyền bè mà sang sông, Người ta chỉ biết có một việc, Chứ không biết đến những việc khác") Đó là nói về sự không biết tới những điều khác. Cho nên có thể khẳng định điều sai mà phủ định điều đúng. Điều người ấy phủ định lại chính là điều đúng của người ấy; điều người ấy khẳng định lại chính là điều sai. Đúng sai không thể định được, mà mừng giận đấu tranh, thì kết quả sẽ

(1) *Đây là lời ở bài* Tiểu mân *(chương 6) thuộc phần* Tiểu nhã *trong Kinh Thi. Người xưa cho rằng đây là lời than trước cảnh triều đình thối nát toàn một lũ tiểu nhân, làm quan trong cảnh ấy ắt không tránh khỏi tai họa.*

lại ngược lại. Ta không loại trừ đấu, không loại trừ tranh, mà gạt bỏ cái nhân do khiến phải đấu, gạt bỏ cái nhân do khiến phải tranh. Cho nên phàm là đấu tranh, thì phải phân rõ phải trái rồi mới dùng đến. Ngày nay phần nhiều chưa phân rõ phải trái đã vội đấu tranh. Đó quả là điều sai lầm lớn.

Họ Quý Tôn nước Lỗ có việc tang, Khổng Tử đi phúng viếng vào cửa từ phía tả, đó là tư cách khách. Chủ nhân đem ngọc dư và ngọc phiên (hai thứ ngọc quý của nước Lỗ) thu liệm vào trong quan tài. Khổng Tử (không còn kịp giữ lễ) vội xuyên ngang qua trước thềm bước vội lên mà nói: "Đem liệm ngọc vào áo quan thì có khác nào đem phơi xương thịt ra giữa đồng". Xuyên ngang qua thềm dẫu không hợp lễ, song đó là cốt để cứu vớt khỏi sai lầm vậy.

DỊ BẢO

Thiên thứ tư nói rằng:

Thánh nhân thời xưa chẳng phải không hề có một vật gì được coi là quý trọng như châu báu, có điều vật được thánh nhân coi là quý trọng như châu báu ấy thật khác thường đó thôi. Tôn Thúc Ngao ốm nặng sắp chết,

---

Chú thích: *Thiên này là lời của Đạo gia, phát huy cái lí luận "bất quý nan đắc chi bảo" (chẳng coi vật báu khó kiếm là của quý) của Lão Tử*

răn con rằng: "Nhà vua nhiều lần phân phong cho cha, cha đều không nhận. Nay vì cha chết, nhà vua chắc sẽ phân phong cho con, con nhất định không được nhận phần đất phì nhiêu. Ở giữa nước Sở và nước Việt có một cái gò hoang gọi là đất Tẩm, đất ấy cằn cỗi, tên lại xấu xí, người Sở sợ ma, người Việt tin ở điềm báo trước, đều chê đất này. Con có thể sở hữu được lâu dài, có lẽ chỉ có mảnh đất ấy". Tôn Thúc Ngao chết, nhà vua quả nhiên muốn đem đất tốt phong cho con Ngao. Con Tôn Thúc Ngao đều chối từ không nhận, mà chỉ xin đất Tẩm khâu. Cho nên đến nay đất phong ấy vẫn không bị mất. Cái khôn của Tôn Thúc Ngao, là ở chỗ lấy bất lợi làm lợi, lấy cái người khác chê làm cái mình thích, đó chính là điều người có đạo khác với thói tục vậy.

Ngũ Viên chạy trốn, nước Sở cấp tốc đuổi bắt. Ngũ Viên trèo lên núi Thái Hàng ngóng sang nước Trịnh mà nói rằng: "Nước ấy địa thế hiểm mà dân hay xảo trá, vua nước ấy là một ông vua tầm thường, không đáng cùng cộng sự". Bỏ nước Trịnh mà sang nước Hứa, bái kiến Hứa Công để hỏi hướng đi cho mình. Hứa Công không trả lời chỉ quay về hướng đông nam mà nhổ nước bọt. Ngũ Viên hiểu ý cung kính lạy tạ mà rằng: "Thần đã biết được hướng nên đi". Bèn sang nước Ngô. Đường đi phải qua nước Sở, đến Trường Giang, muốn sang sông, thì gặp một cụ già đang cầm sào đẩy thuyền để đi đánh cá. Ngũ Viên theo sau xin đi nhờ sang sông. Cụ già chở Viên sang sông. Cụ già hỏi tên, Ngũ Viên không nói, mà cởi thanh bảo kiếm đang đeo bên mình đưa cho cụ già mà nói: "Đây là thanh kiếm ngàn vàng, xin dâng

lão trượng" Cụ già không nhận, nói rằng: "Pháp lệnh của nước Sở định rằng ai bắt được Ngũ Viên sẽ được phong tước hầu, bổng lộc muôn thạch, thưởng vàng hai vạn lượng. Trước kia Ngũ Tử Tư đi qua đây, lão còn chẳng bắt Ngũ Tử Tư để lĩnh thưởng, thì nay lão nhận thanh kiếm ngàn vàng của ngươi làm gì?" Ngũ Viên sang sông đến nước Ngô, sai người trở lại bên sông tìm kiếm cụ già, nhưng không tìm được, từ đó mỗi bữa ăn đều nhất định cúng cụ: "Hỡi ôi lão trượng trên sông! Trời Đất thật bao la, sinh ra vạn vật thật đông đúc, chẳng có gì không làm được, nhưng đã chẳng làm gì cả. Lão trượng cóthể làm nhưng không làm, đức ấy sánh cùng Trời Đất. Lão trượng họ tên ta không được biết, thân Người ta không tìm thấy, ôi chỉ có lão trượng trên sông đã làm được như vậy mà thôi!"

Có người dã nhân nước Tống, cày ruộng bắt được viên ngọc đem dâng cho quan coi thành là Tử Hãn, nhưng Tử Hãn không nhận. Dã nhân nói: "Đây là vật báu của dã nhân, nguyện xin tướng quốc gia ân mà nhận cho dã nhân chúng tôi". Tử Hãn nói: "Ông coi viên ngọc là vật báu, còn tôi thì coi là việc không nhận ngọc mới là vật báu của tôi". Bởi thế các bậc lão thành nước Tống mới nói rằng: "Tử Hãn chẳng phải không có vật báu, duy có điều cái mà ông ta coi là vật báu, có khác mọi người mà thôi".

Nay đem trăm lượng vàng với nắm xôi đưa cho đứa trẻ, trẻ nhất định vồ lấy nắm xôi: đem viên ngọc bích cho họ Hòa với trăm lượng vàng cho kẻ bỉ lậu, kẻ bị lậu ắt chọn lấy trăm lượng vàng; đem viên ngọc bích họ

Hòa và lời chí ngôn đạo đức cho kẻ hiền nhân, thì hiền nhân chắc chắn sẽ lấy lời chí ngôn. Trí tuệ càng tinh diệu, thì vật chọn lấy sẽ càng tinh, trí tuệ càng thô lậu, thì vật chọn lấy cũng sẽ thô lậu.

DỊ DỤNG

Thiên thứ năm nói rằng:

Muôn vật không giống nhau, sử dụng chúng đối với người ta thì tác dụng cũng khác nhau, đó chính là căn nguyên của trị và loạn, của sống và chết, của còn và mất. Bởi thế cho nên nước rộng lớn, binh giàu mạnh, chưa chắc đã được yên ninh; người tôn quý cao lớn, chưa chắc đã hiểu, đều tùy ở cách sử dụng. Kiệt Trụ đã sử dụng bản lĩnh của mình mà dẫn đến diệt vong. Thang Võ cũng đã sử dụng bản lĩnh của mình mà thành được nghiệp vương.

Thương Thang thấy có người cầu đảo trước tấm lưới. Người ấy đặt lưới chăng bốn phía mà cầu khấn rằng: “Những gì từ trên trời rơi xuống, những gì từ dưới đất lên, những gì từ bốn phương lại, thảy đều lọt vào trong lưới của ta”. Thương Thang nói: “Ôi! Thế thì hết tất cả. Phi Kiệt thì còn ai làm đến như vậy?” Thương Thang thu ba mặt lưới, chỉ đặt một mặt, đổi lại lời cầu khấn

---

Chú thích: *Thiên này là lời của Nho gia, nhằm răn người làm vua phải để cho người chết được yên nghỉ.*

rằng: "Trước kia loài nhện chăng lưới, ngày nay con người đã học cách của nhện. Muốn sang trái thì sang trái, muốn sang phải thì sang phải, muốn cao thì cao, muốn thấp thì thấp, tôi chỉ xin bắt lấy những gì xúc phạm vào số phận." Các nước ở phía nam sông Hán nghe được chuyện đó bèn nói: "Đức của Thương Thang đã thấm đến cả cầm thú rồi". Bốn mươi nước đều quy thuận Thang. Người bủa lưới bốn bên, chưa chắc đã bắt được chim. Thang vứt bỏ ba bên, chỉ đặt một bên, mà đã bắt được bốn mươi nước, chứ không chỉ bắt được chim.

Chu Văn Vương sai người đào, đào được một bộ hài cốt người chết, quan lại tâu lên Văn Vương, Văn Vương truyền: "Chôn sang một chỗ khác". Quan lại tâu: "Bộ hài cốt này không có chủ". Văn Vương nói: "Người có thiên hạ chính là chủ của thiên hạ, người có nước là chủ của nước. Trẫm há chẳng là chủ của bộ hài cốt đó sao?" Bèn ra lệnh cho quan lại dùng quần áo và quan tài mới chôn cất lại bộ hài cốt ấy. Người trong thiên hạ nghe được chuyện này, kháo nhau: "Văn Vương quả là vị vua hiền, ân trạch đến cả nắm xương khô, huống hồ là với người sống!" Có người bắt được châu báu mà làm nguy hại nước mình, còn Văn Vương đào được nắm xương mục mà bày tỏ được chí của mình, cho nên thánh nhân đối với mọi vật cũng không bao giờ không thể hiện bản lĩnh của mình.

Trong số đệ tử của Khổng Tử có một người từ phương xa đến, Khổng Tử bèn cầm gậy lên hỏi: "Ông nội của ngươi có được bình an vô sự chăng?" Cầm gậy vái chào người học trò, rồi hỏi: "Bố mẹ ngươi có được bình an vô

sự chăng?" Quay lưng lại, lê bước chân đi mà hỏi: "Vợ con ngươi có được bình an vô sự chăng?" Khổng Tử dùng cây gậy sáu thước để biểu thị đẳng cấp có phân sang hèn, làm sáng tỏ ý nghĩa thân sơ, huống chi là đối với ngôi cao và bổng lộc hậu?

Người xưa coi trọng kĩ thuật bắn, dùng để nuôi dưỡng các cháu nhỏ yếu, phụng dưỡng những người già yếu. Người ngày nay coi trọng kĩ thuật bắn, dùng để tấn công xâm đoạt, nhỏ thì cướp đoạt những người yếu, bắt nạt những người cô quả, chuyên nghề trộm cướp. Người nhân được cái kẹo ngon, dùng để điều dưỡng lại bệnh, thờ phụng người già. Chích và Xí Túc được miếng kẹo ngon thì lại dùng để dính chốt cửa.

XI TRỌNG ĐÔNG KỈ - CHÍ TRUNG - TRUNG LIÊM - ĐÁNG VỤ - TRƯỜNG KIẾN

TRỌNG ĐÔNG KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng thứ hai mùa đông: Mặt trời ở vị trí của sao Đẩu. Buổi chiều hôm sao Đông Bích ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Chẩn ở phương chính nam. Mặt 'trời tháng này ở phương Nhâm Quý (phương bắc). Vị đế vương ứng với tháng này là Chuyên Húc. Vị thần ứng với tháng này là Huyền Minh. Động vật tiêu biểu tháng này là loài giáp giới. Thanh âm tháng này là Vũ. Âm luật tháng này hợp với Hoàng Chung (một trong Lục luật). Con số của tháng này là 6. Vị tương ứng tháng này là vị mặn. Mùi tương ứng tháng này là mùi mục. Tháng này tế tự đất trong cửa. Lúc tế tự trước phải dâng thận. Băng càng rắn chắc. Đất đông giá nứt nẻ. Chim núi không hót. Hổ bắt đầu giao phối. Tháng này Thiên tử ở trong phòng giữa của Huyền đường (nhà đen), ngồi xe đen, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe có cờ đen, mặc áo đen, dùng ngọc đen làm đồ trang sức.

Chú thích: *Trọng đông là tháng mười lịch nhà Hạ*

Ăn kê nếp và thịt lợn. Đồ tế khí to mà chúm miệng.

Thiên tử hạ lệnh cho Hữu ti "Không được động thổ, không được mở những thứ đã cất đậy kĩ, không được huy động nhiều người, đóng chặt khí đất bằng cách đó". Mở thứ đã cất đậy, huy động nhiều người, khí đất sẽ tiết lậu (rò rỉ), như vậy gọi là mở khổng khiếu của Đất Trời, nhiều động vật ngủ đông sẽ chết, dân sẽ có nhiều dịch bệnh lưu hành, còn có thể chết theo sự lưu hành của dịch bệnh. Đặt tên cho tháng này là Sướng nguyệt (tháng không sinh).

Tháng này thiên tử ra lệnh cho quan Yêm doãn tuyên các lệnh trong cung cho những người trông nom nhà cửa phải cẩn thận đóng chặt các tầng cửa. Tinh giản công việc của phụ nữ, không được dâm loạn, dẫu có là quý thích hay cận thần của hoàng thượng, cũng đều cấm chỉ. Rồi ra lệnh cho tửu quan Đại tù phải biện đủ cao lương nếp và tẻ, men và gạo mầm phải vừa độ, ngâm đãi sạch, đồ luộc tinh khiết, nước chưng thơm ngọt, nồi chõ tốt, đun lửa vừa phải, sáu thứ đó đều được tửu quan kiểm tra xem xét, không được sai thất. Thiên tử bèn ra lệnh cho Hữu ti cúng cầu bốn biển, các sông lớn, danh nguyên uyên trạch tỉnh tuyền (đồng rộng, đầm sâu cùng giếng suối) vì đều có công với người.

Tháng này, nhà nông có những thứ chưa thu cất tích tụ, trâu ngựa gia súc có những con thả đi thất lạc, thì đều thu về chứ không trách cứ. Núi rừng ao đầm, có những nơi có thể hái được rau cỏ và săn bắt được cầm thú, thì quan Dã ngu dạy bảo cho nông dân; trong bọn họ có những kẻ xâm đoạt của người khác, thì phải xử tội không tha.

Tháng này, tiết Đông chí đến (ngày ngắn đêm dài). Âm dương tương tranh, các loài sinh vật đều muốn động cựa. Người quân tử trai giới, nơi trai giới tất phải kín đáo, thân thể phải an ninh, bỏ hết ca thanh nữ sắc, cấm các thèm muốn, khiến thân và tâm đều an định, làm việc phải tĩnh, lấy đó mà chờ kết quả của âm dương tương tranh. Cỏ thơm bắt đầu mọc ra. Củ kiệu mọc mầm. Giun đất bò quanh. Sừng nai rụng. Nước suối bắt đầu chảy. Tháng đông chí, đẵn chặt cây cối, lấy tre vót tên.

Tháng này có thể bãi miễn các quan chức không có việc làm, vứt bỏ những đồ dùng vô ích. lấy bùn trát kín các lỗ cửa thành trong ngoài, sửa sang nhà tù trại giam. Đó chính là giúp cho Trời Đất đóng chặt cất giữ.

Thời tiết trọng đông nếu nảy sinh thời tiết mùa hè, thì đất nước có đại hạn, hơi mù mờ mịt, sấm động vang rền. Nếu xảy ra thời tiết mùa thu, thì sẽ hay mưa, bầu bí không chín, đất nước có chiến tranh to. Nếu xảy ra thời tiết mùa xuân thì có nạn sâu keo, nước suối khô kiệt, dân ốm đau ung nhọt nhiều.

CHÍ TRUNG

Thiên thứ hai nói rằng:

Đạt tới lòng trung tột bậc thì lời nói trái tai mếch lòng, nếu chẳng phải vua hiền thì ai mà chịu được? Cho

Chú thích: *Thiên này là lời của Âm dương gia.*

nên người được vua hiền ưa thích chính là người mà các vua bất tiếu muốn giết. Đã là vua chẳng có người nào không ghét đe dọa ức hiếp, nhưng lại ngày ngày chuốc lấy đe dọa ức hiếp, vậy thì ghét nó cũng chẳng ích gì. Như nay có một cái cây, muốn cho nó được đẹp, người ta hàng ngày vun tưới, nhưng lại ghét nó, ngày ngày chặt vào rễ của nó, ắt chẳng còn cây sống. Ôi, ghét nghe những lời trung trực, thì còn nghiêm trọng hơn cả tự mình chặt vào rễ cây.

Sở Trang Ai Vương đi săn ở Vân Mộng, bắn trúng được con tùy tỉ. Thân công tử Bồi cướp chặn của Trang Ai Vương con tùy tỉ ấy. Vương nói: “Sao lại lăng loàn bất kính như vậy?” Bèn ra lệnh cho thần hạ giết chết Thân công tử Bồi. Tả hữu đại phu đều can ngăn rằng: “Tử Bồi là người hiền, lại là thần tử dám ngỗ ngược, như vậy ắt là có nguyên nhân, xin đại vương xét kĩ”. Không quá ba tháng sau, Tử Bồi ốm chết. Nước Sở ra quân, đánh ở Lưỡng Đường, đại thắng nước Tấn. Trở về, khao thưởng những người có công. Em trai của Thân công tử Bồi bước tới xin lãnh thưởng: “Người ta có công trong quân lữ, còn anh trai của hạ thần có công ở dưới xe.” Vương hỏi: “Sao có thể nói như vậy?” Em trai Tử Bồi thưa: “Anh trai của hạ thần mắc tội bất kính xúc phạm đại vương, mang lấy tội chết bên mình đại vương, ngu tâm của anh ấy là trung quân ái chúa, thay đại vương mà chịu lấy cái chết tai ương để đại vương có thể hưởng thọ thiên tuế. Anh trai của hạ thần từng đọc sách cổ, sách cổ chép rằng: “Kẻ nào giết chết tùy tỉ, thì tuổi thọ sẽ không quá ba tháng” Anh trai hạ thần lo sợ cho tuổi thọ của đại vương nên đã giành cướp lấy con

tùy tỉ của đại vương, vì thế mắc phải tai ương mà chết" Vương sai người mở Bình phủ ra xem, trong sách cổ quả nhiên có ghi điều đó, bèn trọng thưởng cho em trai Tử Bồi. Lòng trung của Thân công tử Bồi có thể gọi là hành vi đẹp đẽ (mĩ hành). Ý nghĩa của hành vi đẹp đẽ ấy là: người ta hiểu mình cũng không vì thế mà tiến, người ta không hiểu mình cũng không vì thế mà ngừng. Không có hành vi nào cao quý hơn thế nữa.

Tề vương mắc chứng đau đầu, sai người sang Tống mời Văn Chí. Văn Chí đến, xem bệnh cho Tề Vương rồi nói với thái tử: "Bệnh của vương nhất định có thể chữa khỏi. Tuy vậy nhưng khi bệnh khỏi rồi thì vương nhất định sẽ giết Chí này". Thái tử hỏi: "Vì sao?" Văn Chí thưa: "Không chọc cho vương nổi giận thì không chữa được bệnh, mà chọc cho vương nổi giận thì Chí này ắt phải chết". Thái tử một mực dập đầu van xin: "Nếu làm được cho vương khỏi bệnh thì ta và mẹ ta sẽ đem cái chết ra mà khuyên ngăn trước mặt vương, vương nhất định sẽ sủng ái tin theo ta và mẹ ta, xin tiên sinh đừng lo." Văn Chí nói: "Thôi được. Chí này xin liều chết vì đại vương". Bèn hẹn với thái tử ba lần rằng đến nhưng cả ba lần đều không đến. Tề vương vốn đã giận lắm. Văn Chí đến, chẳng thèm cởi giầy cứ thế bước lên giường, lại còn giẫm lên áo vương mà hỏi các triệu chứng bệnh của vương. Vương phẫn nộ chẳng thèm nói với. Văn Chí bèn nói những lời ngạo mạn để chọc giận thêm. Tề vương quát mắng mà đứng bật dậy, nhờ thế khỏi bệnh. Tề vương vẫn đang cơn thịnh nộ, đòi luộc sống Văn Chí. Thái tử và vương hậu ra sức can ngăn nhưng vẫn không ngăn được, quả nhiên đã dùng vạc luộc sống

Văn Chí. Luộc ba ngày ba đêm, sắc mặt Văn Chí vẫn không thay đổi. Văn Chí nói: "Nếu quả thật muốn giết chết tôi, thì sao không đậy vung lại để tuyệt khí âm dương?" Vương sai đậy lại, Văn Chí mới chết. Ôi, trung ở đời trị thì dễ, trung ở đời loạn mới khó. Văn Chí vốn chẳng phải không biết rằng chữa khỏi bệnh cho vua thì thân mình phải chết, nhưng chỉ vì muốn giúp thái tử thực hiện được cái nghĩa hiếu tử mà thái tử khó lòng thực hiện được trọn vẹn mà thôi.

TRUNG LIÊM

Thiên thứ ba nói rằng:

Gia pháp kẻ sĩ bàn định coi bất khả nhục (không thể làm nhục) là điều lớn nhất, lớn đến mức phú quý cũng không đáng trọng, mà lợi cũng không lay chuyển được ý. Dẫu rằng danh là chư hầu mà thực hưởng vạn thặng như thiên tử, cũng không đủ để động tâm chí họ. Còn thực sự chịu nhục thì không thể sống vui vẻ được. Người như vậy, lúc có thế ắt không thể tự tư, lúc làm quan ắt không thể gian tà tham nhũng. Cầm đầu chúng nhân ắt không thể thua chạy. Tôi trung cũng là như vậy. Nếu như có lợi cho nước và có ích cho vua, họ

Chú thích: *"Lợi bất túc dĩ hệ kì ý" (lợi chẳng lay chuyển được ý) gọi là liêm. Thiên này là lời của học phái Bắc Cung Ảo, Mạnh thi Xá và Tất Điêu thị...*

không từ chối hiến thân cho nước cho vua. Nước có kẻ sĩ như vậy, thì có thể nói là thực sự có người. Người như vậy cố nhiên là đáng quý, nhưng điều lo nhất là tuy đã có được hiền sĩ mà không biết đó là hiền sĩ mà vẫn coi là người thường.

Ngô Vương muốn giết vương tử Khánh Kị mà chẳng có người nào giết nổi, Ngô Vương lo lắm. Yêu Li nói: "Thần có thể làm được việc ấy". Ngô Vương nói: "Nhà ngươi làm thế nào nổi. Ta đã từng dùng sáu ngựa đuổi hắn đến bên bờ Trường Giang, cũng không đuổi kịp hắn, dùng tên bắn, bắn khắp tả hữu cũng không sao bắn trúng. Nay nhà ngươi rút gươm không nâng không nổi cánh tay, lên xe lại chẳng thể đạp chân lên thanh gỗ ngang trước xe, ngươi giết sao nổi hắn?" Yêu Li nói: "Kẻ sĩ chỉ lo bất dũng, chứ lo gì bất năng? Nếu như vương quả thật giúp được cho thần, thần nhất định làm được". Ngô Vương nói: "Được". Sáng sớm hôm sau bèn ghép trọng tội cho Yêu Li, bắt vợ con của Yêu Li, thiêu chết rồi tung hất cả tro xương. Yêu Li chạy trốn sang nước Vệ yết kiến vương tử Khánh Kị, vương tử Khánh Kị mừng rỡ nói: "Ngô Vương vô đạo, tráng sĩ đã nhìn thấy đó, chư hầu đều đã biết rõ, tráng sĩ nay đã thoát được Ngô Vương là tốt rồi" Yêu Li ở với vương tử Khánh Kị được một thời gian, nói với Khánh Kị rằng: "Tội vô đạo của Ngô ngày càng thậm tệ, xin được cùng Vương tử đi đánh lấy nước Ngô". Vương tử Khánh Kị nói: "Hay lắm". Bèn cùng Yêu Li qua Trường Giang. Đến giữa dòng, Yêu Li rút gươm đâm vương tử Khánh Kị. Vương tử Khánh Kị nắm được tóc Yêu Li, bèn túm lấy Yêu Li vứt xuống sông, hễ nổi lên lại túm lấy vứt xuống, đến

ba lần như vậy. Lính của vương tử Khánh Kị nói: "Nhà ngươi là quốc sĩ trong thiên hạ, làm phúc để cho ngươi được sống mà thành danh". Yêu Li nhờ thế thoát chết, về được nước Ngô. Ngô Vương mừng lắm, muốn chia một nửa nước để thưởng cho Yêu Li. Yêu Li nói: "Không được. Thần xin được chết." Ngô Vương ngăn lại. Yêu Li nói: "Giết chết cả vợ con, đã thiêu xác còn hất tung tro xương, cốt sao được việc. Thần lấy làm bất nhân. Vì chủ cũ mà giết chủ mới, thần lấy làm bất nghĩa. Túm đầu tóc nổi giữa sông, ba lần nổi lên ba lần nhần chìm xuống, chỉ có nhờ ân đức của vương tử Khánh Kị mới thoát chết, thần lấy làm nhục lắm. Ôi bất nhân bất nghĩa, lại mang nhục, không thể nào sống được". Ngô Vương không ngăn được, Yêu Li rốt cuộc tự vẫn mà chết. Yêu Li có thể nói là chẳng hề động tâm về sự khen thưởng. Cho nên đứng trước mối lợi lớn mà không đổi nghĩa, có thể gọi là liêm vậy. Liêm cho nên không vì giàu có mà quên mối nhục của mình.

Vệ Ý Công có một bề tôi tên là Hoằng Diễn đi sứ ở nhiệm sở. Người nước Địch đánh nước Vệ, người nước Vệ nói: "Được vua ban cho lợi lộc và tước vị là chim hạc. Được phú quý là cung nhân. Nhà vua hãy sai cung nhân và chim hạc đi mà đánh nhau với nước Địch, chứ dân chúng tôi làm sao đánh được?" Nói rồi đều tan chạy cả. Người nước Địch đánh đến, đuổi kịp Ý Công ở đất Vinh Trạch, giết chết Ý Công mà ăn hết thịt, chỉ bỏ lại gan. Hoằng Diễn đến nơi, bẩm báo việc đi sứ với buồng gan sót lại, đoạn kêu trời mà gào khóc, hết mực đau xót mới thôi. Rằng: "Thần xin làm chiếc áo bọc của chúa công". Đoạn tự sát, moi hết lòng ruột của mình ra,

nhét buồng gan của Ý Công vào bụng mình. Hoàn Công nghe chuyện đó nói rằng: "Vệ mất nước là bởi vô đạo. Nay có người bề tôi như vậy, không thể không để cho nước Vệ còn". Bèn lại phục lập nước Vệ ở Sở Khâm. Hoằng Diễn có thể gọi là trung, xả thân quên chết vì vua. Không chỉ bỏ mình vì vua, mà còn khiến cho tông miếu nước Vệ được lập lại, có thể nói là rất có công vậy.

ĐÁNG VỤ

Thiên thứ tư nói rằng:

Giỏi biện luận mà không hợp luận lí, ngôn ngữ chân thực mà không hợp đạo lí, dũng mà không hợp nghĩa, chấp pháp mà không xác đáng với với sự việc, thì khác nào đã lạc đường mà cưỡi ngựa kí, đã điên mà cầm kiếm báu Can Tương nước Ngô vung bừa chém phứa. Gây đại loạn cho thiên hạ, chính là bốn trường hợp đó. Quý trọng biện, là cốt biện luận hợp đạo lí; quý trọng dũng, là cốt để thực hành điều nghĩa; quý trọng pháp, là cốt để xác đáng với sự việc.

Đồ đệ của Chích hỏi Chích rằng: "Ăn trộm cũng có đạo ư?" Chích nói: "Sao lại có thể không có đạo được? Đoán chừng của cải trong nhà kia, mà đoán trúng, là thánh; vào nhà được trước là dũng; thoát ra sau là nghĩa;

Chú thích: *Đáng vụ, tức là "đáng vụ nhi tòng sự" (làm việc cho xác đáng) nói trong* Mặc Tử, Lỗ vấn.

nắm biết thời cơ (để ăn trộm) là trí; ăn chia đều là nhân. Không thông năm điều ấy mà có thể thành kẻ đại trộm, thì thiên hạ chưa từng có." Chê bai hết lục vương, ngũ bá, cho rằng: "Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn chứ không truyền cho con, có tiếng xấu là bất từ, Thuấn đày cha ra nơi biên viễn là có hành vi bất hiếu. Vũ gặp người con gái Đồ Sơn có ý dâm ô, Thang đày Kiệt ở Nam Sào, Vũ giết Trụ ở Tuyên Thất là có việc đày và giết, ngũ bá thôn tính thiên hạ của nhà Chu là có mưu bạo loạn, vậy mà người đời che đậy cho họ, lại còn ca ngợi họ, thật là dớ dẩn sai lầm". cho nên nói rằng khi chết sẽ cầm búa vàng chôn theo để "xuống suối vàng gặp được lục vương, ngũ bá sẽ gõ vào đầu họ". Biện luận như vậy thì chẳng bằng không biện luận.

Nước Sở có kẻ tên là Trực Cung, cha anh ta ăn trộm dê mà anh ta đi cáo giác, vua cho bắt người cha để giết thì Trực Cung xin được chết thay cha. Lúc sắp bị hành hình, Trực Cung đã nói với viên quan hành hình rằng: "Cha ăn trộm dê mà tự mình đi cáo giác, đó chẳng phải là tín sao? Cha sắp bị giết mà chịu tội thay cha, đó chẳng phải là hiếu sao? Vừa tín vừa hiếu mà còn bị giết, thì cả nước này còn ai đáng khỏi giết nữa không?" Vua Sở nghe vậy thôi không giết nữa. Khổng Tử nghe chuyện nói rằng: "cái điều tín của Trực Cung thật kì quặc, có một ông bố mà chuốc tiếng thơm cho anh ta đến hai lần" Cho nên tín như Trực Cung chẳng bằng bất tín.

Nước Tề có hai kẻ hiếu dũng, một người ở phía đông thành, một người ở phía tây thành, tình cờ gặp nhau giữa đường, bảo nhau: "Hãy cùng nhau uống rượu đi!"

Uống được mấy tuần, bèn bảo nhau: "Hãy kiếm thịt cùng nhắm đi!" Một người nói: "Thịt ông đấy, thịt tôi đây. Việc gì phải kiếm ở đâu? Chỉ phải lo xì dầu nữa là được". Họ bèn rút dao ra xẻo thịt nhau mà nhắm cho đến chết. Dũng như thế thì chẳng bằng không dũng.

Trụ có ba anh em cùng mẹ, anh cả là Vi Tử Khải, anh hai là Trung Diễn, thứ ba là Thụ Đức, Thụ Đức chính là Trụ, còn rất trẻ. Mẹ Trụ khi sinh Vi Tử Khải và Trung Diễn thì còn là nàng hầu, sau khi làm vợ mới sinh được Trụ. Bố Trụ và mẹ Trụ đều muốn lập Vi Tử Khải làm thái tử, nhưng quan thái sử dựa vào pháp điển mà tranh biện rằng: "Đã có con trai của vợ thì không thể lập con trai của nàng hầu". Thế là Trụ trở thành thái tử. Dùng pháp điển như vậy thì chẳng bằng không có pháp điển.

TRƯỜNG KIẾN

Thiên thứ năm nói rằng:

Trí sở dĩ hơn kém nhau, chính là vì ở chỗ người ấy "trường kiến" hay "đoản kiến". Đời nay đối với đời xưa, cũng giống như đời xưa đối với đời sau. Đời nay đối với đời sau, cũng giống như đời nay đối với đời xưa. Bởi thế khảo sát hiện tại thì có hiểu được đời xưa, hiểu được

---

Chú thích: *Trường kiến tức là nhìn xa thấy trước, là liệu việc ngay từ khi việc chưa xảy ra.*

đời xưa thì có thể biết được đời sau. Trước sau, xưa nay, thì cũng cùng một lẽ. Bởi thế, thánh nhân biết được ngàn năm về trước, ngàn năm về sau.

Sở Văn Vương nói: "Hiện Hi nhiều lần lấy nghĩa mà xúc phạm ta, lấy lễ mà trái ý ta, sống với y thì chẳng được yên, rời xa y thì ta tự do tự tại. Ta chẳng tự mình ban tước cho y, thì thánh nhân đời sau sẽ chê trách ta". Bèn ban cho Hiện Hi tước ngũ đại phu. "Thân Hầu Bá khéo làm theo ý ta. Ta muốn làm điều gì thì Bá đã làm trước, sống với Bá ta thật an tâm, xa ông ta thì ta chẳng còn tự do nữa. Ta chẳng tự mình xa ông ta ra thì thánh nhân đời sau sẽ chê trách ta". Bèn tiễn ông ta cho ông ta đi xuất bôn. Thân Hầu Bá đến được nước Trịnh, lựa ý vua Trịnh, làm trước những gì vua Trịnh muốn, ba năm sau thì nắm quyền bính nước Trịnh. Nhưng đến tháng năm thì bị người nước Trịnh giết (để lấy lòng nước Tề). Đó là việc thánh nhân đời sau đã khiến cho Văn Vương làm được điều thiện ở đời trước vậy.

Tấn Bình Công đúc được một quả chuông lớn, sai thợ nghe chuông, đều cho rằng tiếng chuông rất đều rồi. Sư Khoáng nói "Không đều. Xin cho đúc lại" Bình Công nói: "Thợ đều cho là tiếng chuông đã đều rồi". Sư Khoáng nói: "Đời sau có người hiểu được âm luật, sẽ biết rằng tiếng của quả chuông này không đều, thần trộm lấy làm hổ thẹn cho chúa công". Đến Sư Quyên, quả nhiên Sư Quyên biết rằng tiếng chuông không đều. Đó là Sư Khoáng giỏi điều hòa tiếng chuông, mà trở thành người tri âm của đời sau vậy.

Lã Thái Công Vọng được phong ở Tề, Chu Công Đán

được phong ở Lỗ. Hai ông rất tốt với nhau, thường bảo nhau: "Lấy gì để trị nước?" Lã Vọng nói: "Tôn trọng người hiền, sùng thượng bậc công thần". Chu Công Đán nói: "Thân với người thân, quý chuộng người có ân". Lã Vọng nói: "Nước Lỗ từ đây sẽ suy yếu". Chu Công Đán nói: "Nước Lỗ tuy suy yếu, nhưng người có nước Tề cũng chắc chắn không phải họ Lã". Sau đó nước Tề ngày càng lớn, cuối cùng đã làm bá chủ, hai mươi bốn đời sau Điền Thành Tử làm chủ nước Tề. Nước Lỗ ngày càng suy yếu, chỉ còn thoi thóp, sau ba mươi tư đời thì diệt vong.

Ngô Khởi trị lí ở ngoài Tây Hà, Vương Thác gièm với Vũ Hầu nói xấu Ngô Khởi. Vũ Hầu sai người triệu Ngô Khởi về triều. Ngô Khởi đến Ngạn Môn, dừng xe quay nhìn lại Tây Hà, rơi mấy hàng lệ. Người hầu của Ngô Khởi nói với Ngô Khởi: "Tôi trộm xem ý ngài, thấy ngài bỏ thiên hạ như vứt chiếc giày rách, nay phải rời Tây Hà mà rơi lệ là cớ làm sao?" Ngô Khởi ngừng khóc mà nói rằng: "Ông không biết. Nhà vua nếu hiểu ta mà dùng ta hết sức trị lí Tây Hà thì có thể làm nên nghiệp vương. Nay nhà vua nghe lời gièm pha mà không hiểu ta thì cái ngày Tây Hà mất về tay Tần không còn xa nữa. Nước Ngụy sẽ suy yếu từ đây". Ngô Khởi quả nhiên bỏ nước Ngụy mà sang nước Sở. Không bao lâu, Tây Hà toàn bộ thuộc về nước Tần, Tần ngày càng lớn mạnh. Đó chính là điều Ngô Khởi đã nhìn thấy trước mà khóc vậy.

Ngụy Công Thúc Tòa ốm. Huệ Vương đến thăm, nói: "Bệnh của Công Thúc, chao ôi, bệnh nặng quá! Xã tắc biết làm sao đây?" Công Thúc thưa: "Ngự thứ tử của

thần là Ưởng có đủ trí tuệ và mưu kế để làm tướng quốc, xin đại vương hãy giao việc nước cho nó. Còn nếu không dùng thì xin chớ để cho nó xuất cảnh". Vương không đáp, trở ra nói với tả hữu rằng: "Há chẳng đáng buồn sao. Người tài giỏi sáng suốt như Công Thúc mà nay bảo quả nhân phải trao việc nước cho tên Ưởng, thật là lẩm cẩm mất rồi!" Công Thúc chết, Công Tôn Ưởng tây du sang Tần, Tần Hiếu Công tin dùng Ưởng, nước Tần quả nhiên cường thịnh. Nước Ngụy quả nhiên suy yếu. Chẳng phải Công Thúc Tòa lẩm cẩm mà chính Ngụy Huệ Vương mới lẩm cẩm. Cái sai lầm của người lẩm cẩm chính là ở chỗ coi người không lẩm cẩm là lẩm cẩm.

XII QUÝ ĐÔNG KỈ - SĨ TIẾT - GIỚI LẬP - THÀNH LIÊM - BẤT XÂM

QUÝ ĐÔNG KỈ

Thiên thứ nhất nói rằng:

Tháng cuối mùa đông: Mặt Trời ở vị trí của sao Vụ Nữ. Buổi chiều hôm sao Lâu ở phương chính nam, buổi sáng sớm sao Đê ở phương chính nam. Mặt Trời tháng này ở phương Nhâm Quý (phương bắc). Vị đế vương ứng với tháng này là Chuyên Húc. Vị thần ứng với tháng này là Huyền Minh. Động vật tiêu biểu tháng này là loài giáp giới. Thanh âm tháng này là Vũ. Âm luật tháng này hợp với Đại Lã (một trong Lục lã). Số của tháng này là 6. Vị tương ứng tháng này là vị mặn. Mùi tương ứng tháng này là mùi mục. Tháng này tế tự đất trong cửa. Lúc tế tự trước phải dâng thận. Chim đại nhạn bay về bắc. Chim khách bắt đầu làm tổ. Gà rừng gọi trống và đẻ trứng. Thiên tử tháng này ở trong phòng đằng đông của nhà hướng bắc, ngồi xe đen, thắng xe bằng ngựa đen, trên xe có cờ đen. Thiên tử mặc áo đen, đeo ngọc đen làm vật trang sức. Ăn kê nếp và thịt lợn. Đồ tế khí to mà chúm miệng. Thiên tử hạ lệnh cho

---

Chú thích: *Quý đông là tháng 12 lịch Hạ*

hữu ti tổ chức nghi thức Đại Na để xua trừ dịch quỷ. Chia súc vật phân tán bốn bên để bài trừ dịch quỷ, ra "trâu đất"(1) để tống tiễn khí lạnh. Chim đại nhạn luyện bay nhanh chuẩn bị cho chuyến bay xa. Bèn hoàn thành các lễ tế tự sông núi đế vương đại thần, thần kì Trời Đất.

Tháng này, thiên tử ra lệnh cho quan Ngư sư bắt đầu đánh cá. Thiên tử thân hành chờ đợi bắn cá. Nếm cá và dâng trước món cá lên tẩm miếu. Băng đang to, rắn. Ao đầm cũng đông cứng. Thiên tử ra lệnh lấy băng, băng đã chất vào hầm kho. Ra lệnh ban cáo cho dân, lấy ngũ cốc trong kho ra. Thiên tử ra lệnh cho quan Tư nông trù hoạch việc cày cấy, sửa chữa cày bừa, chuẩn bị các đồ dùng làm ruộng. Ra lệnh cho nhạc sư diễn tấu và hợp tấu các nhạc cụ thổi, sau khi kết thúc bèn ra lệnh cho các quan giám quản bách huyện trong kinh kì lần lượt lấy củi để đốt dùng trong tẩm miếu và bách tự (trăm lễ tế tự).

Tháng này, mặt trời kết thúc vận trình ở sao Thứ, mặt trăng kết thúc ở Kì. Các sao trở về bầu trời, số của 12 tháng sắp gần điểm cuối, một năm mới lại sắp bắt đầu. Chuyên nhất để cho nhà nông lo việc cày bừa, không sai khiến họ phục dịch. Thiên tử cùng các quan khanh đại phu sửa sang luật nước, bàn bạc thời lệnh, để quyết định năm tới thích hợp với công việc gì. Lại ra lệnh cho quan Thái sử, theo thứ tự của chư hầu mà thu đủ các súc vật cống nạp để dâng lên Hoàng thiên Thượng đế xã tắc hâm hưởng. Lại ra lệnh cho các nước chư hầu đồng tính (cùng họ) cung cấp bò dê chó lợn cho

---

(1) Trâu đất (thổ ngưu): những đống đất chất sẵn trên đê để gấp rút cứu đê, nhìn từ xa như những con trâu.

tẩm miếu. Ra lệnh cho tể lịch khanh đại phu và bình dân phải theo số đất ruộng mà đóng thuế các súc vật hi sinh dùng cho tế tự núi rừng sông ngòi. Phàm là dân trong chín châu thiên hạ đều phải dốc sức cung cấp cho tế tự Hoàng thiên Thượng đế, xã tắc tẩm miếu và sông suối núi rừng.

Tháng này nếu thời tiết bình thường, đó gọi là Nhất chung. (Tuyết lành) một tháng hai lần. Thời tiết quý đông nếu lại giống như thời tiết mùa thu, thì sẽ có bạch lộ tảo giáng (sương trắng sớm buông), các động vật loài giáp giới gây ra tai họa yêu nghiệt, trăm họ đều vào thành quách mà tự bảo vệ. Nếu lúc này xảy ra thời tiết mùa xuân thì các thai nhi và các cháu ra đời phần nhiều bị tổn thương. Quốc gia gặp nhiều chứng bệnh nan y gọi là "nghịch". Nếu là thời tiết mùa hè thì sẽ có úng lụt ngập hại quốc gia, tuyết lành không rơi đúng lúc, băng giá tan chảy.

SĨ TIẾT

Thiên thứ hai nói rằng:

Chú thích: *Tư tưởng của thiên này cũng giống thiên* Trung liêm *ở trên. Khí tiết của kẻ sĩ là "đáng lí bất tị nan, lâm hoạn vong lợi, di sinh hành nghĩa, thị tử như quy". (đáng lí thì không né tránh nguy nan, gặp họa hoạn thì quên lợi ích riêng, bỏ sự sống của mình để làm điều nghĩa, xem cái chết như sự trở về). Đây là lời của học phái Bắc Cung, Mạnh Xá, Tất Điêu.*

Kẻ sĩ làm người ở đời, đáng lí thì không tránh nguy nan, gặp họa hoạn thì quên lợi ích riêng, bỏ sự sống của mình để làm điều nghĩa, xem cái chết như sự trở về. Làm được như vậy, thì vua cũng không được coi là bạn, thiên tử cũng chẳng thể coi là bề tôi. Lớn thì yên định thiên hạ, thứ nữa thì yên định cả một nước, nhất thiết đều là do những con người như vậy. Bởi thế những người làm vua mà muốn lập nên công danh lớn thì không thể không chăm lo tìm kiếm con người như vậy. Bậc hiền chúa vất vả trong việc tìm người thì được nhàn nhã trong xử lí công việc.

Nước Tề có một người tên là Bắc Quách Tao, đan lưới, bó cỏ, bện giày (việc gì cũng làm), mà vẫn không đủ phụng dưỡng mẹ già, bèn đến cửa yết kiến Án Tử mà nói rằng: "Nguyện xin bảo tôi cách làm sao để nuôi được mẹ". Môn nhân của Án Tử nói với Án Tử rằng: "Đây là một người hiền của nước Tề, ông ta giữ nghĩa không làm tôi thiên tử, không làm bạn chư hầu, thấy lợi không chịu nhận một cách dễ dãi, thấy hại cũng không tránh né một cách tùy tiện. Nay đến xin ngài giúp cách nuôi mẹ, tức là ông ta đã thích cái nghĩa của ngài, ngài hẳn nên cho ông ta." Án Tử sai người chia thóc trong lẫm, tiền trong kho cho Bắc Quách Tao, Bắc Quách Tao không nhận tiền mà chỉ nhận thóc. Được ít lâu, Án Tử bị vua Tề ngờ vực, muốn trốn khỏi nước Tề, đi qua cổng nhà Bắc Quách Tao chào từ biệt, Bắc Quách Tao tắm gội rồi ra chào Án Tử mà hỏi rằng: "Ngài định đi đâu?" Án Tử nói: "Bị vua Tề ngờ vực, muốn trốn đi". Bắc Quách Tử nói: "Ngài hãy gắng sức mà chạy trốn đi". Án Tử lên xe, thở dài mà nói rằng: "Án Anh này

phải trốn chạy chẳng đáng lắm sao? Ta cũng thật chưa hiểu kẻ sĩ lắm lắm". Án Tử lên đường. Bắc Quách Tử gọi người bạn của mình đến mà bảo rằng: "Ta yêu quý cái nghĩa của Án Tử, nên đã từng xin cách nuôi mẹ. Ta từng nghe: 'Nuôi kẻ sĩ mà ơn thấu đến cha mẹ (của kẻ sĩ), thì kẻ sĩ cũng sẽ đem thân ra chịu thay tai nạn'[1] Nay Án Tử bị ngờ, ta sẽ lấy cái chết của ta để làm sáng tỏ cho ông ấy". Đoạn mũ áo chỉnh tề, bảo người bạn cầm gươm bưng tráp đi theo đến tận sân chầu của vua Tề xin với viên quan bẩm báo rằng: "Án Tử là người hiền trong thiên hạ, ông ấy rời nước Tề thì nước Tề ắt bị xâm lăng. Trước sau sẽ phải nhìn thấy nước nhà bị xâm lăng, thì chẳng bằng chết trước đi là hơn. Xin ông hãy lấy cái đầu của tôi dâng lên mà giải ngờ cho Án Tử". Rồi bảo người bạn: "Đựng đầu ta vào tráp mà dâng lên". Lùi lại một bước mà tự vẫn (tự cắt cổ). Người bạn đựng đầu Bắc Quách Tử vào hộp trao cho viên quan bẩm báo, rồi quay lại nói với những người đứng xem xung quanh rằng: "Bắc Quách Tử đã vì nước mà chết, tôi cũng sẽ vì Bắc Quách Tử mà chết". Cũng lùi lại một bước mà tự vẫn. Vua Tề nghe vậy, hết sức kinh hãi, bèn ngồi xe dịch mã, thân hành đuổi theo Án Tử đến tận biên giới mời Án Tử trở lại. Án Tử bất đắc dĩ quay về, nghe chuyện Bắc Quách Tao lấy cái chết để giải ngờ cho mình, bèn thốt lên rằng: "Án Anh này phải chạy trốn chẳng cũng đáng lắm sao? Ta thật không hiểu biết kẻ sĩ lắm lắm!"

---

(1) *Nguyên văn "Dưỡng cập thân ( ) giả, thân ( ) khang kì nạn".*

GIỚI LẬP

Thiên thứ ba nói rằng:

Giàu sang mà có người theo thì dễ. Nghèo hèn mà có người theo mình thì thật khó. Như ngày trước Tấn Văn Công lưu vong ở ngoài, bôn ba khắp thiên hạ, vừa nghèo lại vừa hèn, vậy mà Giới Tử Thôi không bỏ đi vì Tấn Văn Công có cái điều kiện để có được Giới Tử Thôi. Sau khi về nước làm vua vạn thặng[1] rồi, Giới Tử Thôi lại bỏ đi, là vì chẳng có cái điều kiện để có được Giới Tử Thôi nữa. Trong khó khăn thì cố kết được lòng người mà khi thuận lợi lại không làm được, đó chính là cái lẽ Tấn Văn Công không thể làm nên nghiệp vương vậy. Tấn Văn Công về nước, Giới Tử Thôi không chịu lĩnh thưởng, người tùy tòng của ông ta làm thơ rằng: "Hữu long vu phi, châu biến thiên hạ. Ngũ xà tòng chi, vị chi thừa phụ. Long phản kì hương, đắc kì xứ sở. Tứ xà tòng chi, đắc kì lộ vũ. Nhất xà tu chi, kiều tử ư trung dá. Huyền thư công môn, nhi phục ư sơn hạ" (Có con rồng bay, khắp trong thiên hạ. Có rắn năm con, đi theo phù tá. Rồng đã trở về, được yên xứ sở. Bốn rắn theo về, được ơn vũ lộ. Một rắn xấu hổ, chết khô ngoài đồng, treo thư ở cửa công, ẩn mình trong núi cả). Tấn Văn Công nghe chuyện liền nói: "Ôi! Đây chắc chắn là Giới

---

Chú thích: *Giới lập là chí hướng độc đáo riêng biệt* (lập là *lập chí, chí hướng). Thiên này là lời của phái Bắc Cung, Mạnh Xá, Tất Điêu.*

(1) *Vua vạn thặng: Vua nước lớn có một vạn cỗ binh xa.*

Tử Thôi!" Bèn thay quần áo, rời cung đình, và ra lệnh cho sĩ thứ nhân rằng: "Hễ ai tìm được Giới Tử Thôi, sẽ được ban tước thượng khanh và thưởng một trăm vạn mẫu ruộng". Có người gặp Giới Tử Thôi ở trong núi đầu đội nón, cõng nồi trên lưng, bèn hỏi: "Xin hỏi ông Giới Tử Thôi bây giờ ở đâu?" Đáp: "Cái ông Giới Tử Thôi chẳng muốn ra làm quan mà chỉ muốn đi ở ẩn ấy, thì tôi làm sao mà biết được." Nói đoạn quay đi, suốt đời không xuất hiện nữa. Nhân tâm mỗi người một ý, chẳng phải khác xa nhau lắm sao? Những kẻ trục lợi đời nay, chầu sớm về muộn, khô môi bỏng lưỡi, ngày đêm mơ tưởng cũng không có được, mà Giới Tử Thôi có được lại một mực nóng lòng trốn tránh nó. Giới Tử Thôi thật đã thoát tục xa lắm vậy.

Phương đông có một kẻ sĩ tên là Viên Tinh Mục, muốn đi đến một nơi nọ, nhưng bị đói ở giữa đường. Có kẻ trộm cướp tên là Khâu ở Hồ Phụ, trông thấy bèn đem cơm nước mà bón cho ông ta. Bón được ba hớp rồi, Viên Tinh Mục mới mở được mắt ra nhìn và hỏi: "Ông làm gì?" Đáp: "Tôi là Khâu ở đất Hồ Phụ". Viên Tinh Mục nói: "Ồi! Ngươi chẳng phải phường trộm cướp đó sao? Cớ sao lại cho ta ăn? Vì nghĩa, ta quyết không ăn cơm cháo của ngươi." Hai tay chống xuống đất mà nôn, nôn mãi không ra thức ăn bèn ọc "ằng ặc" đến lăn ra mà chết. Người nước Trịnh hạ đất Xử của nước Hàn, Trang Nghiêu cướp chiếm Sính Đô nước Sở, người nước Tần bao vây Trường Bình, tướng soái quý nhân Hàn Sở Triệu đều kiêu căng xiết bao, sĩ tốt và dân chúng các nước ấy đều khỏe mạnh xiết bao, người kiêu tráng giết nhau, người yếu thì lạy xin để khỏi chết, họ rốt cuộc

lần lượt ăn thịt lẫn nhau, chẳng phân biệt đạo nghĩa, chỉ mong sao may mắn được sống. Như Viên Tinh Mục khi đã ăn vào một ít mà khỏi chết rồi, lại ghét của bất nghĩa nên chẳng chịu không chết. Nếu để cho hai hạng người ấy cùng nhau lo tính công việc, thì há chẳng khác nhau xa lắm sao?

THÀNH LIÊM

Thiên thứ tư nói rằng:

Đá có thể đập vỡ, nhưng không bỏ được cái tính cứng rắn của nó. Son có thể mài vụn, nhưng không thể tước đoạt cái màu đỏ của nó. Rắn và đỏ là bản tính cố hữu của đá và son. Bản tính là cái nhận được ở trời, không phải tự nó lựa chọn mà được. Lòng tự tôn tự trọng của bậc hào sĩ, không thể khinh nhờn được, thì cũng giống như thế.

Xưa nhà Chu sắp dấy lên, có hai kẻ sĩ sống ở Cô Trúc, tên là Bá Di và Thúc Tề. Hai người bảo nhau rằng: "Tôi nghe nói ở Tây phương có ông Tây Bá, dường như là người có đạo, ta nay sao lại còn sống ở đây?" Hai người đi về phía tây đến nước Chu, khi đến Kì Dương thì Văn Vương đã mất. Vũ Vương lên ngôi. Để tỏ rõ đức của nhà Chu, Vũ Vương phái chú là Đán đến Tứ Nội

---

Chú thích: *Thiên này với thiên Trung Liêm đều là lời của học phái Bắc Cung, Mạnh Xá và Tất Điêu.*

hội kiến với Giao Cách, kết đồng minh với Giao Cách: "Tăng giàu thêm ba bậc, gia phong một bậc quan". Làm ba tờ thư cùng một nội dung, lấy máu súc sinh mà tế, chôn một tờ ở Tứ Nội, mỗi người mang một tờ về. Lại sai Thái bảo Thiện Công đến tiếp xúc với Vi Tử Khai ở dưới núi Cung Đầu, kết đồng minh với Vi Tử Khai: "Đời đời làm hầu tước, giữ lấy đất Ân, thường xuyên tế tự, thờ phụng Tang Lâm, và phong đất Mạnh Chư của Tống cho Vi Tử Khai làm ấp địa tư nhân" làm ba tờ thư cùng một nội dung, lấy máu súc sinh mà tế, chôn một tờ dưới chân núi Cung Đầu, mỗi người mang một tờ về. Bá Di và Thúc Tề nghe nói nhìn nhau mà cười rằng: "Ôi, kì quặc thật! Đó không phải là cái đạo mà chúng ta nói. Xưa họ Thần Nông có thiên hạ, tế tự theo thời hết lòng cung kính mà chẳng cầu phúc. Đối với người thì trung tín hết sức để yên dân mà chẳng đòi hỏi gì ở họ. Âm nhạc đứng đắn dùng để khiến dân đứng đắn, âm nhạc bình trị để khiến dân bình trị, không vì người khác xấu mà tự nhiên thành, không vì người khác thấp mà tự nhiên cao. Nay nước Chu thấy Ân Thương loạn, thì đã vội vàng uốn nắn và sửa sang, sùng thượng quyền mưu và thực hành hối lộ, cậy quân đội mà giữ oai phong. Sát sinh kết minh để làm tin, mượn Tứ Nội và Cung Đầu để công khai hành động, nói cảnh mộng cho dân chúng mừng, sát phạt để đòi lợi, lấy đó để nối nhà Ân, đó là lấy hỗn loạn để thay thế bạo lực. Ta nghe rằng kẻ sĩ thời xưa, gặp đời trị thì không trốn tránh trách nhiệm của mình, gặp thời loạn không sống tạm qua ngày. Ngày nay thiên hạ hôn ám, đức nước Chu đã suy. Bạn

cùng Chu để nhuốm bẩn thân ta, sao bằng tránh đi để đức hạnh ta trong trắng". Hai người đi về phương Bắc đến núi Thú Dương thì đói quá mà chết. Thường tình người ta ai cũng có điều coi trọng, ai cũng có điều coi khinh. Cái gì coi trọng thì muốn bảo toàn, cái gì coi khinh thì dùng để nuôi cái điều coi trọng. Hai kẻ sĩ Bá Di, Thúc Tề đều bỏ thân mình để nêu cao chí hướng, điều khinh điều trọng đã sớm xác định từ trước.

BẤT XÂM

Thiên thứ năm nói rằng:

Thiên hạ nhẹ hơn thân mình, mà kẻ sĩ có thể bỏ mình vì người khác. Bỏ mình vì người khác, trọng nghĩa như vậy mà người ta chẳng hiểu mình, thì lấy gì mà nói là tương đắc? Chúa hiền ắt phải tự mình biết rõ kẻ sĩ, cho nên kẻ sĩ mới đem hết sức lực và tài trí, thẳng thắn khuyên ngăn, chứ không trốn tránh điều họa hoạn có thể vì thế xảy đến cho mình. Dự Nhượng và Công Tôn Hoằng chính là như vậy. Vào thời đó, Trí Bá và Mạnh Thường Quân đều hiểu rõ họ và tin cậy họ. Còn vua chúa đời nay, được trăm dặm đất thì rất vui mừng, lân bang tứ phía đều đến chúc mừng, còn được kẻ sĩ thì

Chú thích: *"Bất xâm" tức là không thể xâm phạm được. Nói rõ kẻ sĩ vì nghĩa không thể chịu nhục, dũng cảm trước cái chết. Là lời của học phái Bắc Cung, Mạnh Xá, Tất Điêu.*

thì chẳng vui, cũng chẳng biết chúc mừng. Đó chính là không biết phân biệt khinh trọng vậy.

Thang và Vũ là vua chư hầu ngàn cỗ xe, mà kẻ sĩ đều theo về họ. Kiệt và Trụ là thiên tử, mà kẻ sĩ đều bỏ họ mà đi. Khổng Tử, Mặc Tử là những kẻ sĩ áo vải, song dẫu là vua "vạn thặng" hay vua "thiên thặng"[1] đều không thể tranh đoạt kẻ sĩ trong thiên hạ với họ được. Do đó có thể thấy rằng, tôn quý giàu sang lớn mạnh đều không thể dùng để khiến kẻ sĩ theo về, mà nhất thiết phải tự biết mình rồi sau mới có thể lôi cuốn kẻ sĩ được.

Bạn của Dự Nhượng bảo ông ta rằng: "Việc làm của anh sao mà hồ đồ vậy? Anh đã từng thờ họ Phạm, họ Trung Hàng, chư hầu đã diệt hết họ, anh chẳng lo báo thù cho họ mà đến họ Trí thì anh lại khăng khăng quyết báo thù cho ông ta, là cớ sao? Dự Nhượng đáp: "Tôi sẽ nói cho anh rõ đầu đuôi. Họ Phạm và họ Trung Hàng khi tôi rét họ chẳng cho tôi đủ áo, khi tôi đói họ chẳng cho tôi đủ cơm, mà bao giờ cũng nuôi tôi chung với hàng ngàn người, nghĩa là coi tôi như mọi người. Nuôi tôi giống như mọi người, thì tôi cũng thờ họ như mọi người. Còn họ Trí thì khác. Ra cửa mời tôi đi xe, về nhà cung phụng tôi thật đầy đủ. Giữa chốn triều đình công chúng, bao giờ cũng hướng tới chỗ tôi mà thi lễ, đó là đãi tôi như bậc quốc sĩ. Đãi tôi như bậc quốc sĩ, thì tôi cũng lấy tư cách quốc sĩ mà thờ ông ta". Dự Nhượng là bậc quốc sĩ mà còn tính đến cách người ta đối đãi với mình như vậy, huống chi là người bình thường!

---

(1)Vạn thặng: một vạn cỗ binh xa. Thiên thặng một ngàn cỗ binh xa.

Mạnh Thường Quân cai trị đất Quan Đông. Công Tôn Hoằng bảo Mạnh Thường Quân: "Ngài chi bằng sai người sang phía tây quan sát Tần Vương. Ý giả Tần Vương có khí tượng xưng đế, thì e rằng ngài muốn làm thần hạ của ông ta cũng không xong, chứ ngài đâu kịp cai trị Quan Đông mà làm khó dễ cho ông ta? Còn nếu Tần Vương là hạng vua bất tiếu (kém cỏi), thì ngài sẽ sửa trị đất Quan Đông mà làm khó dễ với ông ta cũng chưa muộn". Mạnh Thường Quân nói: "Hay lắm. Vậy xin phiền ngài đi cho một chuyến". Công Tôn Hoằng cung kính lĩnh mệnh, lấy mười cỗ xe đi sang Tần. Tần Chiêu Vương nghe tin, muốn dùng lời lẽ để làm nhục ông ta, xem ông ta đối đáp ra sao. Công Tôn Hoằng yết kiến Chiêu Vương. Chiêu Vương hỏi: "Đất Triết rộng hẹp được bao nhiêu?" Công Tôn Hoằng thưa: "Vuông trăm dặm". Chiêu Vương cười rằng: "Nước của quả nhân, đất mấy ngàn dặm, còn chưa dám làm khó người khác, nay Mạnh Thường Quân đất chỉ có trăm dặm, mà muốn lấy đó làm khó dễ quả nhân được sao?" Công Tôn Hoằng thưa: "Nhưng Mạnh Thường Quân yêu chuộng kẻ sĩ, còn đại vương thì không chuộng kẻ sĩ." Chiêu Vương hỏi: "Mạnh Thường Quân yêu chuộng kẻ sĩ như thế nào?" Công Tôn Hoằng thưa: "Vì nghĩa mà không xưng thần hạ với thiên tử , không làm bạn với vua chư hầu, lúc đắc ý làm vua không chút hổ thẹn, lúc bất đắc ý chẳng chịu làm tôi kẻ khác, người như vậy trong thiên hạ chỉ có ba. Cai trị quốc gia thì có thể làm thầy Quản Trọng và Thương Ưởng, thuyết nghĩa mà nghe theo thực hiện, năng lực đưa

được chủ mình lên bậc bá vương; người như vậy thì có năm. Còn bậc nghiêm chủ của nước vạn thặng mà làm nhục sứ giả thì có thể lùi một bước cắt cổ tự vẫn để máu mình vọt lên vấy bẩn áo bào của vua vạn thặng, người như hạ thần thì có được bảy" Chiêu Vương cười mà tạ tội rằng: 'Quý khách hà tất phải như vậy? Quả nhân quý Mạnh Thường Quân, rất mong ngài kính cẩn chuyển đạt ý của quả nhân như vậy tới Mạnh Thường Quân". Công Tôn Hoằng kính cẩn nhận lời. Công Tôn Hoằng đáng gọi là "bất xâm", không thể xâm phạm được. Chiêu Vương là vua nước lớn. Mạnh Thường Quân là chư hầu thiên thặng. Xác lập được cái nghĩa của nước thiên thặng không được xâm phạm, đáng gọi là kẻ sĩ vậy.

TỰ Ý

Năm thứ tám sau khi nhà Tần thay nhà Chu trị vì thiên hạ, Thái Tuế ở phương vị sao Thân, mùa thu, ngày sóc (mùng một) tháng Giáp Tí, có người quân tử hỏi về tình hình *Thập nhị kỉ*, Văn Tín Hầu (Lã Bất Vi) nói: "Từng được học những điều Hoàng Đế dùng để dạy Chuyên Húc: Có Trời ở trên, có Đất ở dưới, người học được Trời Đất, thì làm cha mẹ dân. Nghe nói đời thanh bình ngày xưa là do bắt chước Trời Đất. *Thập nhị kỉ* là dùng để ghi chép sự trị loạn tồn vong, là để biết thọ yểu hung cát vậy. Trên có Trời có thể khảo sát, dưới có Đất có thể nghiệm chứng, ở giữa có Người có thể thẩm xét, như vậy thì phải trái được chăng đều không thể

Chú thích: Tự ý *là lời tựa của* Lã thị Xuân thu, Thập nhị kỉ. *Các phần* Thập nhị kỉ, Bát lãm, Lục luận *của sách họ Lã chẳng phải được viết thành trong cùng một lúc, cũng chẳng phải được viết ở cùng một nơi. Lời tựa này chính là tựa của* Thập nhị kỉ *lúc phá cửa thành Hàm Dương, đặt ở cuối* Thập nhị kỉ.

Đoạn "Triệu Tương Tử du ư trung" (Triệu Tương Tử đi chơi săn bắn trong vườn) về sau gồm 136 chữ trong nguyên tác là của thiên trước Bất xâm *mà các thẻ tre bị lạc xuống đây. Đáng ra phải ở sau câu "Dự Nhượng chi hữu vị Dự Nhượng viết" (Bạn của Dự Nhượng bảo Dự Nhượng rằng).*

trốn thoát. Trời là thuận, thuận thì duy trì sự sống, Đất là vững, vững thì duy trì yên ninh; Người là tín, tín thì có thể tiếp thu. Cả ba đều thỏa đáng, thì không làm gì cả cũng có thể được vận hành. Vận hành tức là thi hành cái lí của nó. Vận hành số Trời, phải theo quy luật mà khắc phục tư dục. Có tư dục, thì khi nhìn mắt sẽ bị mù, khi nghe tai sẽ bị điếc, khi nghĩ tâm sẽ bị cuồng. Cả ba đều do tư dục thi hành trí xảo mà không xuất phát từ công tâm. Trí xảo không xuất phát từ công tâm, thì phúc sẽ ngày càng suy, tai họa ngày càng lớn, tai họa ngày càng nổi lên, cảnh tượng như khi mặt trời xế về tây mà ngóng nhìn về phương tây vậy.

Triệu Tương Tử đi chơi săn bắn trong vườn, đến chỗ sườn đồi thì ngựa không chịu tiến. Thanh Khiên là tham thặng, Tương Tử nói: "Hãy tiến lên xem dưới sườn đồi, dường như có người." Thanh Khiên xuống dưới sườn đồi xem, thì thấy Dự Nhượng đang nằm giả chết, lúc này quát mắng Thanh Khiên rằng: "Tránh ra! Ta là bậc trưởng, ta sắp có việc". Thanh Khiên nói: "Khi còn nhỏ, tôi cùng ngài là bạn, nay ngài sắp làm việc lớn, mà tôi nói ra chuyện này ra thì vi phạm vào đạo tình bạn; nhưng ngài sắp tàn hại chúa tôi mà tôi không nói ra, thì lỗi đạo vua tôi. Như trường hợp tôi, chỉ có chết mới ổn được". Bèn lui lại mà tự sát. Thanh Khiên chẳng phải là muốn chết, nhưng vì coi nặng việc lỗi đạo vua tôi, mà cũng ghét việc phế bỏ đạo tình bạn. Thanh Khiên, Dự Nhượng thật đáng gọi là bạn vậy.

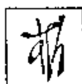
MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
DƯƠNG THU HỒNG
Chịu trách nhiệm bản thảo :
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập :
BAN VHNN NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
TRUNG TÂM VHNN ĐÔNG TÂY
Bìa :
VĂN HIẾN DESIGN
Sửa bản in :
DỊCH GIẢ

Phát hành tại :



Nhà sách Văn Hiến
411 Lê Văn Sĩ, Quận 3, Tp. HCM - ĐT : 9313202



Nhà sách Đông Tây
32 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT/Fax : 04-8251374

LÃ BẤT VI
Lã Thị Xuân Thu
Phan Văn Các dịch
Nhà Xuất Bản Văn Học, 18 Nguyễn Trường Tộ, Hà Nội
Lã Thị Xuân Thu là bộ sách nổi tiếng của Trung Hoa cổ đại, lần đầu tiên được dịch đầy đủ sang tiếng Việt.

In 1000 bản tại Xí Nghiệp In Quận 8, Tp. HCM
Giấy phép xuất bản số : 74/526 ngày 24/6/1999
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 1999.



NHÀ SÁCH VĂN HIẾN
411 Lê Văn Sĩ, Quận 3 - TEL. 9313202
E-mail : vanhien@hcm.vnn.vn

GIÁ : 17.800đ